

BÁCH KHOA

SỐ 68 — NGÀY 1.11.1959

Trong số này :

- | | |
|--|--|
| LÊ-LINH | Vấn đề sử-dụng đất đai tại Việt-nam. |
| HOÀNG-MINH-TUYNH | Dự luận đệ-tam Thế-giới đối với viện-trợ. |
| PHẠM-HOÀNG | Thắc mắc: Bài học của lịch-sử. |
| PHAN-KHOANG | Những biến chuyển đầu tiên trong xã-hội Việt-nam khi tiếp xúc với văn-minh Âu-Tây. |
| NGUYỄN-HÙNG-CƯỜNG | Sự phân loại sách và các hệ-thống thư-viện trên thế-giới. |
| ĐOÀN-THÊM | Chúng ta theo lẽ nào? |
| CÔ-LIÊU | Lunik III. |
| <i>Yã-Hạc</i> NG.-V.-TRUNG
NGUYỄN-NGU-Í | { Danh từ địa-phương. |
| NGUYỄN-HUY-KHÁNH | Luận nhân-vật đời Tam-quốc. |
| NGUYỄN-PHÚC
LÊ-VĂN-TRƯƠNG
VÕ-PHIẾN | { Ý-kiến về truyện ngắn Việt và ngoại-quốc. |
| CHÂU-HẢI-KỶ | Bàn về vấn-đề chính-chính tài-liệu Văn-học. |
| TRẦN-NGUYỄN ANH-CA | Tôi đóng phim tại Pháp. |
| PHẠM-THANH | Thư trả lời bài Diễm sách của Ô. Nguyên-Phủ. |
| VŨ-ANH-TUẤN | Nơi thôn dã (truyện dịch). |
| MẶC-THU | Cơn giông (truyện ngắn). |
| PHAN-DU | Ngôi sao xa (truyện ngắn). |

RƯỢU : — Rượu Âu mạnh " *Eau de Vie cu* " 40° và 50°
— Rượu Tàu " *L'Or-Marche-Fine* "
— Rượu Tàu " *Tch-Tho-Fine* "

SI-RÔ " *Verigoud* " :

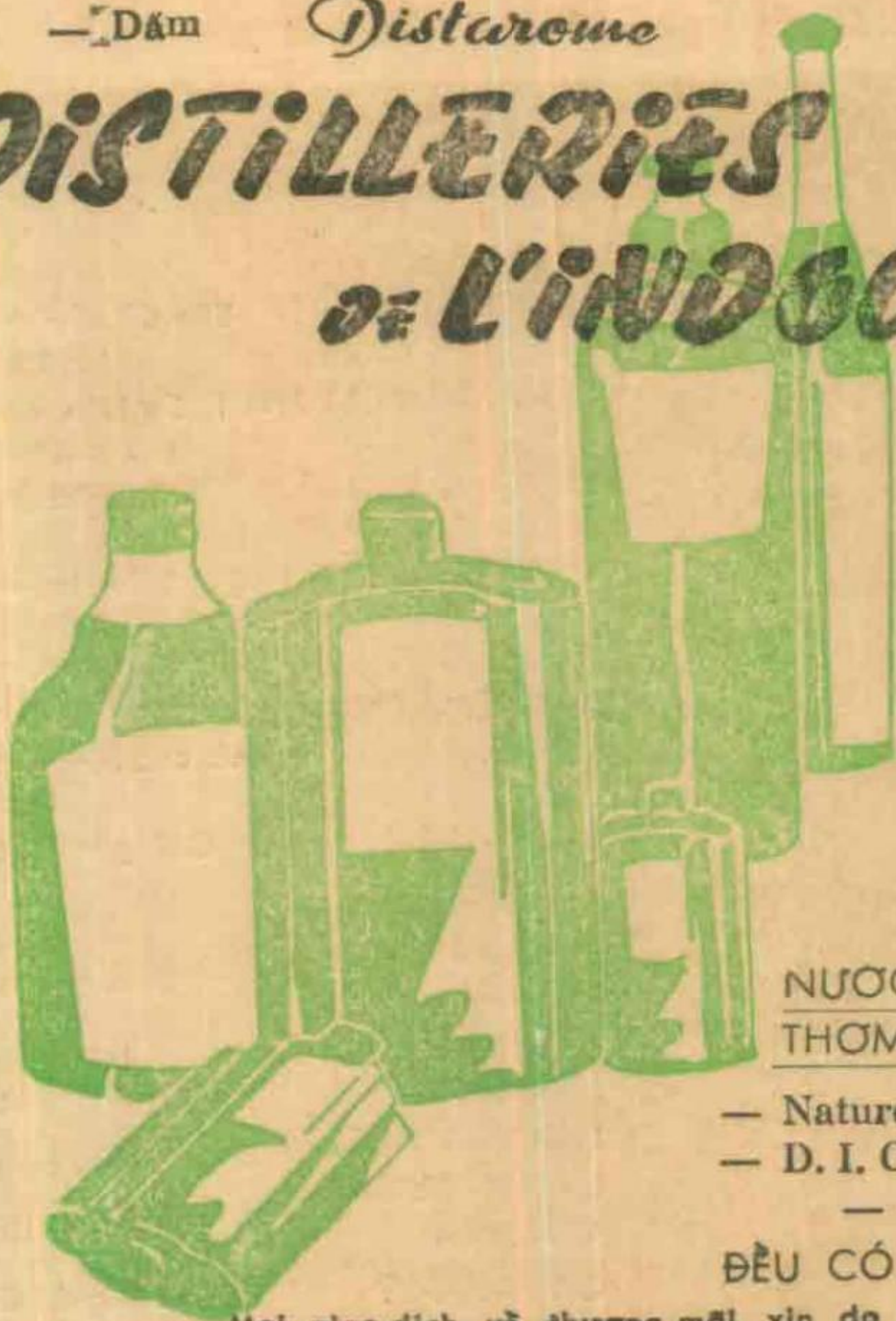
— Si-rô Cam, Quít, Chanh, Bưởi.

DẤM THẬT NGON 6° :

— Dấm *Distarome*

Distilleries

de L'INDOCHINE



**NƯỚC HOA và DẦU
THƠM « D.I.C. » :**

— Naturelle — Fougère
— D. I. C. 5 — Lavande
— Stella

ĐỀU CÓ BÁN KHÁP NƠI

Mọi giao dịch về thương mại, xin do :

ở **NAM-PHẦN :** HÃNG RƯỢU BÌNH-TÂY (S.F.D.I.C.)
135, đường Pasteur — SAIGON

ở **TRUNG-PHẦN :** CÔNG TY THƯƠNG MẠI, KỸ NGHỆ và TIÊU CÔNG NGHỆ
(S.I.C.A.) — 32, Bến Bạch-Đằng — ĐÀ-NANG

HÃNG RƯỢU NHIỀU-BÁ

6, đường Hoàng-Hoa-Thám — NHA-TRANG

SẢN PHẨM CỦA HÃNG THUỐC



COTAB

VIRGINIE



BANQUE FRANÇAISE DE L'ASIE

PHÁP - Á NGÂN - HÀNG

(HỘI NẶC DANH VỚI SỐ VON 400.000.000 QUAN)

Chi-nhánh tại SAIGON

29, Bến Chương-Dương

Điện thoại: 23.434/35/36 — Địa-chỉ Điện-tín : Fransibank

Chi-nhánh phụ : Hẻm Eden, Saigon



TẤT CA CÔNG VIỆC NGÂN - HÀNG



Đại-diện các Ngân-Hàng trên thế-giới



*Ngân-Hàng thừa nhận do Viện Hối-Đoái
Quốc - Gia Việt - Nam*

Mở các khoản tín-dụng về
Xuất-cảng — Nhập-cảng



SILENCE TOTAL

à 800 km-heure

AIR FRANCE

présente

Caravelle

Dans le bleu limpide des hautes altitudes, Caravelle glisse paisiblement, tel un planeur, dont il évoque la ligne pure, fonctionnelle et racée.

Musique en plein ciel

Caravelle est l'avion le plus silencieux du monde. Aucune vibration : dans la cabine, on ne perçoit pas le bruit des réacteurs (placés à l'arrière du fuselage). Détendus, les passagers d'Air France écoutent la musique de Mozart dans une ambiance aussi calme que celle d'un chalet de haute montagne...

L'Europe à 800 km-heure

Caravelle équipe aujourd'hui les lignes européennes d'Air France (*). Parmi les premières lignes desservies : la liaison Paris - Istanbul, grâce à laquelle Paris est seulement à :

1 h 40 de vol de Milan, 2 h 30 de vol d'Athènes
2 h 00 — — Rome, 3 h 30 — d'Istanbul

* Air France réalise actuellement le plus vaste programme d'expansion de son histoire : après les "Caravelle", mise en ligne des quadiréacteurs Boeing 707 "Intercontinental".

AIR FRANCE

LE PLUS GRAND RESEAU DU MONDE

CONSULTEZ VOTRE AGENT DE VOYAGES DU AIR FRANCE 122, 130 RUE TU-DO-SAIGON TEL. 20.981 & 84

BANQUE FRANCO-CHINOISE

POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

SOCIETE ANONYME FRANÇAISE

SIÈGE SOCIAL : 74 Rue St-LAZARE — PARIS

AGENCE de SAIGON

32, Đại-lộ HAM-NGHI (R.C. Saigon N° 272)

Tél : 20.065 — 20.066 — 20.067. — Boite Postale N° 40 — SAIGON

BUREAUX AUXILIAIRES

SAIGON-MARCHÉ : 178, đường Lê-thánh-Tôn

Tél. : 22.142

CHOLON : 386, Đại-Lộ Đồng-Khánh.

Tél. : 621

AGENCES :

FRANCE : PARIS, LYON, MARSEILLE

VIETNAM : SAIGON

CAMBODGE : PHNOM-PENH, BATTAMBANG, KOMPONG-CHAM

MADAGASCAR : TANANARIVE, TAMATAVE

Location de Cof fres-forts par l'Agence de Saigon
Toutes Opérations de Banque et de Change.



Để dùng vào
KỸ-NGHỆ
NÔNG-NGHIỆP
và **TRONG NHÀ**

CÔNG-TY SHELL VIỆT-NAM

xin giới thiệu cùng
Quý Ngài những hoá-phẩm
do dầu hỏa chế ra.



Chất để pha trộn,
Acétone, glycérine, toluène



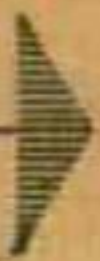
Xà-bông nước hoá-học



Thuốc sát-trùng bột như Dieldrin,
Aldrin, Endrin, trừ các loài
sâu bọ cắn hại mùa màng



Hơi Butagaz để đun bếp
vừa sạch-sẻ, vừa tiện lợi



Thuốc sát trùng Shelltox, mùi
dễ ngửi, giết ruồi, muỗi... rất nhạy

BANK OF CHINA

Siège Social : TAIPEI-TAIWAN

Capital : 6.000.000 Dollars Argent

Responsabilité des Membres Limitée

Adresse Télégraphique : CHUNGKUO

Codes : Peterson International 3rd Edition

Bentley's Second Phrase

TRAITE TOUTES LES AFFAIRES DE BANQUE

**AGENCES ET CORRESPONDANTS DANS TOUTES LES
GRANDES VILLES DU MONDE**

Succursale de Saigon :

11, Bến Chương Dương (ex Quai de Belgique)

Téléphone : 21.632-21.633

Agence à Cholon :

448-450, Bến Hàm Tử (ancien 16-18 Boulevard Gaudot)

Téléphone : 396

Agence à Phnom-Penh :

20. Boulevard Norodom (Ex 20. Bd Doudart de Lagrée)

Téléphone : 323

AGENCE DE LA

CHINA INSURANCES COMPANY LTD.

Maritimes — Incendies — Automobiles et Divers

**Société Indochinoise de Documentation
et de
Représentations Commerciales
(S. I. D. E. R. C. D.)**

Exclusivités :

Whisky BALLANTINE'S »

Cognac « COURVOISIER »

Sardines « LES OCÉANIDES »

Champagne « HEIDSIECK & C°
MONOPOLE »

Vins de Chianti et Vermouth
« MIRAFIORE »

Vin Rose Valpolicella Chiaretto
« MNOTRESOR »

Huile d'Olive « ADOLPHE PUGET »

18, Bến Bạch Đằng
SAIGON

Tél : 20.055

La Société Urbaine Foncière

(S. U. F. D.)

18. BEN BACH DANG — SAIGON

NHÀ THUỐC

LA THÀNH

195 — 201, Đường Tự-Do — SAIGON

Điện-Thoại : 20.577 — Điện-Tin LATHANH — SAIGON

TỔNG PHÁT HÀNH ĐẶC CHẾ

Các Viện Dược-Phẩm danh tiếng:

- LEDERLE (Huê-Kỳ)
 - GLAXO (Anh-Quốc)
 - LILLY (Huê-Kỳ)
 - SQUIBB (Huê-Kỳ)
 - PHILIPP ROXANE (Hòa-Lan)
 - SCHERING (Huê-Kỳ)
 - AMBRINE (Pháp-Quốc)
 - DE ANGELI (Ý-Đại-Lợi)
 - DON BAXTER (Huê-Kỳ)
 - ỐNG CHÍCH
 - và
 - KIM CHÍCH
- { « IDEAL »
(Huê-Kỳ)

ĐẶC CHẾ NỘI HÓA :

- IODOPHEDRINE « MUS »
(Thuốc suyễn)
- BANCAMYD (Trị ban cầm trẻ em)
- ELIXIR ANTICHOLERIQUE et ANTIDIARRHEIQUE « MUS »
(Trị tiêu chảy, thiên thời, đau bụng, ói mửa kiết lỵ, kiết đàm, kiết máu)
- SIROP PECTORAL « MUS »
(Thuốc ho)
- MUSTONIC (Thuốc bổ)
- SIROP BEBEMUS (An thần trẻ em)
- ANTIMYCOSE « MUS » (Trị lông ben)
- VERMI « MUS » (Trị sán lải)
- HEPATOMUS (Trị bệnh gan)
- LINIMUS (Dầu thoa bóp)
- CORRICIDE « MUS » (Trị mắc cá)
- CORTAL
(sous licence STERLING)

Tiếp đãi ân cần — Bào chế kỹ lưỡng theo toa Bác-sĩ
CÓ ĐU : Dược-phẩm — Dụng-cụ y-khoa — Hóa-học phẩm



NHỮNG GIẢM GIÁ ĐẶC BIỆT
TRÊN NHỮNG ĐƯỜNG BAY TRONG XỨ

CỦA

VIỆT - NAM HÀNG - KHÔNG

1) *Giảm giá gia-đình 15 %* trên vé bay cho hành-khách trong một gia-đình đi chung nhau và gồm có ít lắm :

- 3 người lớn
- 2 người lớn và 2 trẻ em từ 3 đến 12 tuổi
- 1 người lớn và 4 trẻ em từ 3 đến 12 tuổi

2) *Giảm-giá cho các đoàn nghệ-sĩ và thể-thao :*

- 15 % trên giá vé khứ-hồi cho những đoàn ít lắm là 5 người
- 20 % trên giá vé khứ-hồi cho những đoàn ít lắm là 10 người
- 25 % trên giá vé khứ-hồi cho những đoàn 15 người trở lên

XIN HỎI CHI-TIẾT NƠI :

Tổng Đại-Lý VIỆT-NAM HÀNG-KHÔNG

116, Đại-lộ Nguyễn-Huệ — SAIGON

Đ. T. : 22.446-47, 21.624-25-26



BÁCH-KHOA

Số 68 — Ngày 1 - 11 - 1959

	Trang
LÊ-LINH	Văn-đề sử-dụng đất đai tại Việt-nam. 3
HOÀNG-MINH-TUYNH	Đư-luận đệ-tam Thế-giới đối với viện-trợ. 7
PHẠM-HOÀNG	Thắc mắc: Bài học của lịch-sử. 14
PHAN-KHOANG	Những biến chuyển đầu tiên trong xã-hội Việt-nam khi tiếp-xúc với văn-minh Âu-Tây. 15
NGUYỄN-HÙNG-CƯỜNG	Sự phân loại sách và các hệ-thống thư-viện trên thế-giới 20
ĐOÀN-THÊM	Chúng ta theo lẽ nào ? 23
CÔ-LIÊU	Lunik III 28
Yã-Hạc NGUYỄN-VĂN-TRUNG và NGUYỄN-NGU-Í	Danh-từ địa-phương 31
NGUYỄN-HUY-KHÁNH	Luận nhân-vật đời Tam-quốc. 35
NGUYỄN-PHÚC LÊ-VĂN-TRƯƠNG VÕ-PHIẾN	Ý-kiến về truyện ngắn Việt và ngoại- quốc 41
CHÂU-HẢI-KỶ	Bàn về văn-đề định-chính tài-liệu Văn-học. 51
TRẦN-NGUYỄN ANH-CA	Tôi đóng phim tại Pháp 55
PHẠM-THANH	Thư trả lời bài Điểm-sách của Ô. Nguyễn Phú 59
VŨ-ANH-TUẤN	Nơi thôn dã (truyện ngắn) 63
Á-Nam TRẦN-TUẤN-KHẢI	Thơ (dịch) 73
MẶC-THU	Cơn giông (truyện ngắn) 74
XUÂN-HIẾN	Đổi thay (thơ) 80
PHAN-DU	Ngôi sao xa (truyện ngắn) 82

BÁCH-KHOA

Trong những số tới

- | | | |
|-----------------|---|---|
| LÊ-LINH | : | Vấn-đề sử-dụng đất đai tại Việt-Nam. |
| PHẠM-NGỌC-THẢO | : | Vấn-đề tập-trung và phân tán lực-lượng chiến-đấu. |
| NGUYỄN-TOẠI | : | Bàn về mấy bản đồ xưa in trong quyển « Việt-sử tân-biên » |
| LÊ-NGỌC-TRỤ | : | Nỗi thắc-mắc của bạn đọc về bản Chính-phụ ngâm. |
| NGUYỄN-VĂN-HẦU | : | Về. |
| TRẦN-VĂN-KHÊ | : | Nhạc-sĩ Beethoven và giao-hưởng khúc số 9. |
| NGUYỄN-HIẾN-LÊ | : | Con vịt (tùy bút). |
| DOÃN-QUỐC-SỸ | { | Ý-kiến về truyện-ngắn Việt và ngoại-quốc. |
| Bà ÁI-LAN | | |
| THIÊN-GIANG | : | Phát đạn (truyện dịch). |
| NGUYỄN | : | Giả dò yêu (truyện ngắn). |
| TRANG-THẾ-HY | : | Cuối Ba-dùm (Truyện ngắn miền Thượng). |
| VŨ-HẠNH | : | Cây đa đồn cũ (truyện ngắn). |
| NGUYỄN-VĂN-XUÂN | : | Song hành (truyện ngắn). |
| CHU-MINH-THỤY | : | Tương-quần (dịch Liêu-trại). |
| KIỀU-YIÊU | : | |

THẺ LỆ MUA BÁO DÀI HẠN

6 tháng 12 số : 90\$00 — 1 năm 24 số : 180\$

Ở ngoại quốc xin gởi thêm cước phí.

BÁO QUÁN : 160 Phan-Đình-Phùng — SAIGON — Đ. T. 25.539

Nhà In : 412-414, đại lộ Trần-Hưng-Đạo — SAIGON

Thư từ và bài vở xin gửi cho : Tòa soạn BÁCH-KHOA
hộp thư số 339 Saigon

Bưu phiếu xin đề tên : **Ô. Huỳnh-Văn-Lang**
160 Phan-Đình-Phùng — SAIGON

VẤN ĐỀ SỬ-DỤNG ĐẤT ĐAI TẠI VIỆT-NAM

★ — LÊ-LINH

VIỆT - NAM là một xứ Nông-nghiệp, thiết-tưởng ta cũng nên tìm hiểu qua về vấn-đề sử-dụng đất-đai tại Việt-nam cũng như sự tiến-triển trong các ngành hoạt-động thuộc về Nông-nghiệp của nó

Đối với những nguồn lợi thiên-nhiên vô-tận của Việt-nam, như Hầm, Mỏ, Quặng, Rừng, Biển và các tài-nguyên do đất hoặc do dưới lòng đất (Richesse du sous-sol) sản-xuất, thì Việt-nam là một miền đất khá giàu có, phồn-thịnh nếu

được khai - thác các tài-nguyên và sử-dụng đất-đai một cách hợp-lý. Trong phạm-vi bài này, chúng tôi chỉ đưa ra một trong các vấn-đề quan-trọng, đó là vấn-đề sử-dụng đất đai (Utilisation du sol).

Các miền đất ở Việt-nam, có thể chia ra ba phần đất chính, phù hợp với địa-thể, độ cao và khí-hậu như sau :

- 1) Miền đất Trung-Nguyên Trung-phần
- 2) Miền đất Cao-Nguyên Trung-phần
- 3) Miền đất Nam-phần.

Mỗi miền đất trên đây đều ở vào một vị-trí, địa thể, độ cao và khí hậu khác nhau mà ta có thể lấy các địa điểm sau đây làm tiêu chuẩn.

Địa điểm	Độ cao cách mặt biển	Nhiệt độ trung bình hằng năm	Số ngày có mưa trong năm	Các tháng mưa từ — đến	Vũ lợi tương đối %
CAO-NGUYÊN TRUNG PHẦN					
HUE	15 m	24,7	167	8 — 12	82,7
TOURANE	5,8	24,5	149	8 — 12	82,6
NHA TRANG	5 m	26,2	122	9 — 12	80,3
TRUNG-NGUYÊN TRUNG PHẦN					
DALAT.	957 m	20,6	176	4 — 10	80,8
DJIRING.	972 m	20,6	188	4 — 10	84,3
BLAO	850 m	20,9	158	4 — 10	86,3
BANMÉTHUOT.	488 m	22,8	163	4 — 10	84,7
NAM PHẦN					
SAIGON	8 m 8	26,6	176	5 — 11	78,3
VŨNG-TÀU	175 m	25,6	127	5 — 11	86,2
SÓC-TRĂNG.	3 m 2	28,4	165	5 — 11	84,6
CON-SƠN	3 m	28,6	170	5 — 11	79,1

NGUỒN GỐC: Trích theo Niên giám Thống-kê Bộ Kinh-Tế, xuất bản năm 1958.

(1) Độ cao này chỉ tính tại những ga (station) chính không kể độ cao chung cho cả khu vực.
Như Dalat : ga Liên-khang ; Huế : ga Phú Bài ; Sài-gòn : ga Tân-sơn-Nhứt.

VẤN ĐỀ SỬ-DỤNG ĐẤT ĐAI TẠI VIỆT-NAM

Xem trong bản thống-kê trên, ta nhận thấy về cả ba phương-diện : địa-thể, khí hậu, độ cao v.v... đều chia hẳn Việt-nam Tự-do làm ba miền đất chính, có ảnh hưởng quan-trọng tới vấn-đề trồng-trọt của Việt-nam mà ta sẽ bàn đến sau đây.

1) Các khu-vực miền Trung

Các miền đất thuộc Trung - nguyên Trung-phần là một miền đất hỗn hợp vừa cao vừa thấp ; thêm vào đó, địa-thể rất thay đổi, mỗi miền đất trong từng tỉnh, phần nhiều miền nào cũng gồm có núi, rừng thưa, rừng dày, thung-lũng, đất cao, đất thấp, đất ngập nước (plaine inondée) v.v...

Đi từ Phan-thiết ra tới Quảng-trị, ta thường thấy hai bên Quốc-lộ số 1, có những cánh đồng lúa hoặc lớn hoặc nhỏ. Một vài cánh đồng đáng kể như cánh đồng bằng, Tuy-hòa, Bình-dịnh và Quảng-nam. Vì các cánh đồng này vừa khá rộng và đất cũng khá phì nhiêu hơn các miền khác ở Trung-việt. Như đồng bằng Tuy-hòa nhờ đập Đồng-cam, cánh đồng bằng Tuy-Phước — Bình-dịnh nhờ đập Bầy-yên và Quảng-nam nhờ có nước lưu-thông trong đồng lúa do sông Thu-bồn và một vài nhánh quan-trọng khác. Tuy nhiên số đất đai canh-tác so với diện-tích chung của cả miền Trung ất ít ỏi, chỉ được 13%, ngoài ra là những đồi núi hoặc các khu rừng rậm hoang vu, hay nói một cách khác là vì đất quá xấu. Trong thành-phần gồm có đất cát, sỏi và đất đá ong (sol latérite). Các loại đất này đã chiếm 70% trong thành-phần đất canh-tác, nên cũng có nhiều miền còn bỏ hoang tuy có thể khai-thác.

2) Các khu-vực miền Cao - nguyên

Các miền đất thuộc Cao-nguyên Trung-phần là miền đất hoàn-toàn cao hẳn đối

với các miền đất ở trong xứ. Độ cao trung bình cho cả Cao-nguyên ước định 1.100m. Vì các miền đất tại Kontum ở vào độ cao 1.700m, Pleiku 1.400m, và Ban-mê-thuột 2.405m. Các miền đất Cao-nguyên phần nhiều là những miền đất xốp, đất đỏ như ở Ban-mê-thuột và Pleiku, còn Kontum thì đất đen rất thích hợp cho sự trồng tía các loại cây kỹ-nghệ hoặc cây ăn trái. Trong hiện tại, đất đai Cao-nguyên mới được dùng 3% trong tổng số diện-tích của nó.

3) Các khu-vực miền Nam

Miền đất Nam-phần, là một miền đất khá phì-nhiều, tuy nhiên ta cũng có thể chia các miền đất Nam-việt ra 3 khu vực như sau :

a) Miền đất đỏ (Bình - long, Bình-dương, Tây-ninh, Long-khánh)

b) Miền đất hỗn hợp (Cát + đất sét + đất xốp) các tỉnh thuộc miền đông

c) Miền đất đen (đất tốt phì-nhiều) các miền đất thuộc phía bắc sông Tiền-giang và Hậu-giang kể từ vĩ-tuyến 10°2 trở vào.

Miền Nam còn có 3 bãi đồng lầy (Đồng-tháp-mười, Hà-tiên, Cà-mau) tổng cộng số diện-tích ước chừng 60.000 Ha.

Các miền đất được sử-dụng nhiều nhất là các miền đất thuộc miền Nam-phần, chiếm một phần xuất 40% đối với tổng số diện-tích trong miền.

Tình-hình chung về đất đai hiện được sử-dụng trong xứ

Đất đai canh-tác của ta trong mấy năm gần đây đã tăng thêm, do kết quả của kế-hoạch Dinh - điền và chương - trình Nông-tín khai-thác thêm diện-tích trồng-trọt. Ta hãy so sánh số diện-tích phát-triển đất đai trong ngành trồng lúa từ năm 1944 đến 1957 như sau :

Diện-tích đất trồng lúa tại Việt-nam từ 1944 đến 1957

Năm	Việt-Nam (1.000 Ha)	Nam-Phần (1.000 Ha)	Trung-Phần (1.000 Ha)	Cao-Nguyên
1944	2.621,0	1.987	634.0	—
1950	. . .	1.237.4	. . .	—
1951	. . .	1.287.8	. . .	—
1952	1.431.9	1.348.9	91.0	—
1953	1.598.8	1.541.00	57.8	—
1954	1 659.8	1.572.4	87.4	—
1955	2.178.8	1.767.8	411.0	—
1956	2.540.2	2.060.0	375.2	105.0
1957	2.179.0	2.124.9	489.2	105.0
1958				

NGUỒN GỐC: Trích theo Vietnamese Agricultural Statistics, March 1959.

Ngoài những phát-triển trong ngành trồng lúa, ta cũng có thể so sánh sự tiến-triển của việc khai-thác đất đai canh tác trong hai năm 1955 và 1956 như sau :

	Nam phần	Cao-nguyên	Trung-phần	Việt-Nam
Năm 1955	1.889.974 Ha	107.335 Ha	437.485 Ha	2.434.794 Ha
Năm 1956	2.183.382 Ha	114.942 Ha	461.890 Ha	2.760.214 Ha

NGUỒN GỐC: Phỏng theo Niên-Giám Thống-Kê, xuất bản 1958.

Trong số diện-tích canh tác ngày càng tăng thêm, nhưng hiện tại, đất đai của ta kể từ vĩ tuyến 17° trở vào, mới được sử-dụng ước chừng 19% đối với tất cả các loại cây trồng tía và đối với diện-tích chung của lãnh-thò. Trong các miền đất Trung-Nguyên, Cao-nguyên và

Nam-phần, % về mỗi miền đất được sử-dụng còn cách biệt như sau :

Việt-Nam	19%	Trung-Nguyên	13%
Cao-Nguyên	3%	Nam-phần	40%

Những % còn lại là rừng, núi, đồi gò, thung lũng, hoang vu, sông ngòi hoặc là các bãi đồng lầy v.v...

VẤN ĐỀ SỬ-DỤNG ĐẤT ĐAI TẠI VIỆT-NAM

Đối với tổng số diện-tích canh-tác, ta nhận thấy lúa chiếm một địa vị quan trọng nhất trong tổng số diện tích canh-tác, vì đất trồng lúa đã chiếm tới 92%. Tuy nhiên ta cũng nên biết sự phân chia đất đai tùy theo các loại cây canh-tác như sau :

Bảng phân-phối diện-tích canh-tác ở Việt-nam (1956)

Tổng số diện-tích canh-tác : 2.760.214Ha = 100%

Loại cây canh-tác	Diện-tích (Ha)	% Đất canh-tác	Sản ngạch bằng tấn
— Lúa	2.540.251	92%	3.412.067
— Bắp	20.483	0,74	19.337
— Khoai mì	23.793 (1)	0,86	86.131
— Khoai lang	28.707 (1)	1,04	160.328
— Bối (giải)	—	—	382
— Đậu phộng (còn vỏ)	16.552 (1)	0,59	12.319
— Me (hột)	—	—	—
— Mía	18.308 (1)	0,65	322.520
— Thuốc lá	7.770 (1)	0,27	7.007
— Dừa	22.102 (1)	0,82	15.900
— Cà-phê	3.501 (2)	0,12	2.481
— Trà (lá)	7.505 (2)	0,27	3.802
— Cao-su	62.075 (1) + (2)	2,24	62.075
— Quinquina	31 (2) + (3)	0,40	—
— Trâu	61 (2) + (3)	—	—
— Bông	1.335 (1) + (3)	—	489
— Cây gòn	315 (1) + (2)	—	189
Tổng cộng.	2.760.214 Ha	100%	4.104.627 T

NGUỒN GỐC : Phỏng theo Niên-giám thống-kê 1958.

(1) Không kể Cao-Nguyên hoặc không quan trọng.

(2) Không kể Trung-phần.

(3) Không kể Nam-phần.

— không biết hoặc không có số thống kê

ĐỆ - TAM THẾ - GIỚI ĐỐI VỚI VIỆN - TRỢ



HOÀNG-MINH-TUYNH

GẦN đây, chúng tôi đã có dịp trình-bày trên tạp-chí Bách-Khoa ít nhiều quan-diểm về vấn-đề « viện-trợ », một vấn-đề rất mực quan-trọng đối với toàn-thể thế-giới, và hiện nay không một hội-đồng chính-trị hay một hội-ng nghị quốc-tế nào không đề-cập tới, hoặc có ý cấp-cáo cho dư-luận hoàn-cầu hay biết tình-trạng trầm-trọng của vấn-đề, hoặc đề-nghị một kế-hoạch giúp đỡ các nước chậm tiến.

Chúng tôi đã bàn về nghĩa viện-trợ nên quan-niệm thế nào (Vấn-đề viện-trợ các nước chậm tiến đối với thế-giới hiện nay, Bách-Khoa số 61-62), cách viện-trợ phải thật thi ra sao (Viện-trợ phải chăng là một huyền thuật của Tây-phương, Bách-Khoa số 65). Kỳ này, đề kết thúc, chúng tôi muốn trình-bày ít nhiều dư-luận của các nhà lãnh-đạo trong một nước điển-hình thuộc Thế-giới Đệ-tam trước vấn-đề viện-trợ, đề cho vấn-đề được thêm sáng tỏ và đề có được thêm chứng cứ cụ-thể hơn.

Dưới đây phần nhiều là những dư-luận mà tờ tạp-chí Pháp « *Réalités* » (1) đã sưu-tầm được trong một cuộc điều-tra

sau khi đã phỏng-vấn tận nơi một số người lãnh-đạo của một nước kém mở mang vào cỡ trung-bình, về mối quan-tâm của họ trước các vấn-đề kinh-tế và cảm-tưởng của họ về viện-trợ kỹ-thuật và tài-chính họ đã nhận được từ cả hai khối Đông và Tây.



Dư-luận của các nhà lãnh-đạo của nước điển hình này có thể xếp vào ba loại khác nhau.

Loại thứ nhất đi tới kết-luận cho rằng những mối quan - tâm về kinh - tế không phải là những mối quan-tâm bức nhất của họ ; có thể các nước Tây-phương coi vấn-đề kinh-tế là then chốt của mọi vấn-đề, nhưng họ thì không nhất thiết nghĩ như vậy, họ đây có thể nói được là cả những vị có trách-nhiệm về công cuộc phát-triển kinh-tế. Phần nhiều các vị này, khi gặp các khó khăn trong vấn-đề kinh-tế, thường không tỏ ra bận tâm, lo ngại gì cho lắm và thường chỉ nói một cách như « đưa đà » rằng : « vâng, vâng, chúng tôi biết là cần phải phát - triển nền kinh - tế của chúng tôi » ; cách nói của các vị ấy cho người ta cảm-giác như không coi đó là một việc khẩn thiết, cần phải động-viên toàn-thể nỗ lực của quốc-gia.

(1) Tạp-chí *Réalités* số 163, tháng Tám 1959 : *Le Tiers Monde démystifié*.

Một trong những lý do của thái-độ thụ-động đó là người Đông-phương hình như không nghĩ đến tương-lai như người Tây-phương. Người Tây-phương trong tính toán thường chú trọng vào tương-lai nhiều. Người Đông-phương thì sống một phần trong quá khứ (lịch-sử đối với họ là một cuộc tuần hoàn bất tận hơn là một vận số có hướng đi nhất định) một phần lớn trong hiện tại, và rất ít trong tương-lai mà họ coi là có tính chất chủ yếu vô thường, bất định, như có một vị lãnh-đạo phát-biểu ý-kiến dưới đây : « Chúng tôi cần người điều khiển. Nhưng người điều khiển trong nước chúng tôi phần nhiều là những người gốc gác ở Âu-châu. Người nước chúng tôi có thể là những người buôn bán giỏi. Song khi cần người có đủ năng-lực để điều khiển một xưởng máy chẳng hạn, chúng tôi thường rất phải khổ tâm vì kiếm không ra người ưa chuộng nghề đó ».

Điều thứ hai là tại các nước chậm tiến mới thu hồi được độc-lập, vấn-đề được chú-trọng trên hết là vấn-đề chính-trị, vấn-đề làm sao thực-hiện được một nền độc-lập thật-sự. Như có một vị lãnh-đạo khác nói : « Tại sao các ông lại cứ muốn chúng tôi phải quá chuyên tâm vào tình-trạng kinh-tế. Thì chúng tôi vẫn tiếp tục cố-gắng sản xuất đó ! Nhưng thật-sự dân-chúng nước chúng tôi, từ trước đến nay, họ vẫn sống được như thường. Tại sao trong tương-lai họ lại không thể sống được như thế mãi ? »

« Chúng tôi không phải là không nghĩ đến những vấn-đề kinh-tế, nhưng đó không phải là mối lo ngại chủ yếu của chúng tôi. Chúng tôi cần phải thu hồi được đất nước của chúng tôi đã ».

Người phỏng-vấn tỏ vẻ ngạc nhiên và nhấn mạnh rằng : Nước của vị lãnh-đạo ấy đã được độc-lập từ bốn năm. Người Âu-châu cũng đã rời bỏ lãnh-địa ấy từ bốn năm, và các phương-tiện điều-khiển quốc-gia đều hoàn toàn do người bản-quốc nắm giữ từ bốn năm. Tại sao các vị ấy còn phải băn-khoăn về những điều hiện nay đã trở thành dĩ-nhiên rồi.

Vị lãnh-đạo liền đáp lại :

« Đó là điều người Tây-phương các ông không thể hiểu được. Chính chúng tôi trước đây cũng tưởng mình làm chủ vận mệnh đất nước mình về phương - diện chính-trị và kinh-tế, sau khi thu hồi được độc-lập và ngồi vào văn-phòng điều-khiển các công-sở chủ não của đất nước mình. Lăn lăn về sau chúng tôi mới thấy rõ là mình đã bị người ta lừa gạt mà không tự biết.

« Chúng tôi độc-lập chưa được hai năm thì mọi sự trong xứ chúng tôi sinh ra rối rắm, không làm sao điều hành cho chạy được như trước nữa. Chúng tôi buộc lòng phải mời gọi những cố-vấn ngoại-quốc tới, thì lập tức chúng tôi thấy có những tiếng rêu rao ở bên chính quốc cũ rằng chúng tôi bất-lực, không có đủ điều kiện để điều khiển lấy công việc của mình.

« Thật ra thì năm mươi năm nô-lệ ngoại bang đã ăn vào quá sâu trong sinh-hoạt chính-trị và kinh-tế của nước chúng tôi. Năm mươi năm ấy đã thừa đủ để cho ngoại-bang đặt một cái khuôn và xếp đặt mọi sự ở trong phạm-vi cái khuôn ấy, chính chúng tôi cũng không thể ở ngoài cái khuôn ấy nữa, vì chúng tôi hầu hết đều được đào-luyện tại Âu-châu cả.

« Cái khuôn chính-trị đó là chế-độ dân-chủ theo lối Tây-phương. Sau ngày độc-lập, chúng tôi là một nước hoàn-toàn dân-chủ, rập theo đúng mẫu của chính quốc : hai viện, một chính-phủ chịu trách-nhiệm trước hai viện, các đảng phái, một hệ-thống tư-pháp đề tài định cùng bảo-vệ các quyền tự-do, thậm chí đến mớ tóc giả của các vị thẩm phán cũng không thiếu nữa. Tất cả những định-chế đó đều đã đi đến chỗ thất bại, cần phải tìm ra một cái gì khác để thay vào. Đó là vấn-đề số một của chúng tôi.

« Chỉ trong có mấy năm mà số đảng-phái đã tăng lên quá nhiều, nghị-viện thì mỗi ngày một trở nên mị-dân, khiến chính-phủ không làm sao hoạt-động được... không thể nào để một tình-trạng hao phí quá nhiều sinh-lực quốc-gia như thế tồn-tại được mãi. Phải, chúng tôi có tự-do thật, song kết quả của tự-do lắm lúc thật tai hại cho chúng tôi (*sic*). Như trong báo-chí chẳng hạn, có đến ba mươi tờ khác nhau, cùng kể lại bất luận chuyện gì miễn cho được đầy cột thì thôi. Chắc ông có thể thấy rõ kết quả của một sự trạng như thế gây ảnh-hưởng ra sao, trong một đám dân-chúng mà chữ viết vẫn còn có một giá-trị gần như giá-trị một ma-thuật.

« Rồi, đến các quân-nhân nổi lên cầm quyền, như thường thấy xảy ra tại một số lớn các nước thuộc Phi-châu hay Á-châu từ mấy năm nay. Họ đang rờ rẫm tìm đường và có khuynh-hướng muốn lập một chế-độ chính-trị khác, độc-tài hơn, mạnh mẽ hơn, biết làm cho người ta phải tuân lệnh hơn. Song chuyện đó không phải dễ dàng, họ vấp phải sức đối-kháng của bọn trẻ cực đoan nổi lên tranh-giành

quyền-vị với các bậc huynh trưởng mà họ cho là lỗi-thời, hủ-lậu. Tất cả những việc lộn xộn này làm thiệt hại cho nước chúng tôi rất nhiều, song bao lâu chúng tôi chưa tìm ra được một cơ-cấu chính-trị độc sáng, thích hợp với tính-chất của chúng tôi, thì chúng tôi chưa thể xây-dựng được gì bền-vững về các phương-diện khác, nhất là về phương-diện kinh-tế.

« Các ông đừng tưởng khi chúng tôi chọn lựa một chính quyền mạnh và hạn-chế tự-do là do bởi chúng tôi đã bị chủ-nghĩa cộng-sản cám dỗ đầu. Dân-tộc chúng tôi dù là một dân-tộc còn thô lậu và nghèo khổ, nhưng không bao giờ chấp nhận được sự chịu đựng của người Nga hay người Trung-quốc. Chỉ có kẻ ngốc mới nghĩ rằng chúng tôi cam chịu nô-lệ để được cơm no áo ấm; chúng tôi cũng biết tự-trọng là gì, nên không đến nỗi phải cam chịu như thế.

« Trong địa-hạt kinh-tế cũng vậy, chúng tôi thừa hưởng những cơ-cấu bó tay chúng tôi. Tất cả nền kinh-tế của chúng tôi xây dựng quanh một sản-xuất độc-nhất là sản-xuất ra một nguyên-liệu bán cho các xưởng máy Âu-châu; — Cho đến nay vẫn còn như vậy. Vừa năm ngoái đây, giá các nguyên-liệu sụt xuống bất-thần đã đẩy chúng tôi vào một tình-trạng trầm trệ bế-tắc về kinh-tế rất khốn khổ; ngoại thương thiếu hụt, khiến chúng tôi không còn ngoại tệ trong quỹ, phải đình-chỉ nhập-cảng để tránh vỡ nợ, phá sản. Chúng tôi cần phải xây dựng nền kinh-tế của chúng tôi trên những căn-bản mới, thích-hợp với quyền chúng tôi, chứ không thích-hợp với quyền lợi của ngoại-quốc nữa.

« Bây giờ chắc ông hiểu vì sao vấn-đề phát-triển kinh-tế không phải là mối quan

tâm chủ yếu của chúng tôi. Chúng tôi có những mối lo nghĩ khác ».

Sự kiện các nước sau khi thu hồi độc-lập được nhiều năm mà các vị lãnh-đạo của các nước ấy vẫn còn phải băn-khoăn, vướng-mắc về vấn-đề độc-lập, là một sự-khiến đáng làm cho nhiều người suy nghĩ. Sự-khiến ấy chứng tỏ có thể vì mối băn-khoăn vướng-mắc « cay-cú » trên mà các nước chậm tiến đương-nhiên đứng ở trong một thế đối-lập với tất cả mọi nước, nhất là những nước lớn mạnh, và do đấy, đi tới chỗ phán đoán khối Đông hay khối Tây một cách thật nghiêm khắc. Có người hỏi một vị lãnh-đạo khác rằng : Trong hai khối Đông và Tây khối nào sẽ lôi kéo được các nước mới thu hồi độc-lập, vị lãnh-đạo đáp : « Tôi nghĩ không khối nào có hy-vọng hơn khối nào, vận mệnh của chúng tôi khác. Tuy nhiên, khối nào thành tâm hợp tác với chúng tôi để giúp chúng tôi thực-hiện những nguyện-vọng quốc-gia của chúng tôi thì tất nhiên sẽ được chúng tôi mến chuộng ».



Có loại dự-luận thứ ba thuộc về những kinh-nghiệm họ đã rút được trong công cuộc viện-trợ của khối Đông, Tây. Đa số các nhà lãnh-đạo của nước kém mở mang này đều tỏ vẻ dè dặt, có khi hoài nghi đối với kỹ-thuật và thiện-chí của các nước lớn mạnh.

Từ khi được độc-lập, họ thấy hàng năm sáu chục chuyên viên đủ các ngành thuộc cả hai khối Đông, Tây tới đất nước họ, và cũng đều làm cho họ thất vọng cả. Có lẽ bởi họ đã quá tin vào phép thần thông của khoa-học và yên trí rằng các chuyên viên phải là những người đưa tới cho họ những

giải pháp nhiệm mầu có thể cải biến các nước nhược tiểu trở thành những nước hùng cường trong giây lát mà không phải khó nhọc gì cả.

Có một công-chức cao-cấp phụ-trách công cuộc định-cư dân-chúng tại những doanh-diễn trồng các cây dùng trong kỹ-nghệ của một nước nọ, kể lại rằng :

« Cách đây hai năm, một cơ-quan của tổ-chức quốc-tế có phái một chuyên-viên đến giúp đỡ chúng tôi để mở mang công-cuộc doanh-diễn. Nhà chuyên-viên ấy, trong đoạn kết của phúc-trình có phát-biểu đề-nghị thiết-lập một xưởng máy chế sắt thép ; đề-nghị của ông được một số các ông bộ-trưởng của chúng tôi tán-thành vì ưa có những công-trình tân-phương vĩ đại, làm choáng mắt nhân dân. Nhưng, than ôi ! ông lại trù liệu thiết-lập một đơn-vị sản-xuất ở cách xa các trung-tâm tiêu-thụ trung-bình tới hàng 2.000 cây số, trong một vùng hoàn-toàn thiếu phương-tiện chuyên chở, trong một lớp quặng mà hàm-lượng rất kém, và khi nấu quặng phải dùng tới một số than củi nhiều đến nỗi chúng tôi tưởng phải trồng hàng rừng cây mới cung cấp đủ. »

Nơi khác, các chuyên-viên tuy không phạm những sai lầm « quá quắt » như thế, nhưng các vị ấy, bởi chưa am tường xứ sở, đặt ra những kế-hoạch thật hợp-lý mà không thích-dụng. Như một chuyên-viên thủy-học nọ đề-nghị đào một số giếng nước cho đám dân du mục trong những vùng khô cạn. Khi công cuộc khởi sự, người ta mới nhận ra mỗi giếng nước đều thu khô các lớp nước chảy ngầm dưới đất, khiến cho một khu-vực trong vòng 50 cây số, không còn một cây nào

sống nổi. Rút cuộc chỉ trong mấy năm, các đoàn du mục đành phải từ bỏ khoảng trống trơn, đến cò cũng không thề mọc được đó, mà đi kiếm ăn nơi khác.— Các giếng nước trở nên vô ích, không làm lợi gì cho ai cả.

Nhiều người còn phàn-nàn các chuyên-viên không có đủ hiện kim để trả công người làm hoặc sắm những vật-liệu cần-thiết. Như có nhà sinh-vật-học rất giỏi nọ tới tiêm giống phòng bệnh cho súc-vật tại một xứ kia, vị chuyên-viên cần một máy lạnh cho phòng thí-nghiệm của ông, có ngỏ ý với các nhà đương cuộc nhưng các nhà đương cuộc không có tiền để sắm cho ông được. Phải chờ gần một năm mới trả được ngân khoản, và tới khi có ngân khoản thì công việc của chuyên-viên đã làm xong từ lâu rồi.

Chúng tôi nêu một vài thí dụ trên làm điển-hình, chứ còn thường thường thì họ vẫn tỏ ra nghi-ngờ tài-năng của các chuyên-viên, kể cả những chuyên-viên của các nước Cộng-sản, hoặc của các nước có chân trong Hội nghị Bandoung, như Ấn-độ. Đôi khi họ còn nghĩ thà dùng ngay phương-pháp cổ truyền của họ lại được việc hơn và giải-quyết được vấn-đề một cách mau lẹ hơn.

Dân quê thường khi cũng có một thái-độ hoài nghi như thế đối với các lối cho vay của cả hai khối Đông, Tây. Có người nói ra nhận-xét sau đây :

« Chúng tôi hiểu lý-do của sự cho vay mượn này, song xin thú thật, người dân quê chúng tôi thì lại nghĩ đại khái như sau: có những kẻ điên quăng tiền ra cho vay, cho mượn, thì đại gì mà không lợi dụng. Riêng chúng tôi là hạng trí-thức, chúng

tôi thấy rõ đó là một khoản tiền cược đặt ra cho một cuộc đấu trí giữa hai chính thề muốn khuynh loát lẫn nhau. Hai bên cùng muốn chiếu tướng của nhau cả.

« Có một vài người trong số bạn hữu chúng tôi đã đi đến kết-luận cầu mong đừng bao giờ có chuyện tài-giảm binh-bị và muốn cho hai khối cứ đua tranh với nhau mãi mãi. Ông thử nghĩ : nếu một khi sự hăm dọa không còn nữa thì liệu các nước giàu có chịu hy-sinh cho các nước kém mở mang nữa không ?

« Chúng tôi thấy rõ tất cả ẩn ý ở trong các vụ cho vay cho mượn, và không phải ngẫu nhiên mà chúng tôi phải chờ đợi trong hai năm mới ký-kết xong một thỏa-hiệp với người Mỹ và phải tranh luận trong sáu tháng với người Nga mà vẫn chưa đi tới kết-quả nào. Về một vài vụ cho vay cho mượn có tính-chất thương-mại thì ai cũng trông thấy rõ lý-do. Anh và Pháp cho chúng tôi vay 5 ngàn triệu hàng-hóa, thật ý chính là muốn cho các xưởng máy của họ được hoạt-động lại. Đối với Hiệp-chúng-quốc và Liên-xô thì phải nhìn gần gần hơn một chút mới thấy rõ. Như năm ngoái, Hiệp-chúng-quốc cho chúng tôi vay 60 triệu đô-la, thì 40 triệu dùng vào việc làm đường xe lửa và xây hải-cảng : Ông cứ giờ một bản-đồ ra mà coi, mục-tiêu của sự cho vay xờ-xờ ngay ra trước mắt. Đối với người Nga thì lại phải thận-trọng hơn, vì ngay lúc buổi đầu, khó lòng đoán biết được họ muốn gì và định đưa mình đến đâu. Ông xem như Ai-cập đã sáng mắt ra rồi đó. Người Nga đòi khí-giói cho Nasser để lấy bông gòn. Nhưng bông gòn, vài tháng sau, họ đem bán lại trên thị-trường thế-giới rẻ hơn giá bông gòn còn lại của

Ai-cập khiến cho Ai-cập phải « thất điên, bát đảo », và nền kinh-tế bị suy-sụp rất nguy.

« Chính tôi đã có lần tới thăm Mạc-tur-khoa cách đây mấy năm. Mạc-tur-khoa là một thành phố rất đẹp, đường xá rộng rãi, nhà cửa tráng-lệ. Nhưng tôi lấy làm ngạc-nhiên hết sức khi thấy gương mặt người dân nào cũng có vẻ rầu rầu. Ngay trong nước chúng tôi là một nước nghèo khổ cùng khốn đến thế mà người dân nào cũng được yên vui thư-thái trong lòng và ngoài mặt, như ông thấy đó. Hơn nữa, tôi cũng đã được xem một nông trường tập thể, tôi tuy không hiểu rõ chế-độ điều hành ra sao, nhưng cứ như người ta nói với tôi rằng trước hết phải đóng thuế cho chánh-phủ, rồi lại phải giao cho chánh-phủ một phần hoa lợi, tôi tự hỏi sau khi « trừ hao » đi như thế, thì liệu người dân còn lại được bao nhiêu để sinh sống ?

Vì thế, chúng tôi xin nói thật với ông, trước khi quyết-định việc gì, chúng tôi cần phải coi đi xét lại cho thật kỹ càng đã mới được. »

Người phóng viên của báo *Réalités* hỏi một vị khác về lợi ích của các phương pháp phát-triển theo lối Tây-phương và lối xô-viết hơn kém nhau thế nào thì được đáp lại như sau :

« Nếu cứ tin theo người Mỹ, thì phải lập một nhà máy chế nước chanh, nước đá và một nhà máy chế xà-bông, còn nếu tin theo người Nga thì phải lập một nhà máy chế sắt và một nhà máy chế tôn. Thực tế, thì chúng tôi lại thấy chúng tôi cần một nhà máy sợi và một nhà máy giấy hơn. Chúng tôi hiện đang tiến hành lập hai nhà máy này bằng

tiền của người Mỹ (mà chúng tôi đã phải tốn khá nhiều thì giờ mới thuyết phục được). Tuy nhiên, dù sao tôi cũng thấy kỹ-nghệ hóa không phải là phương thế duy nhất làm tăng lợi-tức quốc-gia. Như tại Tân-tây-lan, Gia-nã-dại hay Thụy-điển, nông-doanh của các nước này tuy phát-triển hơn nông-doanh của Anh-cát-lợi nhiều mà lợi-tức của anh thu-hoạch vẫn được tương-đối cao hơn. Tại Hiệp-chúng-quốc cũng vậy ; đó là nước giàu nhất hoàn-cầu mà chỉ có một phần tư dân số làm việc trong các công-nghiệp mà thôi ».

Tuy nhiên, một vị khác lại tỏ vẻ khâm phục Nasser về các công-cuộc mà vị quốc-trưởng này đã thực hiện được tại thủ-đô Le Caire. Điều khiến cho vị này khâm phục nhất là xa lộ ở ngoài cửa ô Le Caire và nhà ga xe lửa mới. Ông không nói một câu nào về các công-trình kỹ-nghệ hoặc về các kế-hoạch xây đập Assouan.



Chúng ta nhận xét thấy dự-luận của các vị lãnh-đạo tại quốc-gia mà tạp-chí *Réalités* đã phái người tới phỏng-vấn, có chỗ hoặc không được thuận lý hoặc không được xác đáng. Nhưng chúng ta cũng thấy rõ một điều là vấn-đề độc-lập chính-trị quả thật vẫn còn là một vấn-đề quan-trọng đối với các vị ấy, và vấn-đề kinh-tế vẫn chỉ là một vấn-đề thứ yếu đối với họ.

Do đó, chúng ta, có thể tự hỏi hoặc người Tây-phương đã lắm khi phân-tích vấn-đề các nước kém mở mang, cho rằng nguyện-vọng của họ là muốn được tiến-bộ về mặt kinh-tế và ý hướng của họ là muốn tìm phương-tiện mở mang kinh-tế ở hai khối Đông-Tây chăng ?

Họ có thể làm ít là đối với nước mà tạp-chí Réalités đã phỏng-vấn và các nước cùng ở chung một hoàn-cảnh tương tự chăng ?

Thật ra, nếu tính xa, thì cách phân-tích của Tây-phương rất đúng. Người Tây-phương quen tính xa và có phương-tiện để tính xa. Nhưng tâm-lý hiện nay của các nước kém mở mang có vẻ như chưa được thuận chiều để tính xa như thế, nên các nước Tây-phương phải dè chừng, không nên quan-niệm sự tiến-bộ của họ như cần phải được chỉ-huy tự đàng xa theo dự tính và chỉ-thị của mình. Nếu họ quan-niệm một cách trịch thượng và chủ quan như vậy thì chắc chắn họ sẽ khiến cho các nước kém mở mang mà họ đang có ý thật tâm muốn giúp đỡ, trở nên những nước chống lại họ.

Các nước giàu mạnh cần phải tỏ rõ thiện-chí của mình một cách sâu xa, dứt khoát, thiết thật và thích-ứng hơn với quyền-lợi của các nước cần viện-trợ, hầu đánh tan các mối hiểm-nghi hiện đang xâm-nhập đầy tràn đầu óc người dân các nước này. Các nước ấy cũng nên đặt viện-trợ trên một nền tảng vị-tha hơn, vì vị-tha vẫn là cách chắc chắn và kiên hiệu nhất để tự-vệ. Sau hết, các nước ấy cũng nên hiểu người dân các nước chậm-tiến cũng có khả-năng trí-thức bằng họ và cũng có thể tế-nhị được như họ, nên chớ đem trí-thuật ra mà cài đạp họ ; họ chẳng vẫn thường nói rằng : « Đem trí-thuật xử với đời, có biết đâu đời không ai ngu cả ! » (Hồ-Lâm-Dực).

HOÀNG-MINH-TUYNH

Danh ngôn, danh lý

CÔNG BÌNH

- ★ Mỗi hành-vi bất-công đối với một người là một hành-vi phản nhân-bản-vị.
- ★ Người trên bao giờ cũng phải che chở người dưới trong trường hợp vì tuân hành lệnh của người trên, mà người dưới bị trách vấn. Người trên phải luôn luôn tỏ ra thẳng thắn chân thật ; khi hành-động quanh queo để dồn người dưới tới chỗ xử sự giả dối, thì người trên thật đã làm một điều ô-nhục.
- ★ Yêu người nào cũng nên biết điều dở của người ấy ; ghét người nào cũng nên biết điều hay của người ấy (Lễ-Ký).
- ★ Bạn nên tin phạm người ta ai cũng có thể thiện-hóa được. Nên khi xét đoán ai, bạn chỉ nên xét đoán một cách tạm thời và chớ nên « yên trí » hẳn về một người nào cùng cho họ xấu đến nỗi không còn thể cải-hóa được. Không có gì bất-công và làm cho bạn yếu thế đi bằng tật « yên trí ».
- ★ Thấy người ta hay thì ngờ, thấy người ta dở thì tin, đó là lòng đầy gươm giáo. (Trần-Kế-Nho)

TRƯỚC những sự-việc xảy ra hàng ngày trong cuộc sống hiện-tại, chúng ta nhiều khi sinh ra hoài-nghĩ về hiệu-lực của thiện và thiện-pháp, vì chúng ta thường vẫn thấy ác và ác-pháp thắng thiện và thiện-pháp. Chúng ta hoài-nghĩ, kẻ đó là nguy-hiểm. Chúng ta còn có khuynh-hướng muốn dùng ác và ác-pháp để mưu thắng cho thiện và thiện-pháp, làm như thiện và thiện-pháp phải cần lời ác và ác-pháp mới thắng được.

Có nhiều người cho rằng nếu giờ lịch-sử mà chiêm-nghiệm lại, chúng ta sẽ lĩnh hội được một bài học có thể giải đáp thỏa đáng những thắc mắc trên đây.

« Lịch-sử không phải là một bài học luân-lý thực-hành, lịch-sử thuật lại rất nhiều hành-vi không đẹp của loài người từ khi có lịch-sử. Tuy nhiên, lịch-sử vẫn có một định-luật không đời không đổi.

« Đó là định-luật : có một công-lý (gọi là công-lý hằng-cửu), tự tại ngay trong sự vật và một ngày kia sẽ phát-hiện rõ-ràng. »

« Định-luật ấy, loài người không thể gì tránh khỏi. »

« Định-luật ấy là : tàn-bạo kiệt-lực ngay trong tác-động và tự-diệt do bởi nghiệp-dĩ. »

« Định-luật ấy là : công-lý trường-tồn, và công-lý nếu không luôn luôn chiến-thắng, thì trước sau, rồi sẽ báo-phục được. »

« Định-luật ấy chứng-tỏ thiện và thiện-pháp mạnh hơn ác và ác-pháp ». »

« Sở-dĩ chúng ta thấy ác và ác-pháp thường vẫn thắng thiện và thiện-pháp là tại chúng ta vừa mới thoáng nhìn và chưa nhìn thấy hết sự việc ». »

Đó là bài học của lịch-sử.

Mỗi người chúng ta có nên thử lật giờ lịch-sử mà chiêm-nghiệm lại chăng ?

PHẠM-HOÀNG

Những biến-chuyển đầu tiên trong xã-hội Việt-Nam khi tiếp xúc với văn-minh Âu-Tây

★ — PHAN-KHOANG

(Xin coi từ B.K. số 67)

Quan-trưởng

ÔNG Le Myre de Vilers viết : « Nhân-dân bị những người có nghĩa-vụ bênh vực nó, bác trót nó... » Ông ám chỉ các quan chức, giuờng mối của quốc-gia vậy.

Theo sách sử và dư-luận thì quan đời Tự-Đức phần đông xứng chức, có tư-cách. Ông Paulin Vial, mà chúng tôi có trích dẫn ý-kiến trên kia, đã nhận thấy : ...Vua Tự-Đức là một triết-gia, một người hay chữ, một nhà tư-tưởng sâu-sắc, và chung quanh Ngài là những người học-vấn uyên bác nhất, tận tâm với nước nhà nhất... » (1) Thật vậy, nhà vua văn-học, chuộng văn-trị, thâm nhiễm những thuyết « nhân-trị », « dân-quí » của Nho-giáo đã rất chú-trọng đến tư-cách của quan-chức và rất nghiêm khắc đối với họ vì biết họ là giuờng mối của nhà-nước. Vừa lên ngôi, vua liền xuống mấy đạo-dụ răn dạy quan trường, lời-lẽ rất thống-thiết. Dụ tháng Sáu năm Mậu-thân (1848) nói : ... «...Quan vui thì dân khổ, trên ích thì dưới tổn... bày một điều lợi không bằng trừ

một điều hại, sinh ra một việc không bằng giảm đi một việc. Bây giờ việc nên làm trước hết không chỉ hơn hình thì khoan, chánh thì giảm, quan thì thanh, lại thì liêm. Các người phải nghĩ thế nào cho quan lớn giữ phép, quan nhỏ thanh liêm, đều bỏ hết thói tệ, thức khuya dậy sớm, lòng lo cần thận siêng năng, trên giúp ta những điều chưa nghĩ tới, dưới khiến trăm họ đều được an vui, ấy là ta trông lắm, mà thiên-hạ càng may lắm.»

Đề kiểm soát quan lại các địa-phương, vua thường phái các đại thần lãnh chức Kinh-lược, mỗi người lo cấm trấp quan lại, hưng lợi trừ tệ cho nhân-dân trong đôi ba tỉnh, và sai các quan Ngự-sử vi hành ra các làng mạc đề dò xét chánh-tích các quan Phủ, Huyện, thu nhặt những câu ca-dao đề hiểu rõ dư-luận trong dân gian (bắt chước nhà Chu xưa kia). Ngoài ra, năm 1848, vua mở viện Tập-hiến, và năm 1849 mở sở Kinh-diên, đều là có ý nâng cao trình-độ học thức và đạo đức cho quan trường.

Ngày nay nhiều nhà phê-bình thấy các việc làm ấy của vua Tự-Đức và những lời trách móc quan-trưởng của một đôi nhân-

(1) Trích dịch trong Nos premières années au Tonkin trang 7.

vật khác, cho rằng quan-trưởng thời ấy tham-ô, bất lực lắm, cho nên vua Tự-Đức phải dùng những biện-pháp ấy, và người ta mới trách móc, cũng như thấy tiền « dưỡng liêm » đặt ra hồi Minh-Mạng, họ vội tưởng-tượng rằng quan-trưởng thời ấy rất xa với đức-tính thanh-liêm nên vua mới phải đặt ra khoản trợ cấp này. Ấy là một sự phỏng đoán không đúng sự thật.

Vua Tự-Đức phải răn he, có người đã chê trách, là có lẽ vì trong quan-trưởng đã xảy ra những trường-hợp không thanh-liêm, hoặc thấy quan-trưởng bấy giờ đã kém hồi Thiệu-Trị, Minh-Mạng, mà vua và người đương thời thì mong muốn một hạng quan-trưởng lý-tưởng, có những đức tính y như sách vở đã dạy. Những sự không thanh-liêm ấy, đem sánh với sự tham ô người ta trông thấy trong quan-trưởng sau này, xa cách nhau biết bao nhiêu !

Sở dĩ trong quan-trưởng đời Tự-Đức, từ hồi Pháp-thuộc trở về trước, thói tham ô không phổ-thông như người ta trông thấy về sau, là vì thời-thượng, vì hoàn cảnh. Trong một thời - đại có thanh - nghị, và thanh-nghị có uy-thế, từ vua cho đến dân, ai cũng kính trọng sự thanh bần, hoan hô, cồ-vũ thói băng tuyết, phi phong, thì quan-trưởng là hạng người bị trên dưới đề ý hơn hết, ắt cũng phải giữ mình cho xứng-đáng giữa đám sĩ-lưu. Vả, bấy giờ sự nhu - cầu của họ không có mấy, nên họ không bị bức bách phải làm tiền. Từ khi tiếp xúc với văn-minh vật-chất, quan-niệm về giá-trị con người khác xưa : ai ăn mặc sang trọng, nhà cao cửa lớn thì được nhiều người quý trọng, chính trong sự dãi ngộ của quan trên đối với thuộc hạ, nhiều khi cũng thế nữa, những quan chức ăn mặc

sang, có ô-tô, ắt được quý quan và các công-sở nể-nang hơn. Thế mà thanh-nghị không còn, cho nên hạng người có tư-chất tốt, đứng trước những cảm-đổ của thời-thượng cũng khó mà chống-chỏi được. Và nhiều nhu-cầu mới đã phát sinh. Ví dụ như trong nhà ở, trước kia chỉ một bộ ván vừa dùng làm nơi làm việc, nơi tiếp khách, nơi ăn cơm và nơi nằm ngủ nữa, đến nay quan phải có phòng làm việc, phòng tiếp khách, phòng ăn, phòng ngủ. Việc giáo-dục con cái, trước kia chỉ trước một ông thầy ở trong nhà là đủ dạy tất cả các cậu, từ lớp Đồng-ấu đến bậc Đại-học, ngày nay phải gọi cậu này đi Hà-nội, cậu kia sang Pháp.

Những lý-do ấy khiến chúng ta tin rằng đời Tự-đức quan-trưởng không quá tham ô, và thói ấy không phổ-thông như người ta thấy sau này.

Vả, chỉ xem lại chánh-tích và tư-cách của họ còn ghi trong sử sách thì biết giá-trị họ. Hạng người như các ông Trương-Đăng-Quế, Vũ-Trọng-Bình, Nguyễn-Trí-Phương, Phan-Thanh-Giản, Phạm-Phú-Thứ, Hoàng-Diệu, Trần-Tiền-Thành, Nguyễn-Bá-Nghi v.v... có thể bị người đời sau chê trách là không hiểu thời-thế thiên-hạ, là bảo thủ, nhưng đều là những quan chức thanh-liêm, công-chánh, hết lòng vì nước, vì dân, đem thân phò vua, giúp nước không chút tư dục, tư tâm, dầu ở thời-đại nào cũng khó thấy hạng công bộc xứng đáng hơn thế nữa. Vẫn biết các ông ấy không phải là tất cả quan-trưởng Việt-nam thuở ấy, nhưng ở trên đã có nhiều ngọn đuốc nêu cao soi sáng như thế thì chung quanh và ở dưới không thể hoàn-toàn mù-mịt, tối tăm. Sau này, khi cuộc bão-hộ đã thành-

lập, giới sĩ-phu thường nói rằng : « Từ khi vua Tự-Đức chết thì không có vua nữa, từ khi các ông Nguyễn-Tri-Phương, Phan-Thanh-Giản chết thì không có quan nữa. » Ấy là họ muốn nói quan-trưởng thời Pháp-thuộc kém xa thời trước vậy. Chính ông Paulin Vial cũng đã nhận xét về quan-trưởng Việt-nam khi người Pháp mới đến như sau : « Tất cả các quan-chức « ấy, từ Tri-huyện đến Thượng-thư, « Đại-thần viện Cơ-mật đều có những « bằng cấp về học-lực và đã tập sự lâu năm « ở những cấp bậc dưới của ngành hành- « chánh... Những kẻ lên được địa-vị cao « thường là những người có nhiều « khả-năng. Họ đã học nhiều trong các « sách chữ Hán, sách mà các nguyên- « tắc cai-trị và triết-lý rất đáng cho « chúng ta khâm-phục về tinh-thần nhân- « bản và triết-lý thâm cao. Họ lại có nhiều « kinh-nghiệm. Các quan lớn ấy không « phải đều tốt cả, nhưng phần đông đã « khiến chúng ta phải kính-trọng vì lòng « vô tư, ý muốn làm được việc tốt, sự « gắng sức để làm tròn nhiệm-vụ của họ. « Các người Pháp ở gần họ thường « phải xúc-dộng vì nhân-phẩm cao quý « của những ông già giản-dĩ, khắc-khò, « tận tâm, cần-mẫn và bình-tĩnh trong lúc « nước nhà họ đương trải qua nguy- « biến. Họ giữ được đến phút cuối cùng « tất cả uy-tín trước mắt dân-chúng mà « họ cai-trị. Nhờ vậy đã gây được sự « vững chãi trong xã-hội Việt-nam ; và « vì học-vấn dành cho mọi người, không « phân-biệt, nên người ta có thể nói « rằng nước này được hưởng một tồ- « chức dân-chủ nhất và hợp lý nhất (1). »

(1) Trích dịch trong *Les premières années de la Cochinchine* trang 97, 98, 99.

Quan-chức như thế không phải là hạng quan-chức bóc-lột dân như ông Le Myre de Vilers nói. Nhưng từ khi mất đất Nam-kỳ, triều-chánh trải qua một cơn khủng-hoảng, xã-hội loạn-lạc, lòng người hoang-mang. Trong tình-cảnh loạn lạc cũng như bất cứ trong lúc loạn lạc ở thời đại nào, cái trong, cái sạch lẫn xuống dưới, cái dơ cái đục nổi lên trên, những phần tử xấu xa, căn bã có dịp xuất đầu lộ diện tha hồ làm cản buông câu trong nước đục. Chắc ông Le Myre de Vilers nhìn thấy trạng huống ấy mới có nhận xét kia. Tuy vậy, chẳng bao lâu nữa, khi lớp quan-trưởng tốt kia khuất bóng, đồng thời chánh-quyền bị ngoại-nhân can-thiệp, văn-minh vật-chất truyền vào, quan-trưởng cũng lần lần trụy-lạc.

Tài - chính

Ông Le Myre de Vilers nhận thấy : Của-cải trong nước mất cả, sự nghèo khó lan ra khắp nơi.

Việt-nam là một nước nông-nghiệp, với một nền kinh-tế xã-thôn tự-túc, tự-cấp, các tài-nguyên chưa khai-thác, nên không phải là một nước giàu có. Chỉ Nam-kỳ lúa gạo có thừa, và Trung, Bắc-kỳ nhờ đó mới đủ nhu dụng. Xem như sau khi đánh chiếm Gia-định, năm 1861, Đô-đốc Charner cấm chở gạo ra Bắc, biết đó là một biện-pháp có thể buộc Nam-triều mau phải chịu thua.

Sở dĩ nhà cầm-quyền cũng như dân-chúng không lưu-tâm đến việc mở-mang kinh-tế là vì thâm nhiễm những ý-tưởng trọng tinh-thần, khinh vật-chất, người ta quan-niệm rằng hạnh-phúc con người không phải ở sự giàu có, mà ở nơi tinh-thần

thành-thời, lương-tâm thỏa-thích. Vì vậy, cũng như ở Trung - quốc, các triều - đại không vụ thu góp của dân cho nhiều để làm giàu ngân sách, mà chỉ đánh thuế khóa sao cho đủ chi dụng mà thôi.

Lại vì tư-tưởng « trọng dân » của Nho-giáo, các triều-đại đều lo tránh việc phiền dân, nhiễu dân. Xem như Trung-quốc là một nước rộng lớn, dân đông thế ấy mà trải qua 5000 năm lịch-sử, không để lại một công-trình kiến-trúc gì vĩ-dại như Kim-tự-tháp của Ai-cập, hay đền Đế-thiên, Đế-thích của Cao-mên, trừ Vạn-lý trường-thành do nhiều nước phong-kiến đắp lên từ thời Chiến-quốc, Tần-Thủy-Hoàng chỉ đắp thêm cho liên-tiếp và cao rộng hơn, thế mà vẫn bị quốc-dân và lịch-sử chê trách. Ở Việt-nam, kinh-thành Huế ấy đã làm chậm-rãi hơn 20 năm mới xong ; Vạn-niên-cơ, tức là lăng vua Tự-Đức, là một công-trình không gì lớn-lao, thế mà trong thời gian kiến trúc anh em Đoàn-Trung, Đoàn-Trực cũng lợi dụng để kích-thích lòng hờn oán của dân công, khiến chúng nổi dậy làm loạn kéo vào Đại-Nội xuyt giết vua Tự-Đức.

Câu hát trong dân gian còn truyền tụng đến ngày nay :

« Vạn niên là vạn niên nào

Thành xây xương linh, hào đào máu dân »

Chúng tôi người dân Việt rất bất phục khi bị phiền nhiễu. Xem các đạo Dự khuyên răn quan-trưởng của vua Tự-Đức, nào là : « ... sinh ra một việc không bằng giảm đi một việc »... (1), nào là « ... nuôi dân trước phải bớt việc, từ nay các quan địa-phương trong ngoài mỗi

việc đều nên giảm ước »... (2), người ta thấy rõ ý muốn không phiền dân ấy. Không phiền dân, giảm việc, giảm ước, ấy là một thái-độ tri thủ, tiêu cực, tuy khỏe dân, nhưng không chấn tác được gì làm sao thiết hành những công - trình công - ích, công-lợi lớn để mở mang kinh-tế, khai-thác tài-nguyên được ?

Tóm lại, không can thiệp vào kinh-tế, không làm phiền dân, nhẹ nhẹ thuế khóa, cốt sao cho dân sống được an vui, ấy là chánh sách của các triều vua từ đời Tự-Đức trở về trước, tức là chánh - sách « đặt nghĩa lên trên lợi » vậy. Mà với chánh-sách như thế, cố-nhiên không thể làm cho dân, cho nước giàu có được.

Đời Minh - Mạng phải đánh dẹp loạn Lê - Văn - Khôi trong ba năm, qua đời Thiệu-Trị, phải dùng binh ở Cao-mên hai năm, quốc-lực đã hao mòn một phần lớn. Đến nay, giặc-giã ở Bắc-kỳ, cuộc chiến-tranh với Pháp, khiến kho-tàng của Triều-đình thêm khuy-hư, còn dân gian thì vì loạn-lạc, cướp bóc, vì các tráng-dinh sung vào các đạo nghĩa-quân kháng-chiến, lên càng nghèo khó hơn trước nữa. Vậy thì sự nghèo khó mà ông Le Myre de Vilers nhận thấy quả có thật vậy.

Trước tình-cảnh thiếu-thốn của quốc-khố ấy, hòa-ước Nhâm - tuất buộc nước Nam phải bồi thường binh-phí 4 triệu dollars (tính mỗi dollar là 72% lượng (tael) bạc, hạn trả trong 10 năm, mỗi năm 400.000 dollars. Thật là một món nợ khổng-lồ ! Biết làm sao ? Triều-đình phải tìm cách làm tiền, như quyền phạm

(1) Dự năm Mậu-Thân đã trích dẫn ở trên (1848).

(2) Trích Dự năm Nhâm-Tì (1852).

hàm và cho trưng thuế bán thuốc phiện 1 ai quyền từ 1.000 quan tiền trở lên thì được hàm cửu-phẩm, quyền đến 10.000 quan thì được làm lục phẩm ; cho người Tàu bán thuốc phiện từ tỉnh Quảng-bình ra đến Bắc-kỳ, mỗi năm nạp hơn 30 vạn quan tiền. Quyền phẩm hàm là bán quan buôn tước, cho phép bán thuốc phiện là đầu độc dân-chúng, ấy là « *đặt lợi lên trên nghĩa* » vậy. Đây là bước đầu của một sự thay đổi tinh-thần chính-trị của triều-đình nó sẽ gây nhiều ảnh-hưởng trên xã-hội, ở nhiều phương-diện.

Vilers cho ta trông thấy sự chuyển mình của xã-hội Việt-nam khi phải tiếp nhận văn-minh mới. Chuyển mình ở tinh-thần và hình thể. Vì nhu-cầu vật-chất, quan-niệm nghĩa trên lợi đã không thể mạnh mẽ như xưa ở giới cầm quyền nữa. Quan-trường, giuờng mối của nước nhà, đã mất nhiều đức-tính cổ hữu. Và tất cả thay đổi ấy vừa là nhân, vừa là quả của một tình-trạng loạn-lạc giặc-giã do sự chung đụng và tranh hoành của hai văn-minh tất nhiên đem lại.

Tóm lại, bức thư của ông Le Myre de

PHAN-KHOANG

- ✧ Khi bạn dẫn một người tới chỗ phải thốt ra câu : « *Cải hối làm gì, vô ích, mình đã bị người ta liệt hạng rồi !* », chính thật là bạn đã giết chết nỗ-lực của một người muốn chỗi dậy và muốn sửa mình.
- ✧ Mình có điều hay, không nên bắt người cùng phải có điều hay như mình ; mình có điều giỏi, không nên khinh người không có điều giỏi như mình (Triệu-Khiêm).
- ✧ Bạn nên khôn-ngoa và dè-dặt đối với những người bạn ít có dịp gặp gỡ. Bạn chớ để tồn-tại cảm-giác bạn đã có về người ấy cách đây mấy năm. Từ bấy đến nay, họ có thể thay đổi được lắm. Bạn chớ quá tin vào ký-ức của bạn.
- ✧ Đem điều trách người ra trách mình thì ít lỗi ; đem lòng dong mình ra dong người thì ít oán. (Lâm-Bô)

ĐÍNH CHÍNH

« *Danh ngôn danh lý* », Bách-Khoa số 66, ngày 1-10-1959, trang 41, dòng 12 :

...biết cách nói với một người lính như đại tá...

xin đọc là :

...biết cách nói với một người lính như ngài...

SỰ PHÂN LOẠI SÁCH VÀ CÁC HỆ-THỐNG

THƯ-VIỆN TRÊN THẾ-GIỚI

NGUYỄN-HÙNG-CƯỜNG



SỰ phân loại để xếp sách trên các kệ trong thư-viện là một trong những công việc quan-trọng của ngành thư-viện học. Việc đó có ba mục đích sau :

- 1') Để hoàn bị sự giữ gìn sách báo ;
- 2') Để tìm kiếm dễ-dàng một tác-phẩm khi cần tới ;
- 3') Để tiết-kiệm chỗ xếp sách đến mức tuyệt đối.

Tới nay, người ta đã và đang dùng nhiều phương-pháp xếp sách (modes de classement). Dĩ-nhiên, không có phương-pháp nào là hoàn-toàn cả.

Việc chọn lọc một phương-pháp còn tùy thuộc tính cách của mỗi thư-viện, các loại sách mà thư-viện có, số nhân-viên có sẵn, cách thức của địa-diểm và cuối cùng là sự đòi hỏi của độc-giả thư-viện đó.

Ngay trong một thư-viện, người ta cũng có thể áp dụng nhiều phương-pháp xếp sách tùy theo đó là ban cho mượn sách về nhà, là phòng nhi-đồng, là phòng đọc sách của người lớn hay là những loại sách khảo-cứu.

Dù sao, tiêu chuẩn dùng để chọn một phương-pháp xếp sách là phải phân biệt hai loại sách :

a) Loại sách để độc-giả có quyền tự-do chọn lấy ở kệ :

b) Loại sách lưu trữ trong kho chứa do nhân-viên thư-viện tìm hộ và giao cho độc-giả mượn.

Về trường-hợp trên, nghĩa là khi độc-giả được phép tự-do chọn lấy sách trên kệ (libre accès aux rayons), các sách phải được xếp theo một hệ-thống, một phương pháp có môn loại (système) : các tác-phẩm thuộc chung một đề tài phải tập hợp với nhau. Lối xếp sách này rất khoa học.

Về trường-hợp thứ hai nghĩa là khi nào độc-giả phải nhờ tới sự trung-gian của nhân-viên thư-viện mới tìm thấy sách, các tác-phẩm được xếp theo cỡ sách (format) và theo thứ tự thời-gian nhận được sách. Theo lối này, độc-giả phải tham khảo thư-mục (catalogue) để kiểm số hiệu (cote). Phương-pháp xếp sách theo cỡ là phương-pháp giản-dị nhất và không choán chỗ.

Như vậy, về phương-diện căn bản xếp sách, ta có thể nhìn nhận hai căn bản :

- 1') Đề tài sách.
- 2') Hình thức sách.

Do đó, ta có hai loại hệ-thống xếp sách, mỗi loại dựa vào một căn bản trên :

— Loại căn-cứ vào căn-bản « Đề-tài » gồm có hệ-thống thư-viện Anh-Mỹ hay hệ-thống theo phương-pháp thập phân Dewey.

— Loại căn-cứ vào căn-bản « Hình-thức » sách gồm có hệ-thống thư-viện Pháp La-tinh hay hệ-thống xếp sách theo cỡ.

A. — Hệ - thống thư - viện Anh-Mỹ hay hệ-thống theo phương-pháp thập phân Dewey

Hệ-thống này áp-dụng phương-pháp phân loại sách, do ông Melvil Dewey sáng tạo vào năm 1873 tại Đại-học đường Amherst thuộc tiểu-bang Massachusetts, Hoa-kỳ. Phương-pháp Dewey không phải là hoàn-toàn nhưng hiện giờ cũng chưa có phương-pháp nào tuyệt-đối hơn. Do phương-pháp này, người ta có thể xếp sách theo đề-tài.

Khi sáng-tạo phương-pháp thập phân ông Melvil Dewey phân chia « Sự hiểu biết của loài người » ra làm chín loại :

- Triết-học.
- Tôn-giáo
- Xã-hội học
- Ngôn-ngữ học
- Khoa-học thuần-túy
- Khoa-học thực-nghiệm
- Mỹ-thuật
- Văn-chương
- Sử-học

Vì lẽ mỗi phương-pháp phân loại đều phải có một loại tổng-quát, nên ông soạn thêm loại thứ mười, đứng đầu bảng phân loại Dewey và dành riêng cho sách thuộc

loại tổng-quát. Trong bảng phân loại ông Dewey dùng ba số Á-rập để ghi chú. Những loại đề-mục chính và những số hiệu của những sách đó được phân chia như sau :

- 000 Sách tổng-quát
- 100 Triết-học
- 200 Tôn-giáo
- 300 Khoa-học xã-hội
- 400 Ngôn-ngữ-học
- 500 Khoa-học thuần-túy
- 600 Khoa-học thực-nghiệm
- 700 Mỹ-thuật
- 800 Văn-học
- 900 Sử-học

Sau khi đã chọn xong những loại chính, ông Dewey thấy cần phải chia mỗi loại đó ra làm nhiều phần tử nhỏ. Theo đúng lý, mỗi loại có thể được phân ra làm hai hay nhiều loại phụ, nhưng ông Dewey nhận thấy phải dùng kế-hoạch chia mỗi loại ra làm chín phần tử nhỏ và cứ tiếp tục chia như thế mãi.

Ví dụ, loại 500 được chia ra toán-học, thiên-văn-học, vật-lý-học, hóa-học, địa-chất-học, cơ-sinh vật-học, sinh-vật-học, thực-vật-học, động-vật-học.

Theo trên đây, cứ tùy mỗi đề tài mà ghi vào sách, số hiệu lấy trong bảng Dewey và xếp sách lên kệ đã dành cho từng môn loại.

Các nước Anh-cát-lợi, Hoa-kỳ, Gia-nã-đại đều theo lối Dewey. Mới đây ở Việt-nam, Thư-viện Học-viện Quốc-gia Hành-chánh, thư-viện Thông-tin Hoa-kỳ, Thư-viện Văn-khoa Đại-học đường, Phòng đọc sách đô-thành của bộ Thông-tin đã áp-dụng phương-pháp thập-phân Dewey.

B. — Hệ-thống thư-viện Pháp La-tinh hay hệ-thống xếp sách theo cỡ

Hệ-thống Thư-viện Pháp La-tinh bao trùm một phần lớn các thư-viện phía Tây và Bắc Âu-châu : Ý, Pháp, Đức, Bỉ, Na-uy, Đan-mạch, Thụy-điền, Y-pha-nho, Bồ-đào-nha.

Hệ-thống Pháp La-tinh xếp sách theo cỡ (format) tức là theo hình-thức quyền sách, không cần quan-tâm tới đề-tài. Chỉ riêng các sách về loại sưu tập (collections) hay loại nối tiếp (ouvrages à suite) phải tập hợp với nhau.

Dĩ nhiên, lối xếp sách theo cỡ không có choán chỗ và lại làm tăng vẻ thẩm-mỹ của thư-viện.

Thường thường, người ta chia sách ra làm ba cỡ :

a) Cỡ nhỏ (petit format) : bề cao không quá 20 phân. Số hiệu sẽ là N, là P hay là In-12 thêm một số thứ tự.

b) Cỡ trung (moyen format) : giữa 20 và 35 phân. Số hiệu là T, là M hay là In-8 và In-4^o.

c) Cỡ đại (grand format) : trên 35 phân. Số hiệu là B, là G hay là In-fol.

Lối xếp sách này thì rất thực-tế nhưng không khoa-học như lối Dewey và lại cần có một thư-mục làm rất cần thận và tinh-vi vì chỉ nhờ có thư-mục mà người ta tìm thấy sách.

Ở Pháp, lối xếp sách theo cỡ được áp-dụng trong các thư-viện lớn như thư-viện Quốc-gia Paris và các thư-viện Đại-học.

Ở Việt-nam, cựu thư-viện trung-ương Hà-nội, Thư-viện Quốc-gia (số 34, đường Gia-long), Tổng Thư-viện (P. Ký), Thư-

viện Phái - đoàn Văn - hóa Pháp (số 31 đường Đồn-đất), Thư-viện trung-tâm diêm Văn-hóa Đức-quốc đều dùng lối xếp sách theo cỡ.

Tuy nhiên, ở Pháp, những thư-viện cho mượn sách về nhà, thư-viện lưu-động, thư-viện nhi-dồng đều áp-dụng lối thập-phân đơn-giản Dewey vì họ muốn đề độc-giả tự chọn lấy sách trên kệ theo đề-tài.

Với những đặc-điểm chuyên-môn mới này, các thư-viện bên Pháp tuy vẫn thuộc hệ-thống Pháp La-tinh, có thể coi như đã bắc một nhịp cầu trung-gian nối liền với hệ-thống Anh-Mỹ.

Kết - luận

Lược-khảo hai hệ-thống thư-viện trên thế-giới, những lời bàn trên đây của tôi không nhằm mục-đích đi sâu vào chi-tiết của sự đối chiếu hai lối xếp sách, xong thiết-tưởng cũng đủ đem lại cho chúng ta một vài yếu-tố quan-trọng về công việc cải-tiến thư-viện Việt-nam.

Đề nền thư-viện có thể tiến-triển cùng một đà với xã-hội và hướng về các đòi hỏi tiên đoán của một tương-lai phù hợp với nguyện-vọng của độc-giả Việt-nam, chúng ta cần ghi cả hai phương-pháp.

a) Hoặc dùng lối xếp sách theo cỡ của hệ-thống Pháp La-tinh cho các Phòng đọc sách lớn.

b) Hoặc dùng lối thập-phân đơn-giản Dewey của hệ-thống Anh-Mỹ cho các thư-viện cho mượn sách về nhà, cho thư-viện nhi-dồng và thư-viện lưu-động.

NGUYỄN-HÙNG-CƯỜNG

Nguyên Tập sự viên
tại các Thư-viện Pháp-quốc

BÁCH KHOA LXVIII

CHÚNG TA THEO LỄ NÀO ?

● — ĐOÀN-THÊM

CÓ những vị lớn tuổi hay trách nhiều người trẻ lấc cấc, ngông ngênh, thiếu lễ-độ...

Phải chăng nhận xét đó có phần chủ-quan, chỉ tại cách ăn ở ra vào ngày nay không còn giống các cụ ? Nếu vậy, cũng chưa đáng lo ngại, vì mọi sự phải tùy thời thay đổi.

Nhưng nếu quả là nhiều hậu-sinh chúng ta không giữ lễ cò mà cũng chẳng theo lễ kim, văn-đề cần được chú trọng để tìm giải-pháp, đối với một dân-tộc có mấy ngàn năm văn-hiến.

Trường-hợp thứ nhất thường thấy xảy ra. Chúng ta dù không học Kinh Lễ, cũng vẫn nghe từ nhỏ một câu được phổ biến rộng rãi gần như tục-ngữ phong-dao : tiền học lễ, hậu học văn. Chúng ta vẫn biết vâng dạ, kính người già, nhường người trẻ, tránh sự thô-bi... Song, ta không khúm núm, sợ sệt hay ngượng ngịu trước người trên hay ở giữa công-chúng ; dự tiệc, không làm khách nữa, cứ ăn cho đủ no ; tiếp chuyện phụ-nữ, không quay mặt đi, hoặc nhìn xuống như cách đây chừng 50 năm, trái lại, hay cười nói vui vẻ... Những thái-độ, cử chỉ, ngôn-ngữ đó có khi bị coi như

chướng tai nghịch mắt, trái lễ phép của thời đã qua, khi trên dưới, già trẻ, gái trai, thân sơ phải cách biệt rõ rệt để phòng nghiêm ngặt cho trật-tự của gia-đình xã-hội khỏi bị rối loạn.

Nhưng nếu lời chỉ trích kể trên hơi vội vàng, chắc đâu vô căn-cứ hân, và chúng ta đã thành-thực tự xét lại chưa, để dám cả quyết rằng mình sống đúng lễ, và lễ đây là lễ gì ?

Lễ của Nho-giáo ? Ai chẳng rõ rằng hầu hết hình-thức cũ đã bị bỏ hay quên lâu rồi, từ những việc có tánh-cách tế-tự như ma chay cưới xin, giỗ tết, đến việc giao-tế hàng ngày. Có những bạn đã chạy hỏi rồi rít bà con khi trong nhà có ông già bà cả qua đời, mà trong họ không còn ai mách bảo nên cần làm thế nào cho phải. Tết Nguyên-đán, đối với một số người càng ngày càng đông, chỉ là những ngày nghỉ có lương theo luật lao-dộng, để đưa vợ con đi chơi xa, chứ không còn có mục-dích xum họp gia-đình, gia-tộc, tưởng nhớ gia-tiên. Huống chi đối với những sự thông-thường hơn như tiếp bạn bè, nói năng với người dưới, đi lại đứng ngồi ?...

Hay là theo lễ mới của Tây-phương ? Nhưng sao có bạn ngồi ghế bành mà vẫn co một chân lên đệm ? Gặp vị hơn tuổi, hay cấp trên, nhiều người vẫn hấp tấp đưa tay cho bắt trước. Tại sao ở nhiều cuộc hội họp công-cộng, trong đám người bạn Âu-phục, ông chấp tay vái, ông chấp tay cúi đầu, ông vừa vái vừa bắt tay, ông chỉ hơi gật đầu mỉm cười ? Mỗi khi đứng chào quốc-kỳ, giữa công-trường hay rạp điện-ảnh, người thông thẳng hai cánh, người chấp chéo trước bụng, người cầm mũ bên sườn, người để lên tim theo lối Mỹ ? Ở nhiều đám cưới, y-phục của cô dâu chú rể hay tân-khách, cùng một giai-cấp cũng khác nhau xa : có vị mặc đồ dạ-hội (*tendue de soirée*) áo trắng quần đen, ngồi cạnh ông bạn thường-phục ; chú tân-lang này mặc áo sa-tanh dài, hoặc smoking, trong khi tân giai-nhân xúng xính áo thêu kim-tuyến nơi khăn vành dây xanh như một mệnh-phụ thuở xưa...

Trước tình-trạng hỗn-tạp đó, mỗi người xét đoán phê-bình một khác.

Một bà trẻ có việc tới gặp một ông trẻ hai lần, mà bạn nào mở cửa vào phòng giấy cũng không đóng lại trả. Ông phàn nàn với một bạn chung rằng : coi người tân-tiến lắm, mà bất-nhã quá. Nhưng theo bà, chính ông mắc lỗi đó : tiếp đãi bà con gái mà bắt đóng kín cửa, chỉ làm cho người ta ngượng ngịu e dè, và biết đâu thiên-hạ không dị-nghị ?... Ông có phản-ứng của một người tây, bà quen giữ ý như nhiều phụ-nữ phương đông : ai phải, ai trái ?

Có bạn chê rằng : mời tiệc trà, là theo phong-tục phương tây, nhưng đã theo tây, sao các bà lại tụ một chỗ, các ông

đứng một nơi, chẳng bên nào nói chuyện với bên nào ? Bạn khác trả lời : hỏi như vậy tức là mặc-nhiên đòi phải theo đúng phép Âu-Mỹ : nhưng căn-cứ vào nguyên-tắc nào mà buộc như vậy. Sao không thể chằm chước ? Nhưng chằm chước theo đường lối nào tới chừng mức nào, thì chưa ai cho biết.

Lại có trường-hợp một bà chủ bị trách là thiếu lịch-sự : khách tới nhà, mà cứ ngồi lù lù, một mình chồng chạy ra đón ; và thấy người ta chào cũng chẳng thêm đứng dậy, chỉ giơ tay cho bắt. Nhưng khi câu chuyện đến tai, bà nhả lại cho hiểu : các bà chủ có quyền như vậy, và ai có quyền cấm theo lối tây ?

Tóm lại, mặc dầu trọng lễ, ta chẳng theo hẳn lễ nào ? Song lễ là phép tắc, tất-nhiên phải có sự đồng-nhất cho tất cả các giới trong xã-hội cùng tuân, chớ lễ nào cứ tùy tiện, tùy ý, tùy mỗi cá-nhân ? Vì nếu vậy, rất dễ đi tới sự buông thả, quá chớn, hay chê bai thiên lệch làm mất thiện-cảm giữa những người sống chung đụng mà cư xử khác nhau.

Người Âu Mỹ có những tục-lệ được sắc-nhận trong sách dạy lịch-sự xã-giao, (*savoir-vivre*) hay là lễ-nghi (*cérémonial, protocole*). Ông cha ta thời xưa có nhiều tập gia-huấn, gia-pháp, Thọ-mai gia-lễ, chánh-quyền có triều-nghi điển-lệ và cả một cơ-quan trung-ương chuyên trách : bộ Lễ. Đã lâu nay, kim cò đồng tây xáo trộn, ta không biết căn cứ vào tài-liệu gì, tiêu-chuẩn gì, khuôn mẫu nào chắc chắn, để ăn ở trong nhà và giao-thiệp người ngoài.

Ở phạm-vi này, sách vở tuy hữu-ích, có lẽ không cần-thiết lắm, vì cũng như thời-trang, chỉ có tính-cách hướng-dẫn hơn

là cưỡng-bách. Dù sao, nếu các nhà luân-lý học, xã-hội học, các bậc mô-phạm và phụ-huynh không lưu-tâm nghiên-cứu để cố tìm giải-pháp thích-hợp, e rằng cách-thức đối xử giao-tế cũng như nhiều trạng-thái của đời sống Việt-nam, vẫn bị phó mặc cho những trào-lưu trái ngược lạng lẽ lôi cuốn, may ra thì tới chỗ cao-nhã, nhưng rất có thể lạc hướng vì vô-ý-thức.

Thực ra vấn-đề cần được giải-quyết một cách giản - tiếp và từ căn - nguyên, bằng cách sửa đổi tính tình tư-tưởng mà cử-động ngôn-ngữ chỉ là phản-ảnh : song sự cải-hóa đó rất khó khăn, mông mông, đòi hỏi nhiều công - phu giáo - dục trong một thời-gian vô-dịnh, dĩ-nhiên không ai dám tự hào thực hiện, ngay đến lập thuyết cũng chẳng dễ gì.

Tuy-nhiên, căn-cứ vào thực-tại và đứng về phương-diện hình-thức, nếu lại chỉ có nguyện-vọng được gì hay thế, chúng ta vẫn có thể nhận xét như sau, về đời công và đời tư.



Đời công của ta nhất-định phải theo hướng chung của thế-giới tự-do : tôn-trọng nhân-phẩm, thực-hiện dân-chủ, phục-vụ nhân-loại. Như vậy, không những hoạt-động chánh-quyền trong nước, mà cả sự giao hảo với các xứ khác, đều phải ăn nhịp với đà quốc-tế-hóa chung.

Từ nguyên-tắc đó, chúng ta suy luận để nhận thức lại : lẽ lỗi giao-thiệp của công-dân Việt-nam đối với người nước khác của nhà chức-trách Việt-nam đối với nhà đương-cục ngoại-quốc hoặc ngoại-kiều, đại-khái phải như của một công-dân hay chánh-khách Thụy-sĩ, Hòa-lan đối với tư-nhân hoặc nhà đương-cục Anh, Đức, Ba-tư, Hy-lạp... Trong phạm-vi này, ở

ngay nước nhà hoặc khi xuất ngoại du-học, du-lịch, công-cán, giao-thương, ta dần dần nhận thấy, bằng cách tiếp-xúc hơn là qua sách báo, những cách ăn ở mà ta buộc phải theo nếu muốn khỏi bị chê là thô kệch thấp kém. Khi tham-dự hay tổ-chức một hội-nghị, lúc thảo-luận, giao-ước, thù tạc, chúc tụng, nghênh tiếp, đáp lễ, liên-lạc về công việc... ta cần lưu ý xem xét để tìm hiểu ngoại-nhân, vì nhiều lẽ. Ta mới bước chân lên trường quốc-tế, nhiều khi còn bỡ ngỡ, vẫn có tự-ti mặc-cảm nên hay ngượng nghịu, bởi ta phải nhờ sự giúp đỡ của nhiều cường-quốc bạn, ta càng phải cố giữ thể-thống cho ngoại-nhân không thể có ần-ý khinh rẻ ; mà phần đông người Âu-Mỹ rất chú-trọng tới bề ngoài để xét đoán một cách chủ-quan, nghĩa là nếu hình-dung, thái-độ, y-phục, ngôn-ngữ hay nói chung là cách sống của ta càng giống của họ bao nhiêu, thì họ càng tin rằng ta tiến-bộ bấy nhiêu. Còn nếu ngồi ăn súp mà hớp mạnh, tất họ chẳng thể nhớ rằng bạn đã thi đậu hai ba bằng đại-học ở xứ họ, và đối với phụ-nữ của họ, thì lành áo cần hơn tốt danh. Sau hết vì ta thường phải học về văn-minh của họ, nên cũng như người Nhật, người Ấn, ta hiểu được tâm-lý họ để liệu cách đối xử, còn họ ít hiểu ta vì chưa chịu hoặc chưa kịp học về tính-tình phong-tục của ta ; vả lại trời sinh ra ta có bộ thần-kinh và nét mặt tương-đối trầm tĩnh hơn họ, rất ít khi họ nhìn ta mà đoán biết ta muốn gì, trong khi ta dễ thông-cảm vì trông thấy họ hoa chân, múa tay, nhún vai, nheo mắt... Ta biết nhiều hơn thì nên nhún nhường kẻ biết ít, âu cũng là thái-độ của sĩ-quân-tử phương đông vậy.

Song ta cũng phục-thiện, và thành-thực nhận rằng trong đời công, họ rất khéo tổ-chức, và ta theo họ thì có lợi rõ rệt : xếp hàng nghiêm chỉnh khi vào lớp học ; đi đứng nhịp nhàng, hùng dũng lúc điem binh ; không xô đẩy chen chúc nhau khi lấy vé rạp hát hoặc lên xe lên tàu ; chẳng nhò bậy và phóng uế ngoài đường ; nhường bước cụ già con nít ; tránh huyên náo ở nơi công-cộng ; yên lặng chớ không nói chuyện ba hoa khi đưa đám tang ; cúi đầu mặc niệm các chiến-sĩ trận-vong,... bao nhiêu điều hay, mà nếu ta chịu theo, thì đời sống chung có trật-tự, có mỹ-quan, có ý-nghĩa hơn, dễ chịu cho mọi người và đỡ mệt cho những nhân-viên hữu-trách biết chừng nào !.. Đối với ngoại-nhân, chỉ có quang cảnh như vậy mới khiến cho họ tin rằng ta không kém họ, biết tự trọng và trọng kỷ-luật, ảnh-hưởng tốt cho quốc-thề chẳng phải là nhỏ trước dư luận quốc-tế...



Nhưng trong đời tư, giữ những người thân, gia-đình, gia-tộc, bằng hữu, phần đông chúng ta trừ lâu đều có khuynh-hướng giản-tiện, dù đối với lễ-ngghi hay lễ phép thường.

Trước hết, ta muốn và đã thoát ly những thề-lệ tập-tục của bao đời trước, vì quá gò buộc, kèn càng, cầu nệ, có khi giả dối, tốn tiền và phí thời giờ : miễn-cưỡng đi chào Tết hàng mấy chục nhà, và mong rằng không gặp ai để khỏi phải vào chơi ; — khoản đãi họ hàng, thù tiếp bạn bè nhân các dịp hiếu hỷ và do đó nhiều khi mắc nợ, không phú - quý cũng về với lễ-nghĩa ; — không biết chữ nho nào, thuê mướn viết câu đối khốc người quen vừa

tạ-thế bằng những chữ rất ít người hiểu, kể cả người chết...

Ta đã dứt bỏ nhiều thói cũ dễ được nhẹ mình, và cũng vì mục-đích này, ta dễ-dàng hơn đối với bản thân và người khác trong sự chung đụng hàng ngày : kéo ghế ngồi ngay hàng với chú bác mà nói chuyện tự-nhiên, chớ không chấp chân chấp tay nữa ; con cháu đi qua không ép cúi đầu, ít bắt bẻ chúng nếu đùa rồn nói cười ; — phái nữ có thể chuyện trò vui vẻ với phái nam và ngược lại ; — ăn uống với bà con chẳng cần mời mọc hay gắp hộ ; — tiếp bạn chẳng phải vái nhau và vâng vâng dạ dạ như các cụ thời xưa... Không-khí gia-đình quả là dễ thở hơn, và tình thân mới chân-thật, ấm áp.

Nhưng từ sự dễ dàng tới sự buông thả, thường chỉ có một bước ngắn. Đôi khi ta đi tới chỗ sơ-xuất, thất-thố, hoặc dễ xảy ra những sự ngang chướng. Bà con với nhau ấy mà, đến chơi nhà lúc nào chẳng được, dù giữa bữa cơm, hoặc 10 giờ tối, có biết đâu chủ-nhân bận rộn mà cứ phải chịu chuyện nắng mưa. Coi sự chào Tết như việc làm lấy lệ, rồi chẳng buồn đi, thành ra quanh năm không có dịp thăm hỏi bạn, bỏ những tiếng gọi quá trịnh-trọng đề tăng bốc như cụ lớn, ngài, không tự xưng mình là con là cháu người khác nữa, song khi nói đến giáo - sư, tiếng « thầy » và « thưa thầy » thân mật kính cần sao không dùng nữa, mà gọi là tránh ra ông, có khi là lão ấy ? Vì sao giữa đám người trí-thức, mà bỗng dưng có lúc nói nhảm ? Các cụ thời xưa mới hai mươi tuổi đã nghiêm - trang đến buồn tẻ, chúng ta ngày nay có khi ngoài 40 tuổi vẫn không chịu để ý đến cách đứng ngồi ăn nói, xuề xòa hay nhả nhớt ngay trước mặt con em ít tuổi, mà không

tự hỏi như thế thì chúng nghĩa sao... Lắm khi ta vẫn quở mắng chúng : hỗn nào ! nghĩa là ta vẫn muốn chung quanh ta có sự lễ phép. Nhưng giá thử có thiếu-niên hay lý-sự hỏi ta : vâng, thế thì phải làm sao cho lễ phép, liệu ta trả lời thế nào, và lấy gì làm tiêu-chuẩn, theo mới hay theo cũ ?

Chúng ta vẫn muốn thấy sự kính-cần, từ-tốn, ôn-tồn, khiên-nhượng, dung-dĩ, hòa-thuận, thân-mật : sự đối xử giữa cha con, vợ chồng, anh em, chú bác, bạn bè, trai gái, vẫn được đặt trên những qui-tắc căn-bản của lễ nghĩa ngày xưa mà ta lãng lạng theo, không đúng hình-thức nhưng vẫn giữ lại tinh-thần, mặc dầu đôi khi ta trót lơ buông thả, hoặc vì hoàn-cảnh nhất thời ta có lúc tưởng lầm rằng ưa chuộng những lễ lối phương Tây :

Đã có hồi, vì muốn gây không khí vui vẻ trẻ trung, ta cũng đua khiêu-vũ ; nhưng có nhiều bạn đã phải thú rằng : muốn hợp-thời mà tập tễnh tango hay fox-trot ở các gia-đình quen, chớ thực ra vẫn không thấy thích lắm, nhất là khi theo lịch-sự phải đề vợ, vị hôn-thê, hay ngay cả em gái nhảy với người khác, thì thấy nó làm sao ấy ; cái « làm sao ấy » lẩn quất trong máu huyết tính tình của bao đời cách biệt nam nữ đã thấm-thía vào bản-chất tự-nhiên của đại-đa số, hà-tất đi ngược lại để thấy miễn-cưỡng ? Lại còn có vị nuông chiều con gái từ nhỏ, và hay âu yếm bề ngoài theo lối tây, nên tới khi 18, 19 tuổi, lệnh-ái vẫn quen thói bá cò vuốt ve Ba mỗi khi được Ba tặng

món quà gì thích : chú bác, các anh lớn và cả Ba rồi cũng thấy tỏ lòng biết ơn như vậy, tuy nồng nàn, không hợp với chữ « kính » của Việt-nam, nên đã có vị phải cười mà bảo : giá thử vái một cái, còn hơn.

Ngược lại, có những cử-chỉ nhiều ý-nghĩa mà hầu như hay bị lãng quên hoặc không được hiểu : chúc thọ ông bà cha mẹ ngày mùng một Tết ; nhưng sao khi đi làm việc, thì sốt sắng chúc tụng cấp trên, với những lời lẽ văn-hoa, còn bề trên công cao nghĩa cả của trời đất ban cho, lại không mấy chú-trọng ? Hiếu thân thường đề trong lòng, nhưng đôi khi cũng cần phải tỏ như những tình khác, theo hình-thức lễ, miễn là hình-thức đó đừng phiền phức, có lợi cho sự tương-thân tương-ái, hay đúng hơn, là phù-hợp với tinh-thần dân-tộc.

Một người Nhật có nói : chúng tôi mặc ki-mô-nô thùng thình xếp gối nhậm trà, mà nhậm trà theo lễ ; người Âu Mỹ thắt chặt ca-vát vào cò, ngồi ghế bành, căng nọ vất lên căng kia, ăm-ấp ly rượu mạnh : chắc đâu vì thế mà họ văn-minh và có nhã-thú hơn ?

✱

Tóm lại, ta nên theo đường lối của nhiều giống người chung quanh ta, Nhật-Bản, Đại-Hàn v.v... : ra ngoài, hoặc giao thiệp với người ngoại-quốc, thì ăn mặc, đi đứng, nói năng như dân Âu Mỹ ; song về nhà, họ trở lại nếp cò-truyền, vì thấy ích-lợi và thú-vị hơn.

Đ. T.

✱ Giữ được điều mình hứa đã là khó ; chỉ hứa những điều mình chắc chắn giữ được lại càng khó hơn.

★ Không hứa bậy cho nên mình không phụ ai ; không tin bậy cho nên không ai phụ mình. (Ngô-Hoài-Dã)

LUNIK III

CÔ-LIÊU

HÒA - TIẾN không-gian thứ ba của Nga-xô được phóng đi ngày chủ nhật 4-10 từ một vùng gần biển Caspienne. Tầng cuối cùng của hỏa-tiến Lunik III mang theo máy móc tự-dộng để chụp hình mặt trăng và đo lường phóng-xạ-tuyến. Tất cả hỏa-tiến và dụng-cụ nặng 435 kí-lô. Quỹ-đạo sẽ là một con đường cong hình bầu dục đi quanh mặt sau mặt trăng và bao quanh cả trái đất lần mặt trăng. Ngày thứ ba 6-10 hỏa-tiến đã đi xa trái đất 140.000 cây số và đến gần mặt trăng vào hồi 15 giờ GMT. đúng như dự-tính. Ngày 7-10 đến điểm gần mặt trăng nhất, khoảng 7.000 cây số. Ngày 19-10 tức là mười lăm ngày sau khi phóng đi, Lunik III trở về trái đất, bay cách mặt đất 40.000km với tốc-độ 3.910m mỗi giây.

Các nhà bác-học đều đồng ý rằng Nga-xô đã lựa cho Lunik III một mục-phiêu vô cùng khó khăn, hơn mục-phiêu của hỏa-tiến Lunik II nhiều.

Ông Alexandre Ananov, người sáng lập ra « Liên-hiệp quốc-tế du-hành không-

gian » và đã theo đuổi công cuộc nghiên-cứu tại Pháp từ mấy năm nay, đã tuyên-bố với hãng thông tin quốc-tế United Press như sau :

« Lập được thành tích với hỏa-tiến Lunik II đã là cả một sự khó khăn, nhưng ít ra cái đích họ phóng tới còn lớn 80.000 cây số, nếu kể đường kính mặt trăng và cả khu vực hấp lực của mặt trăng. Lần này cái đích nhỏ hơn nhiều, một điểm trong không-gian cách mặt trăng không tới 10.000 cây số. Phóng một hỏa-tiến cho lượn quanh mặt trăng rồi trở về trái đất cũng không khó hơn phóng một hỏa-tiến cho xoay quanh mặt trăng, nhưng cả hai việc đều cần đích xác và tính mật đều cực độ... »

☆

Tốc lực

Chiếc Lunik II dụng trúng mặt trăng 33 giờ sau khi phóng đi. Tốc lực của nó độ 11.200 thước mỗi giây. Nếu không trúng đích nó sẽ đi mất tích về phía Hỏa-tinh và Kim-tinh. Đường đi của nó chỉ sai lệch từ 200 đến 300 cây số mà thôi.

Tốc lực nguyên-thủy của Lunik III ít hơn chỉ có trên 10.000 thước mỗi giây vì người ta tính cho nó còn phải ở trong khu vực hấp lực của trái đất, một khu vực rộng độ 500.000 cây số. Mặt trăng cũng ở trong khu vực ấy. Những vệ-tinh trước xoay quanh trái đất cách xa từ 250 đến 3.000 cây số. Lunik III có một quỹ đạo bầu dục lớn hơn nhiều, khoảng cách gần nhất là 12.000 cây số, khoảng cách xa nhất là 371.000 cây số, (tức là khoảng cách từ trái đất đến hết mặt trăng, cộng thêm 7.000 cây số nữa). Ở một vị trí cách mặt trăng 7.000 cây số Lunik III sẽ có thể chụp những bức hình mặt trăng về phía sau mà ta chưa bao giờ trông thấy.

Về tốc lực, các nhà bác-học chú trọng làm thế nào cho tốc lực thật đúng với sự dự tính trước, nghĩa là phải vượt khỏi ba khó khăn sau đây :

— Nếu đi mau quá, hỏa-tiến sẽ biến vào không gian vô tận mất.

— Nếu đi chậm quá, hấp lực của mặt trăng mạnh hơn sẽ làm cho hỏa-tiến rớt xuống mặt trăng.

— Trên đường về, nếu hỏa-tiến tiến vào vùng không khí mau quá, sự cọ xát với không-khí sẽ làm hỏa-tiến bốc hỏa rồi tiêu tan mất.



Vô tuyến điều động (télécommande)

Nhằm mục phiêu khổ khăn như vậy, các bác-học chế ra hỏa-tiến Lunik III đã hoàn thành được những máy điều-khiển tự-dộng đến cực-độ tinh-vi mà hiện trạng khoa-học có thể cho phép thực hiện được.

Giáo-sư Pickering giám-đốc phòng thí-nghiệm Jet Propulsion Laboratory ở Cali-

fornie mới đây có nói : « Vấn-đề khúc mắc hơn cả là khả năng và đặc điểm của giây ăng-ten mắc ở hỏa-tiến và ở dưới đất ». Người ta không biết gì về máy móc của hỏa-tiến Lunik III, chỉ có thể dự đoán là có 2 máy phát thanh và một máy thu thanh. Nhưng điều chắc chắn là trước đây chưa hề truyền được tin tức gì cho hỏa-tiến Lunik II, mà bây giờ đã có thể tác-động đến máy vô - tuyến điều khiển đặt trong hỏa-tiến Lunik III, vào những giờ nhất định có thể gọi đề hỏa-tiến trả lời. Hạn giờ như thế thì mạch điện sẽ bớt tiêu hao. Ngày thứ hai, sau khi phóng đi, từ 13 đến 15 giờ, Lunik III đã truyền tin về. Ở trái đất dùng vô-tuyến viễn kính (radiotélescope) người ta đã thu được luồng sóng của hỏa-tiến phát ra. Đêm thứ hai rạng ngày thứ ba nhà thiên-văn-học Eigenson đã cả quyết rằng Lunik II đã phá kỷ lục về vô-tuyến điều động ở xa.



Tài-liệu thu-thập

Theo tin của Nga-xô thì Lunik III đã mang theo một « trạm liên hành-tinh » máy móc đều tự-dộng. Danh-từ « trạm liên hành-tinh » đó của Nga-xô dùng đã bị các bác-học Anh phê-bình là quá đáng. Đối với giới bác-học thì danh từ ấy dùng đề chỉ một vệ-tinh to lớn có thể dùng làm căn-cứ như một phi trường để xe không-gian lên xuống và người ở được.

Tuy nhiên với những dụng-cụ trang bị cho Lunik III, người ta cũng hy-vọng rằng nó sẽ đem lại một chút ánh-sáng cho công việc khảo-cứu khoa-học. Trong số những tài-liệu do Lunik III thu-thập được, người ta nói một cách không đích xác lắm rằng sẽ có bức hình chụp mặt trăng phía sau lưng

chưa nom thấy bao giờ, và bức ảnh ấy sẽ chuyển xuống trái đất khi nào hỏa-tiến trở về.

Có lẽ những tài-liệu quan-trọng hơn cả sẽ thuộc về vòng đai phóng xạ tuyến ở trên cao. Theo bản thống kê những thành tích khoa-học của Nga-xô khi phóng Lunik III, thì họ quan tâm đến những vòng đai phóng xạ tuyến ấy hơn cả. Theo giáo-sư Chklovsky thì nhờ vệ-tinh Spoutnik và hỏa-tiến không-gian mà họ biết được có hai khu vực phóng xạ ở gần trái đất, và biết chắc-chắn rằng mặt trăng không có từ

trường (xem B. K. số 67, bài nói về hỏa-tiến Lunik II).

Lunik III chưa phải là một phòng thí-nghiệm về mặt trăng, nhưng chắc chắn là một phòng thí-nghiệm lưu-dộng xoay quanh mặt trăng, để thu-thập những tài-liệu đầu tiên về nham thạch ở mặt trăng, cũng đang được chuẩn-bị và có khi đã hoàn-thành.

Theo báo nguyệt-quốc

CÔ-LIÊU

★ Cũng như một ông vua có nhiệm-vụ phải coi sóc các vị đại-thần, không dễ cho họ ức hiếp nhân-dân, người chỉ-huy tối-cao trong một ngành nào phải lưu ý coi kẻ thừa-hành của mình có lấy công-bình và danh-dự mà đối đãi với kẻ dưới chẳng. Đó là một việc rất khó khăn, vì kẻ chỉ-huy phải làm sao dung-hòa được hai bổn-phận : bổn-phận củng-cố quyền-uy của kẻ công-tác với mình và bổn-phận coi chừng kẻ công-tác với mình lạm-dụng quyền uy.

« Nhưng địa-cầu thật vẫn tự chuyển ! »

Galilée là nhà vật-lý học và thiên-văn học nổi tiếng của nước Ý vào thế-kỷ mười bảy. Ông khám phá được nhiều định luật khoa-học và phát-mình ra kính thiên-văn. Những quan-sát của ông dẫn tới nhiều kết-luận khiến ông trở thành kẻ đối lập với Triều-đình La-mã bấy giờ. Trước Pháp-đình tôn-giáo, ông bị bắt buộc phải công khai nhận tội và chối bỏ thuyết « địa-cầu tự chuyển » mà trước ông, Copernic đã từng đề cập tới. Người ta bảo khi ông phải qui gối phủ nhận một thuyết mà ông thấy đúng, ông có nói một câu tỏ lòng ông phần uất đến cực điểm : « (Tôi chối bỏ thuyết địa-cầu tự chuyển) nhưng địa-cầu thật vẫn tự chuyển ! » (Eppur, si muove !)

Câu ấy còn được truyền tụng mãi cho tới ngày nay, chỉ cường quyền không áp đảo nổi chân-lý.

TIẾNG ĐỊA PHƯƠNG

(Đăng B. K. từ số 37)

XV

Một bạn kí-giả vốn gốc miền Nam Trung-Việt, (yêu cầu được giấu tên), nhân xem bài đăng ở kì báo số 66, có góp những ý sau đây :

Chơi hụi : Ở vùng Bình-tuy, Bình-thuận, Ninh - thuận, người ta gọi là *chơi huê*.

Lu-bù : Còn có nghĩa : chỉ số nhiều không thể đếm xuề, nói xuề.

Thd.— *Thằng đó đi chơi lu-bù.* —
Thứ đó bán ngoài chợ lu-bù.

Sàn-dã : nhiều nơi nói, nhiều sách ghi là *sàn-dã* : (*sàn* : yếu đuối, hèn mọn, định-nghĩa của Đào-Duy-Anh, *dã*, đồng nội) chỉ chỗ đồng quê hèn mọn.

Trạnh cày : (xin định nghĩa rõ thêm) khúc gỗ được đẽo, có vè, có mỏ; mỏ dùng tra lưỡi cày và có tác-dụng xoi đất lên, trạnh dùng để lật úp mảnh đất đã được lưỡi cày xoi lên (lật úp bề có cỏ xuống cho thúì chết). Mỏ, tiếng nhà nghề của người làm ruộng (miền Nam Trung-Việt) gọi là *mom*, có lẽ do tiếng *mỏm* mà ra.

Danh từ địa phương miền Nam

Yã-Học Nguyễn-Văn-Trung và Nguyễn-Ngu-Í sưu tầm và định nghĩa

(Soạn giả giữ bản quyền, nhưng các nhà làm từ điển được trích tự do, khỏi phải hỏi)



Kí hiệu và chữ tắt dùng trong bài :

< : Do... mà ra. Thí dụ Chêch < Thúc :
Thế nghĩa là tiếng Chêch
do chữ Thúc mà ra.

Av.
Hd.

Anh-văn
Học-danh

Hv.
Ngr.
Phv.
TB.
Thd.
TTr.
Tr.

Hán-văn
Nghĩa rộng
Pháp-văn
Tiếng Bắc
Thí-dụ
Tiếng Trung
Trương

Bánh-ếch (*danh từ ghép*) : Bánh giống hình con ếch, cũng kêu là bánh ít (Huỳnh-Tĩnh-Cửa).

Nếu lời giải-thích của Huỳnh-Tĩnh-Cửa à xác thật, thì ta phải viết « Bánh ịch » mới đúng.

Bánh-ịch-trần : (*danh-từ ghép*) bánh làm bằng bột nếp hay bột khoai mì, giống như bánh ịch, mà không có lá gói lại.

Thật ra khó mà đoán định viết tên hai thứ bánh trên đây thế nào mới đúng, bởi vì ở miền Nam những văn tậ cùng bằng — T, người ta đọc giống hết như những văn tậ cùng bằng — C hoặc — Ch. (Có thuyết bảo rằng viết *bánh ịch* mới đúng, vì hình thức bánh này giống dáng con ếch ngồi, ếch đọc trại ra ịch; song ở miền Trung lại có thứ *bánh ịch* mà hình dáng chẳng giống con ếch chút nào cả. Xin thỉnh giáo anh Lê-Ngọc-Trụ, tác-giả cuốn « Việt-nam chánh-tả tự-vị » sắp in xong).

Thế cho nên mới thường có những cuộc giỡn chữ đồng âm (calembour) như thế này :

- *Bánh nhiều quá cũng kêu bánh ịch,
Chuối non nhót cũng gọi chuối và.
Trượng phu dốt được mới là đáng khen.*
- *Canh chua lết sao kêu canh ngọt,
Cây cao nghệu cũng gọi cau lùn.
Đốt chơi với bạn anh hùng hát bua.*
(Ca dao)

Theo cách phát âm của bình-dân miền Nam thì Ích với Ít, Và với Già, Cau với Cao, những cặp chữ đó là những cặp chữ đồng âm.

Bánh-tai-heo : (*danh - từ ghép*) Thứ bánh làm bằng bột mì chiên giòn, mỏng và giẹp, có một lần trắng xoáy tròn ốc, hình mừng tượng như cái tai heo.

Bành (*danh-từ*, Phv. Balle : gros paquet de marchandises : une balle de café. Larousse du XX^e Siècle) : gói hàng hoá lớn.

Thd. — *Những bành cao-su sống phết với trắng chói loà lên dưới nắng hè.* (Bình-Nguyên-Lộc, Đồ đọc tr. 55)

Bao cổ : (*danh-từ*), mượn trọn một chiếc xe (cổ xe) vì cần dùng gấp hoặc muốn cho được rộng chỗ.

Thd. — *Bây giờ tôi xin phiền ông bà và quý cô thêm một việc nữa, là đón giùm tôi một chiếc xe không, rồi bao cổ, bao nhiều tiền cũng được, rồi cho người khiêng tôi ra xe để nó đưa tôi về nhà.* (B.Ng.Lộc, Đồ đọc, tr. 120)

Báo hại : (*động-từ*, có thể nói tắt là báo) : Quấy rầy, làm phiền, làm rộn, làm thiệt hại.

Thd. — Ông Nam-Thành ngăn : « *Đừng, đừng có báo hại người ta, rồi mình mang khổ lây.* » (B.Ng.L. Đồ đọc, tr. 126).

— *Đùng một cái... chàng đâm đầu vào sân người ta, báo người ta thức suốt đêm, rồi bây giờ trở thành bạn của cả nhà.* (B.Ng.L. Đồ đọc, tr. 125).

Bằm : (*danh-từ*, T. B. Băm) : Chặt cho nát ra.

Thd. — *Muống đầu ấy chàng múc rất may mắn vì trong đó có đủ cả : thịt bằm, gan sống, hành ta, và hành Tây chiên.* (B.Ng.L. Đồ đọc, tr. 136).

Bặm : (động-từ, T.B. Mắm) : Mím sát đôi môi lại.

Thd.— *Chàng bặm môi lại, rồi cắn lấy môi [...].* N.B.L. Đồ đạc, tr. 121).

Băn-hăn (Tĩnh-từ) : Gương mặt nhăn nhó buồn bã, tỏ vẻ đau đớn không yên. Người ta thường nói băn-hăn, bó-hó.

Bấp-chuối (danh-từ-ghép, T.B. Bấp chân) : Bấp thết ở cẳng chân.

Thd.— *Chơn trái của họa-sĩ cũng trầy rướm máu nơi bắp chuối, chơn mặt thì bầm tím gần một chục nơi* (B. Ng. Lộc, Đồ đạc, tr. 130).

Bập-bập (động-từ-ghép) : Mấp máy đôi môi.

Thd.— *Kể điều thuốc vô đầu trên của chiếc ống khét đèn, ông Nam-Thành bập bập, đoạn lấy thuốc ra.* (B.Ng.Lộc, Đồ đạc, tr. 62).

Bất-tử (trạng-từ) : 1 Bất thành-linh, bất-ngờ ;

2 Không dấn đo, cần nhắc trước.

Thd.— 1. Ông Nam-Thành thấy sáng kiến của mình làm khổ vợ con, nên không dám nhắc tới nó, sợ bà nổi xung lên bất tử. (B.Ng.Lộc, Đồ đạc, tr. 139).

2. Bậu có muốn tu thân,

Cho qua ở gần coi thử,

Đừng làm bất-tử,

Mà hại chúng sanh.

Thầy chùa qua thấy nhiều anh,

Miệng tuy không sắc lòng đành sắc không.

(Ca-dao)

Bén gót : (thành ngữ) Theo sát, theo liền sau, thiếu điều đụng gót người đi trước.

Thd.— *Bốn cô con gái chạy theo cha bén gót* (B. Ng. Lộc, Đồ đạc, 98).

Bí lối (thành ngữ) Cùng đường.

Thd.— *Ban đầu anh ta còn nói quanh, định bụng giấu lối ; nhưng bị hỏi gặng thêm một lát, anh ta bí lối.*

Biết điều : (thành ngữ) 1') Thạo việc.

2') Biết rành cách xử sự trong một trường-hợp xã-giao nào đó.

Thd.— *Nhà này thật là biết điều.* (B. Ng. Lộc, Đồ đạc, tr. 134).

Biệt cửa : (thành ngữ) Có thể nói tắt là *Biệt* : Đừng chớ.

Do Hán-văn mà ra : Biệt phá nhân tiếu : Chớ sợ ai cười.

Biệt quái ngã : Đừng trách tôi.

Thd.— « *Biệt cửa sợ đó !* » B.Ng.Lộc, Đồ đạc, tr. 140).

Biều : (động từ, TB. Bảo) : Nói cho biết, kêu làm việc gì.

Th d.— *Hoa biều thế nào, anh cũng chẳng nghề.* (B.Ng. Lộc, Đồ đạc, tr. 70).

Bịn rịn : (đồng từ ghép) Quyển luyến rứt đi không đành.

Thd.— *Xin đừng bịn rịn uổng công :*

*Ai thương chi bậu, bậu hồng
mến thương.*

(Đỗ-Quang-Đầu)

Bọ-mắt : (danh từ ghép) (TB. Con rín) : Loại côn trùng có cánh, nhỏ hơn muỗi nhiều, chích rất ngứa. Phv. Maringouin.

Bọ-rầy : (danh từ ghép, TB. Bọ-hung) : Thứ côn trùng có cánh cứng, lớn bằng hoặc lớn hơn ngón tay cái một chút, phá hại cây cối rất nhiều.

Thd.— *Người trong xóm cũng bu lại mà xem chiếc ô-tô giống con bọ rầy bị ai*

đá té nhào nằm ngửa đưa bốn cẳng lên trời, (B. Ng. Lộc, Đồ đạc, trg 118).

Bóp : (danh từ) Cũng còn nói là *Bóp-phoi*. Do Phv. *Porte-feuille*) : Ví dụng giấy-má vật, giấy bạc.

Thd. — Long vừa nói vừa [...] thò tay ra túi quần sau để rút bóp. (B. Ng. Lộc, Đồ đạc, trg 115).

Bộ : (trạng từ) Tiếng thường dùng để mở đầu câu hỏi (loại câu hỏi có tiếng... À ? hoặc tiếng... Hay sao ? ở cuối) trong ngôn-ngữ bình-dân.

Thd — 1. Bộ mấy ghét nó hay sao ?
2. Bộ ông là Huyền - Trang đi thỉnh kinh ở Tây-trúc đó à ? Bà Nam-Thành hỏi. (B. Ng. Lộc, Đồ đạc, trg 47).

Bôn-chôn (động từ ghép : T.B. và Ttr : Bôn-chồn) : Nóng ruột mong gặp mặt.

Thd. — 1. Nhìn xe, các cô bôn chôn mong ngong một người, một người có thể đưa đến vài tia nắng ấm trong cảnh lạnh lẽo này (B. Ng. Lộc, Đồ đạc, trg 77).

Thd. — 2. (bôn chồn).
Bôn chồn thương kẻ nương song bạc,
Lạnh lẽo sầu ai rụng giếng vàng ?
(Quách-Tấn)

2. Ghê ruồi nó giặm mặt son
Nhảy quanh cột rạp, bôn chồn nổi gì ?
(Huỳnh-Tĩnh-Cửa, dân ở quyền I, trg 69). [Ý nói : Những đào kép hát bội đó, lúc ra biểu diễn, múa men quanh cột rạp, cần phải điểm phấn tô son, chớ thật sự họ bị ghê ruồi, thì có gì phải bôn chồn mong thấy mặt họ ?

Bộn (trạng-từ) : Nhiều.

Thd. — Hai nơi đó cũng khác nhau khá bộn (B. Ng. Lộc, Đồ đạc, trg 65).

Bông búp (danh-từ ghép) : T.B. Dâm bụt.

Bông-giấy (danh-từ ghép) : Thứ cây thân nhỏ mà cao, có gai, hoa màu đỏ hoặc tím, ở miền Nam thường thấy trồng ở cửa ngõ, cũng còn gọi là vụn-huê lâu.

Thd. — Hoa lại mang về một bó hoa mà cô hát ở xóm trên. Chỉ là hoa giấy tím thôi, nhưng căn buồng cũng tươi nét lên hơn trước nhiều (B. Ng. Lộc, Đồ đạc, trg 129).

Xấp : Tạm.

Thd. — Làm xấp.

Xấp thời : Tạm thời. Do chữ Hán « sấp thì » mà ra.

Thd. — Năm đó ta trồng cây. Nhưng lại... nuôi gà để kiếm tiền xấp thời dựng ăn năm sau (B. N. L. Đồ đạc, 26).

Xếp : Còn nói là *xíp* : Một cách chơi bài tứ sắc. Các ông Lý-Văn-Hùng và Thôi-Tiểu-Nhiên có ghi tiếng này và dịch : tứ sắc bài chi nhất chủng ngoạn pháp (Mô-phạm Việt-Hoa từ-diễn, 425).

Thd. — Đánh xếp. — Tôi chỉ e bà nhớ tay xếp ở đây rồi buồn mà thôi. (B. N. L. Đồ đạc, 25).

Xồ nho : Dùng thành ngữ chữ nho hay dẫn danh ngôn Hán-văn trong khi nói chuyện.

Thd — Sách có chữ : « Toạ thực sơn băng. »

Cô Quá cười khúc khích, liếc các chị cô mà phê nho nhỏ : « Ông xô nho rồi đó. » (B. N. L. Đồ đạc, 26).

(còn tiếp)

Yã-Học NG.-V-TRUNG

và

NGUYỄN-NGU-Í



VI

Nói truyện Tam-Quốc

Cho nên, xét nội-dung tư-tưởng một quyển truyện xưa, không phải chỉ xét nó có tư-tưởng chánh-thống hay không (mấy khi mà có một bộ như Thủy-Hử), mà còn phải xét coi tư-tưởng chánh-thống đó có làm lạc-hướng sự thương ghét đúng-dắn, minh-bạch của dân-chúng không ?

Về điểm sau này, chúng ta thấy Tam-Quốc Diễn-Nghĩa của La-Quán-Trung dứt khoát hơn Tam-Quốc-chí của Trần-Thọ và Bùi-Tụng nhiều, khiến cho người đời sau khi đọc Tam-Quốc Diễn Nghĩa đều phải ngậm ngùi mà :

Thương ông Gia-Cát tài lành,

Gặp con Hán-mạt phải đành phôi-pha.

Tam-Quốc Diễn-nghĩa có 120 hồi thì đã đến tám chục hồi mà trong đó những nhân vật nhà Thục-Hán : Lưu-Bị, Quan-Vũ, Trương-Phi, Gia-Cát Lượng Triệu-

LUẬN NHÂN-VẬT ĐỜI TAM-QUỐC

(tiếp theo B.K. số 66)

NGUYỄN-HUY-KHÁNH

Vân, v.v... là những vai tuồng chánh-yếu. Những đoạn hay nhất cũng đều nhằm tả sự hoạt-dộng của phía Thục-Hán, tỉ như : Quan-Vũ treo ấn phong vàng, Lưu-Bị tam cố thảo-lư, Triệu-Tử-Long Đương Dương trường-bản, trận Xích-Bích, Quan-Vân-Trường bị hại, Khổng Minh qui thiên, v.v...

Đứng về mặt xây-dựng nhân-vật và cấu-tạo sự-kiện mà nói, Tam-Quốc Diễn-Nghĩa hiển-nhiên là đã ít nhiều khoa-trương sự anh-dũng, nghĩa-khí của Quan-Vũ, Trương-Phi, Triệu-Vân, những cơ-mưu trí lược của Gia-Cát-Lượng, thái độ khoan-nhân, đại lượng của Lưu-Bị, v.v... và mặt khác, không quên thời-phòng những sơ-sốt, vụng-về, xấu-xa của phe Ngô, Ngụy đối-lập, thậm chí có khi bóp méo cả sự thật lịch-sử. Tỉ như : Tào-Tháo theo Tam-Quốc-chí của Trần-Thọ thì vốn là một vị anh-hùng « phi thường chí nhơn,

siêu thế chi kiệt » (1), nhưng trong Tam-Quốc Diễn-Nghĩa thì lại là một tay gian-hùng quỷ-quyết « thà mình phụ người, chứ đừng để người phụ mình ».

Châu-Du cũng là một trang phong-lưu nho-nhã, khoan-hòa đại độ, mà Tam-Quốc-chí đã tặng là « nhả lượng cao trí » (2), nhưng trong Tam-Quốc Diễn-Nghĩa, tuy có được đá là anh-hùng, kiên-quyết, nhưng cũng vẫn không tránh khỏi tiếng khí lượng hẹp hòi, hay đổ - kỵ người tài.

Dụng-ý của Tam-Quốc Diễn-Nghĩa rõ ràng là muốn đề-cao phía Thục-Hán, mà tác-giả (kể cả dân-gian đã sáng-tác các thoại-bản và tạp-chí) nhận là chánh-thống, là biết thương dân.

Lối miêu-tả quá trớn ấy tuy không phải hoàn-toàn không căn-cứ vào sự thật lịch-sử, nhưng có nhiều chỗ cần phải được xét lại.

Dĩ-nhiên, nếu chỉ nhận Tam-Quốc Diễn-Nghĩa đã quá thiên-vị phe Thục-Hán thì chưa đủ. Chúng ta còn cần phải xét coi thái-độ bình-vực đó đã ảnh-hưởng gì đến độc-giả ? Và tác-giả đã căn-cứ vào đâu mà đề cao những nhân vật đó ? Có giải đáp rõ ràng các vấn-đề đó, chúng ta mới hiểu thấu đáo nội-dung tư-tưởng và dụng ý sâu kín của Tam-Quốc Diễn-Nghĩa.

Tam-quốc Diễn-nghĩa ca-tụng Thục-Hán có phải chỉ vì tôn-trọng phe chánh-thống và truyền-bá quan-niệm chánh-thống trong dân-chúng chăng, chúng tôi nghĩ không phải hoàn-toàn như thế. Đành rằng tác-giả Tam-Quốc Diễn-Nghĩa vẫn có một trình-độ

tư-tưởng chánh-thống nhất-định nào đó, nhưng khi ca tụng Thục-Hán, tác-giả không phải hoàn-toàn vì sùng-bái những nhân-vật gọi là chánh-thống, mà phần khác còn do ý-nguyên của dân-chúng thời bấy giờ. Ông đề-cao Lưu-Bị chẳng phải chỉ họ Lưu là giòng dõi đế-vương, mà còn vì họ Lưu đã có nhiều hành-động phù-hợp với lợi-ích của dân. Không phải ông ca-tụng tất cả các vị đế-vương, hoàng-thất, mà chỉ ca-tụng những vị vua anh-minh, nhân-hậu mà thôi. Cho nên, nếu có đoạn tác-giả đã nhiệt-liệt đề-cao Lưu-Tiên-Chúa thì lại cũng có rất nhiều chỗ tác-giả đã thẳng thẳng lên án chánh-sách mục nát của triều-dình, cho rằng sờ-dĩ « nhân tâm rối loạn, triều-chính ngày càng thối-tha » là do hai vua Linh-Đế, Hoàn-Đế đã « tin dùng hoạn-quan, cấm ngăn tôi trung-trực ». Đối với những tôn-thất bất-tài, vô năng như Lưu-Biêu, Lưu-Chương, Lưu-Thiện, tác-giả cũng đã công-nhiên chê-trách.

Trong hồi 35, tác-giả đã cho Từ-Thứ nói với Từ-Mã-Huy :

« Tôi nghe người đồn Lưu-Cảnh-Thăng
« khen lành ghét dữ nên đến mà đầu.
« Chừng thấy va thì mới biết là có danh
« mà không thật, rõ là có lòng khen
« lành mà không biết dùng, ghét dữ mà
« không biết bỏ, nên tôi đề thơ từ biệt
« mà về đây. »

Ngược lại, đối với một số nhân-vật của Ngô-Ngụy có thực-tại, tác-giả vẫn có những đoạn tán-thưởng. Vì thế, đọc Tam-quốc Diễn-nghĩa, chúng ta cũng vẫn thấy mến phục, thương-cảm những Tuân-Vức, Khổng-Dung, Tuân-Du, Từ-Quảng, Trương - Liêu, Điền-Vi, Hứa - Chử, Quách-Gia, v.v... của Ngụy, Lỗ-Túc,

(1) Tam-Quốc-chí Ngụy-Chí, Vũ - Đế Tháo truyện bình.

(2) Tam-Quốc-chí Ngô-chí, Châu-Du truyện.

Thái-Sử-Tử, Huỳnh-Cái, Hám-Trạch, Cam-Ninh... của Ngô, và Điền-Phong, Thơ-Thọ, Tân-Bình... của Viên-Thiệu.

Có thể nói trong Tam-Quốc Diễn-Nghĩa luôn luôn có sự xung-dột giữa hai quan-niệm : quan-niệm chánh-thống và quan-niệm thương ghét của bình-dân. Và trong cuộc xung-dột giằng-co đó, chúng ta đã thấy có lúc quan-niệm bình-dân chiến-thắng, nhưng có lúc quan-niệm chánh-thống lại lấn-lướt hơn. Cho nên, nếu có những đoạn chỉ-trích vua quan, thì cũng có những hồi đề-cao, hoài-niệm Hán-Thất viết rất khéo, mà ai đọc qua cũng phải ngậm-ngùi thương xót. Đặc-biệt những đoạn « cắt tay lấy máu viết y-đái-chiếu », (hồi 20), Hiến-Đế khóc Đồng-Quý-Phi bị Tào sát-hại. (Hồi 24), Phục-Hoàng-Hậu và Phục-Huân bị giết (hồi 66), Tào-Phi cướp ngôi Hiến-Đế, lời văn thật lâm-ly, bi-thảm.

✧

Nhưng còn tại sao nhân-dân lại nhận Lưu-Bị là chánh-thống mà không nhận Tào-Tháo ? Tôn-Quyền ? Hay Tư-Mã-Chiêu ?

Sự thật, dưới đời Bắc-Tống, Lưu-Bị vẫn chưa được thừa-nhận là chánh-thống. Trong « Tư-Trị thông-giám », Tư-Mã-Quang đã viết :

« Hán truyền cho Ngụy, nhưng Tấn lại được ; Tấn truyền cho Tống, rồi Trần, nhưng Tùy lại được ; Đường truyền cho Lương rồi đến Châu, nhưng Đại-Tống lại được...

Đối với Thục-Hán, Tư-Mã-Quang lại viết :

« Vua Chiêu-Liệt của Thục-Hán, tuy « bảo là giòng dõi Trung-Sơn Tĩnh-

« Vương, nhưng đã thuộc về giòng xa,
« khó mà định rõ thế-số, danh-vị... Thiệt
« giả nan phân, nên chẳng dám sánh như
« Quang-Vũ và Tấn-Nguyên-Đế, mà làm
« sai-lạc di-thống nhà Hán đi...

Nhiều học-giả nổi tiếng đời Bắc-Tống cũng đồng quan-điểm với Tư-Mã-Quang, công nhận Táo-Tháo là chánh-thống mà phủ-nhận Lưu-Bị

Nhưng qua đời Nam-Tống, dân-gian lại nhận Lưu-Bị là « quân-tử », mà Tào-Tháo là « tiểu-nhân ». Khuynh hướng này đã biểu-hiện khá rõ-rệt trong Tam-Quốc-Chí bình thoại. Sớ-dĩ khuynh hướng sau này xuất-hiện có lẽ là do những điều mà Kỷ-Điền đã viết sau đây :

« ... Từ Cao-Tông về sau, (tức Tống-Cao-Tông) thiên-dô về phía nam Trường-giang gần đất Thục, còn đất Ngụy (Trung-Nguyên) thì đã vào tay quân Kim, cho nên nho-sĩ Nam-Tống đều ùn-ùn đứng dậy theo vua Thục (tức Nam-Tống) (1).

Khuynh-hướng « theo vua Thục » đó chính là một biểu-hiện của tinh-thần dân-tộc của dân Tàu đời Nam-Tống bấy giờ đang bị ngoại-tộc uy-hiếp. Dân-chúng Nam-Tống thừa nhận nhà Triệu-Tống thiên-dô về Nam và chánh-thống, tức là đã gián-tiếp phủ-nhận quân Kim xâm lược bấy giờ đang chiếm-cứ Trung-Nguyên, đất Ngụy cũ. Đề cao vua Thục-Hán và đả-kích Ngụy-Tào, rõ ràng là dân-chúng muốn khéo léo biểu-lộ thái-độ chống Kim, phò Tống của mình.

Nhà Nguyên tiếp nối cho nhà Tống vì vậy, người Nguyên cũng kế thừa tư-tưởng của người Tống, tiếp-tục tôn-sùng Lưu-

(1) Tứ-khố toàn-thư tổng-mục đề yếu.

Bị và bài xích Tào-Tháo. Dụng ý của họ là muốn mượn danh phò Lưu phục Hán để truyền bá ý-thức khôi phục nhà Tống (mà họ cũng gọi là vua Thục) và dựa tiếng chống Ngụy mà vận-dộng bài Nguyên.

La - Quán - Trung tiên - sinh đã chịu ít nhiều ảnh-hưởng của khuynh-hướng đó, cho nên cũng thừa-nhận Lưu-Bị là chánh-thống. Hơn nữa, đứng về cá-nhân La-tiên-sinh mà nói, ông còn muốn mượn hai vai Lưu-Bị và Khổng-Minh để nói lên hoài-bão to-tát của mình. Vì thế, La-tiên-sinh chẳng những theo dấu kẻ trước thừa-nhận địa-vị chánh thống của phe Thục-Hán, mà còn phát-triển thêm nhiều sự-kIỆN, tình-tiết để củng-cố thêm địa-vị đó của họ Lưu.



Hoài-bão to-tát của La-tiên-sinh (mà cũng là của dân-chúng thời bấy giờ) là mong muốn có những vị Chúa Thánh Tội Hiên.

Trong thời-kỳ mà xã-hội phong-kiến còn đầy-dủ điều-kiện tồn-tại và phát-triển, đòi hỏi con người phải có lý-tưởng cộng-hòa... là chuyện quá xa-vời, nếu không muốn nói là ảo-tưởng. Do hoàn-cảnh xã-hội hạn-chế, ý-thức của người dân chưa thể thoát ra ngoài cái vỏ phong-kiến dày cứng được. Dù có đứng dậy đập-dỡ được triều-dại cũ, họ cũng chỉ dựng lên một triều-dại mới mà thôi. Những người cầm đầu dân-chúng khởi-nghĩa thắng-lợi rồi cũng chỉ biết làm vua là cùng.

Vì thế, khát vọng cao-nhất của người dân thời bấy giờ là muốn làm sao sống được một cuộc đời « thanh-bình thanh-trị » dưới sự dũ dắt của những bậc « minh-quân lương tề ». Họ chỉ hy vọng sao cho

vua thì « khoan nhơn đại-độ, biết trọng » dụng hiền-tài, thương dân như con dò, « giảm thuế tha tù, dẹp bỏ cau qua »..., « còn tề-tướng thì » giúp vua vượt Nghiêu Thuấn, lại cho phong-tục thuần » (Thơ Đỗ-Phủ : Kính tặng qua Tả-Thừa họ Vi, 12 vắn).

Trong Tam-Quốc Diễn-Nghĩa, kỳ-vọng đó đã được đặt vào hai nhân-vật chính : Lưu-Bị và Gia-Cát-Lượng.

Trên thực-tế lịch-sử, Lưu-Bị tuy là một tay quân-phiệt hùng cứ một phương, nhưng đồng thời cũng có mặt nào « nhơn-hậu » — ít ra cũng tương đối hơn những tay quân-phiệt lúc bấy giờ.

Tam-Quốc chí, Thục chí, Tiên Chúa truyện do Bùi-Tụng chú-thích, có dẫn một đoạn trong Ngụy-thư rằng :

« Lúc làm Bình-Nguyên-Tướng, Lưu-Bị đã ngoài thì ngăn giặc dữ, trong lại « mưu cho dân giàu, thủ hạ bên dưới đều « ngồi cùng chỗ, ăn cùng bàn ».

Đến sau, Lưu-Bị qua nương nhờ Lưu-Biêu, Biểu mất, con Biểu là Lưu-Tông đầu Tào, dẫn binh Tào về cướp Kinh-Châu, Lưu-Bị phải bỏ Phàn-Thành rút về Giang-Lăng, mang theo hàng vạn dân-chúng, mỗi ngày chỉ đi được mười mấy dặm đường. Chúng tướng thấy vậy bèn khuyên nên bỏ bá-tánh lại, thì Lưu-Bị đáp :

— « Ta mưu đại-sự tất phải lấy dân làm gốc, nay dân theo ta, lẽ nào ta đành bỏ lại hay sao ? (Tam-Quốc chí, Thục chí)

Dựa vào sự thật đó, tác-giả Tam-Quốc Diễn-Nghĩa mới phát-triển thêm rằng : « Lưu-Bị thấy cảnh tượng ấy thì hết sức xúc động mà rằng : « Vì một mình ta mà làm cho bá-tánh phải mang đại nạn, vậy

thì còn sống làm chi ! « Rồi bèn muốn nhảy xuống sông tự-vận ». Trong trận Đương-Dương, khi nghe dân-chúng bị Tào-Tháo sát hại quá nhiều, Lưu-Bị lại khóc lớn : « Mấy chục vạn sanh-linh chỉ vì « thương ta mà phải bị hại, chứ tướng « cùng gia-tiêu đều chẳng biết còn mất « lẽ nào, dù cho là cây cỏ cũng không sao « khỏi bị thương ».

Tam-Quốc-Chí, Bàng - Thống truyện, Bùi-Tụng chú, cũng có đoạn :

« Bị nói : Hiện nay cùng ta đối chọi « như nước với lửa chỉ có Tào-Tháo. « Tháo nóng nảy, ta khoan-hòa, Tháo- « bạo, ta nhơn, Tháo xảo, ta trung, mỗi « mỗi đều phải trái với Tháo thì việc « lớn mới thành. »

Đó là đối với dân. Bây giờ, xin xét qua thái-dộ đối với thuộc hạ.

Tam-Quốc Chí, Thục-Chí, Gia-Cát-Lượng truyện, có đoạn viết là Lưu-Bị đã không nài-hà mà hạ mình »... « ba lần viếng thảo-lư », rước được về thì đãi như thầy, ăn thì đồng bàn, nằm thì đồng chiếu, cùng luận việc thiên-hạ cả ngày... » và trước khi lâm chung thì dạy Lưu-Thiện phải « vâng lời Thừa-tướng, thờ kính như « cha ».

Tác-giả Tam-Quốc Diễn-Nghĩa phát-triển thêm là lúc viếng Thảo-lư, gặp Khổng-Minh còn ngủ, thì « vòng tay mà đứng dưới thềm », đứng hồi lâu Khổng-Minh vẫn chưa thức, nhưng Lưu-Bị vẫn « tự nhiên đứng hầu », « hầu cho đến nửa buổi », chờ Khổng-Minh thức dậy ngâm thơ, thay áo rồi mới « quì lạy mà thưa ». Chừng nghe Khổng-Minh chẳng chịu ra giúp thì « nước mắt như mưa, ước cả vạt áo ».

Còn đối với quan Vũ và Trương-Phi, thì « nghĩa tuy tôi chúa, nhưng tình là anh em ».

Thái-dộ « quý trọng hiền-tài » của Lưu-Bị còn được tác-giả tô-diêm thêm trong hồi Đương-Dương trường-bản. Triệu-Vân cứu được Á-Đầu ra khỏi chốn muôn quân, về ra mắt, bỗng Á-Đầu trao cho Lưu-Bị thì Lưu-Bị liền tước lấy, quăng xuống đất mà rằng : « Vì mi là một đứa con nít mà ta gần mất một viên đại-tướng ».

Nói chung, những hành-động, thủ-đoạn đó đều cần phải được xét lại, nhưng dưới con mắt của dân-chúng và tác-giả Tam-Quốc Diễn-Nghĩa, Lưu-Bị vẫn tương-đối tốt hơn Tào-Tháo, Tôn-Quyền hay một số hoàng-đế khác. Họ thấy Lưu-Bị có thể là một ông vua lý-tưởng của họ. Do đó, những việc làm tốt đẹp của họ Lưu mới được họ ca-tụng và lưu-truyền, thêm dệt thêm, còn những chỗ xấu, họ tìm cách che bớt đi.



Một ông vua anh-minh, nhân-hậu còn phải được một tề-tướng tài-năng, mưu-lược phò tá thì mới đủ đem hạnh-phúc cho trăm họ. Gia-Cát-Lượng chính là vị thừa-tướng mà họ mong muốn. Chưa ra khỏi Long-Trung thì đã định được Thiên-hạ tam-phân, mà khi về phò Lưu-Bị thì « Tây hòa chư Nhung, Nam phủ dụ Di Việt, ngoài kể trên với Tôn-Quyền, trong sửa sang chánh-trị »... « cúc-cung tận-tụy, đến chết mà thôi ». Về quân-sự thì « bá chiến bá thắng », mưu lược hùng tài, thượng thông thiên văn, hạ đạt địa lý, lại thêm biết « hô phong hoán vũ ».

Đến đây, chúng tôi tưởng cũng cần nói qua về vấn-đề « hô phong hoán vũ ». Dĩ-nhiên, đó là một sự-kiện bịa-đặt. Tuy nhiên, có phải hoàn-toàn là mê-tín dị-đoan chẳng ?

Không ai chối cãi rằng, dưới thời phong-kiến ít nhiều người dân cũng còn sùng-tín thần-quyền, ma-lực. Trước những khó-khăn cự-đại không thể lấy sức người khắc phục được, họ thường hy-vọng vào sự trợ giúp của một sức mạnh thiêng-liêng. Những mưu lược quân-sự cao-siêu hoặc sâu kín mà trí óc giản-dị của họ không cho phép họ hiểu rõ, thì cũng được họ giải-thích bằng thần quyền. Vì thế, chúng ta không lấy làm lạ mà thấy rằng hầu hết các vị quân-sư trong truyện Tàu đều được thần-tiên hóa : từ Gia-Cát-Lượng, Từ-Mậu-Công, cho đến Ngô-Dụng, Công-Tôn-Thắng v.v... đều là những vị « tri bá niên tiền, bá niên hậu », hoặc « biết sái đậu thành binh », « sai thần khiến quỷ »...

Nếu dựa vào đó, mà vội gán hai tiếng mê-tín dị-đoan,, thì e rằng xét vấn đề chưa chín. Theo chúng tôi, đó cũng là biểu-hiện hoài-báo chính-đáng của dân-chúng.

Một điều đáng chú-ý nữa là trong Tam-Quốc Diễn-Nghĩa, Gia-Cát-Lượng đã được miêu-tả là giỏi về quân-sự hơn chính-tự. Điều đó không phải là không có nguyên nhân.

Như trên chúng ta đã biết, sự tích Tam-Quốc tuy bắt đầu được phổ-biến dưới đời Đường và Bắc-Tống, nhưng mãi đến đời Nam-Tống và Nguyên mới thành-hành. Mà từ đời Nam-Tống cho đến đời Nguyên, nước Tàu đã bị ngoại-tộc xâm-lược liên-miên, triều-đình nhà Tống thì bất lực, không đủ sức, mà cũng không dám chống ngoại-tộc. Trước tình thế nước mất nhà tan khó phương cứu vãng đó, dân-chúng mong muốn có một vị cái-thể anh-hùng, đủ tài thao-lược để đánh đuổi ngoại-quân, Gia-Cát-Lượng là nhân-vật siêu-quần mà họ thấy có đủ các điều-kiện đó.

Có người sẽ hỏi : tại sao lại không đề-cao Châu-Du hay Tư-Mã-Ý ? Điều đó cũng không có gì khó hiểu. Đã nhận Lưu-Bị là chúa thánh, tự nhiên tác-giả phải nhận Gia-Cát-Lượng là tối hiền.

Quan-niệm chúa thánh tối hiền của tác-giả Tam-Quốc Diễn-Nghĩa, còn biểu-hiện trong Thuyết-Đường và Thủy-Hử nữa. Ai từng đọc hết ba bộ truyện trên đều có thể thấy chẳng những Gia-Cát-Lượng, Từ-Mậu-Công, Ngô-Dụng có nhiều điểm giống nhau, mà Đường-Thế-Dân, Lưu-Bị, Tống-Giang cũng không khác nhau mấy.

(còn tiếp)

NGUYỄN-HUY-KHÁNH

★ Phải có kỷ-luật thì mới đạt tới thành-công, nên người chỉ-huy không những cần phải có nghị-lực mà còn cần phải biết trọng sự tôn-ti : Tôn-ti không có nghĩa là trật-tự quý-tiện mà có nghĩa là trật-tự trên dưới phân-minh.

★ Cứng quá thì gãy, mềm quá thì cong. (Tuất-bất-nghi truyện)

TRẢ LỜI CUỘC

PHỎNG-VẤN

VĂN-NGHỆ của BÁCH-KHOA

★ XXIV.— NGUYỄN-PHÚC

Sinh 10-4-1933 ở Đồng-hải, Quảng-ninh (Quảng-bình).

Viết các báo « Mùa lúa mới », « Văn-ngệ Tiền-phong », « Bách-Khoa ».

Hiện ở Huế, đang dạy ở vài trường trung-học.

Đã viết truyện dài Đôi lúa. Đã xuất-bản tập tiểu-thuyết ngắn « Đêm không hết ». (1959)

Anh Ngu-Í,

Được thư anh lâu, nhưng hai điểm anh hỏi thực khó trả lời. Trước mục-dịch tìm hiểu, khai-thác đề tiến đến một chọn lọc của anh cũng như của tờ báo, tôi dăm ra thận trọng và càng lúng túng khi thấy mình từ trước đến giờ chưa đặt vấn-đề cân nhắc giữa những truyện ngắn đã đọc, tuy đã có ý-thức rút tỉa một vài đặc điểm về nội-dung cũng như kỹ-thuật đề làm « của riêng ».

Hỏi tôi còn đi học, nghĩa là cách đây chẳng bao lâu tôi đã đọc một số truyện ngắn ngoại-ngữ (không đọc nhiều) nhưng với mục-dịch học thêm sinh-ngữ hơn là tìm kiếm cái hay chứa đựng trong tác-phẩm. Song, đôi khi tôi cũng thấy khoái mà bây giờ tôi khó phân tích được cái khoái ấy đưa lại do cái thâm thúy của câu chuyện, hoặc vì cái tỉ mỉ tự nhiên đến độ như thiệt của những lời nói, của những cảnh, tình mở ra trước mắt do những cây bút thần tình hay là do một niềm phấn khởi

vì đã hiểu nổi một vài cái uyên-chuyên tế nhị của ngoại-ngữ mà tôi đang theo đuổi.

Rồi những ngày gần đây, nghĩa là sau chiến-tranh, tôi về Huế tiếp xúc với nhiều tác-phẩm của những nhà văn có danh tiếng trên thế-giới. Tôi như người thiếu ăn lâu ngày, nay được đứng trước một mâm cỗ. Tôi thấy phần nhiều truyện nào cũng hay cả, nhà văn nào cũng có biệt tài (không xét về nội-dung theo một nhãn-quan nào, vì cái này kể ra phức tạp lắm). Từ bút pháp, từ những khía cảm nghĩ nho nhỏ cho đến quan-sát, theo tôi, cũng đều đáng bực thầy của những nhà văn trong nước mà hồi trước tôi đã xem như bực thầy rồi. Tôi băn-khoăn không biết làm thế nào đọc cho được nhiều, thấu thái cho kịp. Và cố nhiên trong tình trạng thiếu sự hướng dẫn đó, cộng với lòng tự ti mặc cảm, tôi đọc đại, đọc bừa bãi ; quyển nào mới cầm lên đã có ý tưởng « đầu hàng không điều kiện » rồi. Họa chăng, lâu lâu mới gặp

một quyển kém làm riêng tôi thấy phần khởi sáng-tác và tin tưởng vào tương-lai của một vài nhà văn hiện nay của ta đôi chút. Cái phần mà các tác-phẩm ngoại-quốc thường gọi cho tôi cái ý « vĩ-dại », « thần thánh », « như thiết » thì trong các tác-phẩm Việt ít có lắm.

Bởi thế trong một thời-gian ngắn sau khi viết xong một truyện ngắn nào đó, tôi không dám đọc bất cứ một quyển nào trừ những quyển sẵn đã có tiếng nằm trong chương-trình trau dồi lối viết như một vài quyển của Tolstoi, J. Steinbeck, Vicki Baume v.v... vì sợ gây một ấn tượng quá kém về mình rồi nản chí không muốn viết lách nữa. Có lẽ vì mặc cảm nên gần đây tôi không ham đọc một số truyện Việt. Đó cũng là một nhận thức quá sai lầm.

Còn như những tác-phẩm của các nhà văn ta thời tiền chiến thì thuở ấy tôi còn nhỏ nên ngày nay mỗi khi nhắc đến tôi chỉ loáng thoáng thấy hay, chứ không biết cụ-thể ở điểm nào ; ngay như tập *Sợi tóc* của Thạch-Lam, truyện dài *Bướm trắng* của Nhất-Linh mà trước kia tôi rất thích, nay xem lại chỉ cho tôi cái cảm-giác trống-tràng, chậm chạp, thiếu sắc bén. Thực ra chỉ có tập « *Vang bóng một thời* » và nhất là một số tùy bút của Nguyễn-Tuân là tôi còn giữ trọn vẹn lòng kính-cần mà thôi. Những nhà văn của ta hiện nay, tôi phục anh Bình-Nguyên-Lộc trong vài truyện vì anh đã nói lên được một số tâm-tình, rung-cảm của những người Việt miền Nam mà các nhà văn trong Nam như Hồ-Biểu-Chánh, bà Tùng-Long v.v... chưa có ai đã nói lên được bằng anh... Còn đem chuyện anh so với

một số truyện ngoại-quốc, thì quả tình tôi chưa nghĩ đến bao giờ.

Ngoài ra, một số truyện ngắn khác rải rác trong các tạp chí đứng-dẫn cũng làm tôi say mê về kỹ-thuật và nội-dung, như *Chữ tình*, *Mụ đế quốc* của Võ-Phiến. Tuy vậy, cũng có một số truyện ngắn uể ý và kỹ-thuật phong-phú thì phần nhiều tôi thấy có cái gì tẻ mùn, biệt lập, xa vời, hoặc nếu tác-giả cố-gắng đi vào tỉ-mỉ thì cũng chỉ thoáng qua vì không ngưng đọng ở đây một thái-dộ, một suy tính có liên-hệ với những tác động xã-hội và tâm-lý quần-chúng xung quanh.

Gần đây, trong các truyện ngắn ngoại-quốc, tôi thích nhất những truyện ngắn của Jack London như truyện « *L'inévitable blanc* » trong « *Contes des mers du sud* (South sea tales), » truyện « *An odyssey of the north*, » truyện « *A piece of Steak* »,

Truyện ngắn « *Mưa lúc rạng đông* » của Constantin Paoustovski (truyện ngắn quốc-tế do Bửu-Kế và Cẩm-Tâm dịch (1)) truyện cảm mạnh mặc dầu câu chuyện không có gì rõ ràng cả. Khung cảnh và tâm-tình nhân vật đều mờ mờ như màn mưa bụi lúc rạng đông.

— Truyện « *The old man and the sea* » của Ernest Hemingway không dài không ngắn đã làm cho tôi say mê và ngạc-nhiên. Tôi cho đó là một bản anh hùng ca. Nhưng có cái lạ là sau này mỗi lần đọc lại, tôi có cảm-tưởng như tác-giả đang

(1) Hương-Bình xuất-bản, Huế, 1955. Truyện này, Vũ-Minh-Thiền cũng có dịch, nhưng nhan là « *Mưa trong bình minh* », đăng tạp san « *Nhân-loại* » do Đông-Hồ chủ-tương, số 16, ngày 9-11 1953 và các số 17, 18

đùa với người đọc trong một câu chuyện nói quanh, một lối nói lẩn-thần tuy duyên-dáng, tự-nhiên. Tôi hơi băn-khoăn... nhưng đầu sao với « The old man and the sea » tôi cũng vẫn nghĩ rằng nó là một bản « anh hùng ca ». Cái gì chứa đựng trong đó không thể ở một tay bút tầm thường thể

hiện được. Về kỹ-thuật, mỗi lần nói đến tôi chỉ có lắc đầu chịu thua.

Chứng này ý-kiến, thành thực tỏ bày, không biết có giúp anh được gì không.

Thân ái,
NGUYỄN-PHÚC



★ XXV.— LÊ-VĂN-TRƯỜNG

Sanh năm 1907 ở làng Đồng-nhân (Hà-nội) — 1927, làm công-chức sở bưu-điện, rồi khai khẩn đồn điền, thầu-khoán, buôn bò, buôn ngọc, thuốc phiện tại Cao-miên.

1931-1932 : bước vào làng văn, viết tác-phẩm đầu tiên : « Trước cảnh hoang tàn Đế-Thiên, Đế-Thích ». Tiểu-thuyết thường đăng ở : « Tiểu-thuyết thứ bảy », « Phê-Thông bán nguyệt-san », « Những tác-phẩm hay » của nhà Tân-dân.

Chủ-trương : « Ích-Hữu » đời mới, (1938) cổ-động « Triết-lý người hùng » và « Việt-nam hồn » (1945). Vết bút hiệu : Cỏ-Lý.

Tiểu-thuyết đã viết : 247 quyển.

Hiện viết giúp cho một số nhật-báo ở Thủ-đô.

Anh Ngu-Í.

Anh hỏi tôi truyện ngắn nào hay nhất, hoặc thích nhất và vì sao ?

Đã đành rằng sự thành tâm của anh đối với văn-ngệ, sự đứng đắn của « Bách-Khoa » buộc tôi không thể dùng những trang giấy quý báu để khoe cái hiểu biết của mình hoặc nắm cơ-hội để đề-cao những bạn hữu bằng lối này hay lối khác, và bài xích kẻ thù bằng kiểu nọ kiểu kia. Không, tôi không dám. Sự anh tin tưởng ở ý-kiến tôi đã buộc tôi vào một món nợ thiêng đối với anh và bạn đọc của « Bách-Khoa », tôi phải nói thật.

.

Anh hỏi về cái thích của tôi. Xin trả lời anh là tôi thích văn của Vũ-Trọng-Phụng, Nhất-Linh, Khái-Hưng, Thạch-Lam, Nguyễn-Tuân.

Còn truyện ngắn, thì tôi cho hay nhất là Samandji (1) của Nguyễn-Công-Hoan. Nó di-dòm và đột ngột, giản-dị mà không tầm thường, rùng rùng đầy một chất muối của sự sống.

Tôi lại phải thừa với anh tôi không được đọc những anh em mới đây. Chắc hẳn trong đó có nhiều thiên-tài mà tôi có thể thích, nhiều mầm non đầy hi-vọng mà tôi

(1) Nguyễn-Công-Hoan viết tất cả 3 truyện về anh lính Tây đen Samandji, trước đều đăng ở « Tiểu-thuyết thứ bảy », sau lần lượt đăng lại trong 3 quyển truyện ngắn : Kép Tư Bền (1935), Hai thằng khốn nạn (Ph. Th. B. Ng. S. số 5, 1-4-1937) và Đào kép mới (Ph. Th. B. Ng. S. số 13, 1-12 1937). Chẳng rõ tác-giả « Sự sống » thích truyện Samandji nào, hay thích cả ba ?

(Tất cả lời chú trong loạt bài kỳ này đều là của người phụ trách cuộc phỏng-vấn)

có thể miễn. Chỉ tiếc chưa được biết nên không thể phê-bình.

Còn về văn-chương Pháp — đề chỉ nói một nước ngoài mà chúng ta biết rõ hơn các nước khác — thì tôi nhận thấy rằng mỗi năm, trên rừng văn chợ báo, ý hẳn cũng có lắm tay kiện tướng như ở nước ta, thiếu gì tác-phẩm, thế mà thời-gian chọn

lọc, sa thải đi, có còn bao nhiêu đâu.

Thế mới biết người đọc cũng sành và khó tính lắm. Tôi chắc rồi đây dăm chục năm nữa, riêng tác-phẩm của ta rồi cũng chẳng còn mấy. Giả chúng ta lúc đó mà còn sống để biết mặt định, lim, sến, táo, là những tác-phẩm nào thì thú biết mấy, phải không anh nhỉ ?

LÊ-VĂN-TRƯƠNG



★ XXVI.— VÕ-PHIẾN

Sanh năm 1925 ở Phú-mỹ (Bình-định).

Bắt đầu viết hồi năm 1955 trên báo « Mùa lúa mới (Huế) rồi từ đó, viết cho « Văn-ngệ tiền-phong », « Sáng tạo », và nhất là cho « Bách-Khoa » (Sài-gòn).

Nhà văn miền Trung này chuyên về phân-tích tâm-lý những nhân-vật miền Nam-Ngãi - Bình-Phú mà đời sống tâm-tư bị dồn-ép, chịu thiệt-thòi, nhất là trong thời « mười năm khét lửa » là thế...

Đã xuất bản : — « Chử tình » (1956), « Người tù » (1957), « Mùa đêm cuối năm » (1958).

I.— Câu hỏi của anh làm tôi bối-rối. Mặc dù lịch-sử truyện ngắn trong văn-học ta chẳng lấy gì làm dài, nhưng bao-quát tất cả để chọn lấy một truyện thôi cũng quá khó khăn. Khó vì sợ phạm những sai-lầm không tha-thứ được do mình đọc thiếu-sót, vì có những truyện cùng hay cả, mỗi bên hay một cách khác nhau, không biết làm sao định được ngôi thứ, vì có những truyện có lẽ rất hay nhưng đọc đã lâu rồi bây giờ cảm-tưởng gợi lại chỉ còn lơ-mờ, lại có những truyện khác mới đọc xong, rung-động còn mới-mẻ rõ-ràng khiến cho sự phán-đoán dễ sai-lầm. Và lại trong khoảng thời-gian mười năm chiến-tranh tôi không theo dõi được sách báo xuất-bản « trong thành », có thể bỏ sót nhiều tác-phẩm quan-trọng.

Nếu anh cho phép chỉ kể lại một vài kỷ-niệm hứng-thú về việc đọc truyện ngắn trong thời-gian gần đây mà không phân-định thứ hạng gì thì tôi xin nói ngay nổi sung-sướng say mê của tôi khi theo dõi truyện **Dòng sông định-mệnh** (1) của **Doãn-Quốc-Sỹ** đăng từng kỳ suốt bốn tháng trên **Sáng-tạo** hồi đầu năm ngoái. Tôi chỉ nói cái hứng-thú chủ-quan của mình chứ không dám phê-bình là truyện hay nhất, vì những người dẫn-đo thận-trọng hơn có thể bình-tính tìm thấy những chỗ dài dòng vô-ích, thấy trong cách kết-cấu câu chuyện có những chỗ thiếu chặt chẽ chẳng hạn.

(1) « *Tạp-chí Sáng tạo* » các số 18 (tháng 3), 19 (tháng 4), 20 (tháng 5), và 21 (tháng 6 năm 1958). Cơ sở báo chí và xuất TỰ do ấn hành : 1959.

Nhưng đối với tôi thì ngoài cái đó không làm giảm bớt cảm-tưởng thích-thú.

Cũng trong năm ngoái tôi đã được đọc một số truyện như *Bản Vịt trời* (1) của *Nhất-Linh Xa gần* (2) của *Tường-Hùng* viết rất khéo.

II.— Về *Nhất-Linh* thì thú thật rằng tôi vẫn có thành-kiến cho cái lối viết những đoạn văn mẫu, những tác-phẩm mẫu cho muôn đời của nhà văn ấy là một chủ-trương rất... dễ ghét ! Trong lúc chúng ta bị bao nhiêu băn khoăn thắc-mắc dày-vò, vừa trải qua bao-nhiêu hoảng-hốt hoang mang và chung sống giữa tình trạng đe-dọa bấp bênh, thì thái-độ của những kẻ điếm-nhiên ngồi làm văn-chương để lại nghìn thu như nhóm « Văn-hóa Ngày nay » thực xa-lạ. Tôi nghĩ viết cũng là để bày tỏ một thái-độ tham-gia vào cuộc sống, chứ không nên lấy làm một cơ để trốn lánh sinh-hoạt, quay lưng lại tất-cả những gì đang làm bận tâm lớp người đương thời. Nhưng dù không tán-thành đường-lối của *Nhất-Linh*, tôi phục nhà văn ấy viết truyện rất tài-tình. Tâm-lý các nhân-vật đều được phân-tích sâu-sắc, nhân-vật rất sống, linh-động. Ở nhiều truyện khác thì *Nhất-Linh* chú ý đến những nét tâm-lý ngộ-ngĩnh. Giọng viết đùa đùa ấy trước kia không thấy có ở *Nhất-Linh*, gần đây xuất-lộ ra như là thái-độ một người lớn tuổi, rút lui ra ngoài cuộc sống xô-bổ, mỉm một nụ cười hiền-lành độ-lượng nhìn theo những cảnh hoạt-động lỗ-bịch mà mình không còn đủ nhiệt-

tính để tham-gia nữa. Cái nhìn của ông thực sắc-sảo, nhưng thái-độ khoan-từ giễu-cợt lãnh đạm của ông không khích-động mạnh-mẽ những kẻ đọc mình. Trong *Bản vịt trời*, vẫn cái giọng đùa-dùa đó, vẫn những nét ngộ - ngĩnh ở các nhân - vật. Nhưng còn có những chỗ tác-giả nghiêm-chỉnh hơn và phân-tích một cảm-giác, dựng bên một khung-cảnh linh-động lạ thường (cảnh tre bóng nắng trong sân nhà bác Thiên, những giờ Hải lơ mơ nằm say) làm cho người đọc dù chưa biết qua say thuốc phiện là thế nào cũng có cảm-tưởng gặp một cảnh thực đến nỗi tưởng như quen thuộc.

Cái hay của *Tường-Hùng* trong *Xa gần* cũng ở chỗ phân-tích tâm-lý rất tinh-tế. Về phương-diện này, những truyện mới đây của *Nhất-Linh* và *Tường-Hùng* đã đánh dấu một tiến-bộ trong văn-học ta. Ở cái thời-kỳ trước, tôi chưa được đọc một tác-giả nào khéo đi sâu vào tâm-lý của nhân-vật tỉ-mỉ và tinh-vi đến bậc đó.

Nhưng lúc này ngồi đọc truyện của các nhà văn ấy, tôi chịu « rằng hay thì thực là hay », mà vẫn tự thấy như mình là dân hàng phố đang sinh-hoạt bỗng ngừng lại để ngắm mơ ăm Hải đi qua. Mơ ăm Hải « tưởng như vừa ở trên trời rơi xuống, mới ở cảnh tiên nào hiện ra ». (3)

Bởi đẹp và xa lạ như vậy nên mơ ăm đi qua dân phố ngừng công việc để ngắm. Mình cũng ngắm, cũng thấy đẹp thực, cũng trầm-trồ da mơ trắng như trứng gà bóc, nhưng lấy làm tiếc rằng rồi mơ sẽ đi khuất vào sau lũy tre cao nhà cụ Ân, đời của mơ không dính líu gì đến đời sống dân phố.

(3) *Bản vịt trời* (*Nhất-Linh*).

(1) Nhưng mà tôi lại nhớ một, hai câu thơ này già trên bà thế-kỉ : « Giá-trị nào có đẹp chỉ tháng chùng năm chắt », « Một thứ một đường gươm mà đã tỏ là tay thừa bản lĩnh »

(2) « Văn-hóa ngày nay » tập 1, ngày 17 tháng 6 năm 1958

Trái lại, đọc *Doãn-Quốc-Sỹ*, người ta thấy tác-giả gần với mình, đang cùng sống một thời-dại với mình. Người đọc gặp một tâm hồn hăm-hở thiết-tha. Trong *Dòng sông định mệnh*, nhiều lúc giữa câu truyện *Doãn-Quốc-Sỹ* như ngừng lại để kể lể và suy tưởng dài dòng, gặp một cảnh đẹp tác-giả không ngần ngại thi-vị-hóa thêm cảnh đó, nói về một nhân-vật tác-giả lý-tưởng hóa nhân-vật đó, làm cho cảnh mất tự nhiên, cho tâm-lý sai lạc đi, có chỗ gặp nhiều câu dài như muốn cho được dư-dương nhịp-nhàng, mà có chỗ lại nhảy sang hàng từng câu ngắn hồn-hển; thực là bất thường! Vậy mà những khuyết-điểm kỹ-thuật đó đều đáng yêu cả. Cho hay người ta chỉ muốn tìm gặp trong tác-phẩm văn-chương một tâm-hồn, khi gặp tâm-hồn bầu bạn thì không ai còn muốn xét nét những lẽ-nghĩ hình-thức cần cho sự xã-giao nữa. Riêng tôi, tôi thích ở *Doãn-Quốc-Sỹ* cái giọng văn nhân-hậu, thích con người chắc đã từng trải qua những hoàn-cảnh oái-oăm trong giai-đoạn ác-liệt này mà vẫn giữ được nguyên nguồn tình-cảm phong-phú, luôn luôn bị ám-ảnh bởi những viễn-tượng đen tối đang đè nặng trên số phận của dân-tộc và thế-giới, luôn luôn lo-lắng thắc-mắc mà vẫn sẵn-sàng rung động say mê trước cảnh đẹp thiên-nhiên, trước một bản đàn hay một bức tranh đẹp.

Tôi càng thích *Doãn-Quốc-Sỹ* một phần vì đã được đọc tác-phẩm của nhà văn đó đăng trên tạp-chí *Sáng-tạo*. Thực vậy, trên *Sáng-tạo* có nhiều truyện ngắn của các tác-giả khác, kỹ-thuật viết thực già, thực khéo, trình-bày thực tinh-vi những tâm-trạng kỳ-quặc. Tôi chắc rằng những truyện ấy rất có giá-trị, nhưng tiếc trong

tâm-hồn mình chưa có gì theo kịp những kỳ-quặc đó nên khi đọc thiếu sự thông-cảm. Trong lúc ấy gặp *Dòng sông Định-mệnh*, (cũng như *Hương Nhân-loại*) liền có cái mừng rỡ đột-nhiên như giữa xứ lạ gặp người cùng làng. Giọng văn, nhân-vật, cảnh-trí trong tác-phẩm của *Doãn-Quốc-Sỹ* cho tôi cái cảm-tưởng được gần gũi với nếp sống cũ của dân-tộc, mặc dù *Doãn-Quốc-Sỹ* thỉnh-thoảng thích nói chuyện nước ngoài. Một độc-giả trung-lưu trong xã-hội ta phải lấy làm mừng rỡ khi giữa đám thanh-niên nghệ-sĩ ngày nay bị những xúc-dộng sâu xa vì thời-cuộc làm biến-đổi sắc-diện trông đến dị-kỳ bỡ ngỡ, giữa đám nghệ-sĩ ấy họ vẫn còn có thể nhận ra một nét mặt quen thuộc.

Đối với các nhà văn trong « Văn-hóa ngày nay » *Doãn-Quốc-Sỹ* tránh khỏi cái bình-thản đến nguội lạnh đứng-dưng trước hiện-trạng xã-hội; đối với nhiều nghệ-sĩ khác trong « Sáng-tạo », *Doãn-Quốc-Sỹ* lại không vượt tới trước nhập thành một thể-hệ riêng-biệt, cô-độc, đứt lìa với dĩ-vãng.

Nói như vậy thì chỉ là nói về *Doãn-Quốc-Sỹ* mà bỏ quên mất *Dòng sông định mệnh*. Nhưng kể ra bắt chú ý riêng đến một cái truyện thôi thì có... ép tôi quá, phải không anh Ngu-Í? Một cái truyện nó có hay là ở chỗ nó giới-thiệu được một tâm-hồn, một con người. Và lại nói về một truyện ngoại-quốc chẳng-hạn thì tôi có thể chú ý nhiều đến phần kỹ-thuật, chứ bàn về một tác-phẩm văn-nghe của nước mình, vào thời-dại mình đang sống thì dễ nói lạc ra ngoài dễ quá.

III — Về câu hỏi này tôi cũng xin phép anh tránh một cách trả lời quyết-đoán. Anh đã bắt đầu bằng hai chữ « theo anh »

để cho tôi tha-hồ tự-do theo sự nhận-định chủ-quan. Nhưng dù chủ-quan đến bao nhiêu tôi cũng e-ngại trước sự đe-dọa của các tiếng « quốc-tế » và « tự cổ chí kim ». Vậy tôi chỉ xin nhắc lại một đôi kỷ-niệm thích thú về một số ít truyện ngắn ngoại-quốc đã được đọc qua chứ không dám có một phán đoán tổng-quát.

Trước hết tôi xin đề tên *Stefan Zweig* mà không biết lựa chọn truyện nào, vì trong những truyện « ngắn lê-thê » của văn-hào đó, tôi thích nhiều cái quá, thích ngang nhau : truyện *Amok* cũng như truyện *Hăm bốn giờ trong đời một người đàn bà*, truyện *Người lái sách* cũng như truyện *Bức thư người lạ* hay *Ngõ hẻm dưới trăng...*

Của *Somerset Maugham*, tôi thích truyện *Up at the villa* (4) và truyện *Vertu* (5).

Truyện *Mưa lúc rạng đông* của *Constantin Paoustovski* (6) cũng là một truyện tuyệt-diệu.

IV.— Điều tôi tự lấy làm lạ là có thể thích cả hai lối viết truyện trái nghịch nhau. *Stefan Zweig* và *Somerset Maugham* ở những truyện vừa kể đã nghiên-cứu một cách sáng-suốt, tỉ mỉ, ngoài tâm-lý thực là u-ần dị-kỳ, rồi dựng truyện chu-dáo, có nhiều tình tiết, quan-sát nhân-vật rất tinh-

tế, mô-tả kỹ-lưỡng từng ánh mắt, từng chút cử-dộng của nhân-vật. Hai văn-hào đó đã thấu-hiểu sâu-xa tâm hồn của nhân-vật mình và có một lối diễn-tả, phân-tích rất sâu-sắc.

Trái lại *Mưa lúc rạng đông* thần-nhiên thờ-ra sự uề-oải, chán-nản không biết từ đâu. Ở đây tác-giả không trình-bày cận-kê minh-bạch tâm-trạng đó. Có lẽ đó cũng không phải chỉ là tâm-trạng của các nhân-vật trong truyện, mà là của cả tác-giả. Sự uề-oải như thấm vào khắp truyện. Nếu ví truyện như một cơ-thể thì sự uề-oải thấm vào từng sợi thịt đường gân. Truyện không thuật, không tả lại, không khách-quan-quân-tích một tâm-trạng. Nó thể-hiện tâm-trạng đó bằng cả cái cốt-cách riêng của nó. Toàn bộ câu truyện như có một sự sống riêng để cho ai tiếp-xúc với nó thì tự-nhiên được truyền-dạt lại cái tâm-trạng mà tác-giả đã ký-thác nơi đó. Tác-dộng của nó như tác-dộng của một bài thơ vậy. Tôi còn nhớ trong tập *Hương-xa* do Đời-nay xuất-bản trước chiến-tranh có một truyện dịch rất hay của một tác-giả Nhật-bản, hệt như là truyện *Vườn mẫu đơn* (7), cũng cho người đọc một cảm-tưởng tương-tự.

S. Zweig và S. Maugham thì chọn những trường-hợp độc-dáo đến kinh-ngạc. Còn *Mưa lúc rạng đông* lại không cần gì đến những chi-tiết kỳ-dị để làm ngạc-nhiên, để tác-dộng mạnh, không cần hô-phong hoán-vũ, những tình cảm trong đó bàng-bạc, vương-vít khắp nơi, ở một loé nắng, một

(4) Bản Việt-văn của Trần-Thiếu-Sinh dịch là « Một đêm trăng » (*Phê-Thông* — 1952)

(5) « Đức hạnh ». Bản tiếng Pháp, trong tập *Amours Singulières* (Arthème Fayard, Paris, 1955).

(6) Bản tiếng Việt, trong tập truyện ngắn quốc-tế, do Bửu-Kế và Cẩm-Tâm dịch (Hương-Bình — Huế, 1955). Vũ-Minh-Thiều cũng có dịch, nhan « Mưa trong bình-mính », đăng trong tập-san « Nhân-loại » do Đông-Hồ chủ-trương, số 16 (9-11-1953) và các số 17-18.

(7) *Vườn mẫu đơn* của Nagai Kafu (1897...) do Vũ-Minh-Thiều dịch, trước đăng trong giải-phẩm « Hương-xa », do Đời-nay xuất-bản, Hà-nội, 1943, sau đăng lại trong tập-san « Nhân-loại », do Đông-Hồ chủ-trương số, Tết giáp-ngọ (1954).

bụi cỏ, ở tiếng nói cười rai-rác trong truyện gần như vô tình.

Hai cách viết đều đưa đến kết-quả mỹ-mãn, đều thể hiện được sự thực sâu xa trong tâm hồn con người, tôi khó nói truyện nào hay hơn cả.

Anh muốn một tự chọn lựa, một câu trả lời dứt khoát, tôi không thỏa mãn được

ý ấy. Tôi tưởng tượng nếu ai cũng như mình, tự tiện thay đổi câu hỏi của anh, thì kết-quả sẽ thành ra một cuộc nói chuyện phiếm không vừa ý anh tí nào ! Xin lỗi anh.

VÕ-PHIẾN

Kỳ sau : Doãn-Quốc-Sỹ, bà Ái-Lan, Thiên-Giang, Võ-Đức-Diên.

ĐÍNH CHÍNH

Trong bài của Đông-Hồ trả lời cuộc phỏng-vấn về truyện ngắn (kỳ báo 67, trang 64) cột bên trái, dòng thứ 6 in « *Đào hoa nguyên kỳ* của Đào-Uyên-Minh đời Tần », xin sửa « *Đào-Uyên-Minh (365 — 427) đời Đông-Tần* ».

- trang 59, phần tiểu-sử « *Đông-Hồ* », dòng 1 : « 1606 », xin sửa : « 1906 », và dòng 7 : « Năm 1956... », xin sửa : « Năm 1953... »
- trang 60, chú-thích 2 : « số 58, ngày 1-6-1955 », xin sửa : « ... 1959. »
- trang 64, chú-thích 6, dòng 7 : « giữ đúng lời », xin sửa : « giữ đúng lời ».



Tóm tắt ý-kiến các bài đăng trong 3 kì trước và ghi những vấn-đề cùng câu hỏi được nêu lên hay được gợi ra

Chúng tôi có phần này là để các bạn đọc mới của « *Bách - Khoa* » được biết nét chánh trong các bài trả lời từ hai hay ba số trước, và để giúp các bạn đọc cũ nhớ lại, đăng cuộc theo dõi hứng thú thêm ; chúng tôi lại mong sẽ được nhiều bạn góp ý kiến, hầu bài khép lại cuộc phỏng-vấn đầu tiên về văn-ngệ của « *Bách - Khoa* » nhờ đó mà đầy, đủ, vui, tươi

✧ Số 65.

A — Ý-kiến

XV.— *Triều-Đầu* thấy có nhiều truyện ngắn nước nhà, có lúc lấy làm thích thú lắm, rồi sau đó lại lấy làm thường, nên đành chẳng cho biết truyện nào hay nhất hay thích nhất.

✧ *Cái bao ngủ của Tuul Reijonen* (Phần-lan) được ông chú-ý.

XVI.— *Phạm-Công-Thiện* « có lẽ » thích nhất :

✧ *Tối ba mươi của Thạch-Lam*.

Và sau đó :

— *Những cái ẩm đất của Nguyễn-Tuân* :

— *Anh phải sống, Đợi chờ của Khái-Hưng* ;

— *Bàn tay sáu ngón của Bình-Nguyên-Lộc*.

✧ *The Garden Party* của *Katherine Mansfield* (Anh) : không làm ta khóc hay cười, song đến thẳng tâm hồn ta rất mau, rất lạ.

B.— Văn đề, câu hỏi được nêu lên hay được gọi ra.

1.— Triều-Đầu cho rằng chưa có truyện ngắn Việt nào « đã vượt nổi thời gian », như thế, các bạn có cho rằng ông có hơi khắt-khe chăng ?

2.— « Và Việt-văn đáng đứng vào hàng đầu trên văn đàn thế giới. » Lời kết này của tác giả « Tranh tối tranh sáng » có quá chủ quan và quá lạc quan chăng ?

✧ Số 66.

A.— Ý-kiến

XVII.— Lưu-Nghi đặc biệt chú ý đến trường hợp :

✧ Ba con cáo của Bình-Nguyên-Lộc vì:

— Nội dung lột được một mặt thật muôn đời của cuộc sống.

— Văn-đề *phản bội* ; ý nghĩa sâu-xa ; kỹ-thuật diễn đạt chính xác và tế nhị.

— Về truyện ngắn ngoại quốc, ông không nói đến.

XVIII.— Bà Nguyễn-Thị-Vinh thích chung những truyện của Thạch-Lam, Nguyễn-Tuân, Tô-Hoài : nói lên được thắc-mắc của tâm-hồn, những phức tạp của cuộc đời với lời văn gọn-gàng, giản dị.

— Còn về truyện ngắn ngoại quốc, tác giả « Thương yêu » không « dám nói đến » vì chỉ nhìn vào truyện ngắn nước nhà, bà « chưa chắc đã thấu rõ. »

B.— Văn đề, câu hỏi được nêu lên hay được gọi ra.

1.— Các bạn có đồng ý hẳn với ông Lưu-Nghi về định nghĩa các danh từ : *thề-văn*, *loạt-văn* và *lối-văn* ?

2.— Bà Nguyễn-Thị-Vinh cho rằng Thạch-Lam, Nguyễn-Tuân, Tô-Hoài có lời văn gọn-gàng, giản dị. Chúng tôi đồng ý về Thạch-Lam và Tô-Hoài, nhưng chúng tôi lại thấy rằng văn Nguyễn-Tuân thường rườm-rà, cầu-kỳ (nhưng lắm khi rườm-rà một cách khá đặc-biệt và nhiều lúc cầu-kỳ một cách rất nghệ-thuật). Xin các bạn cho biết ý-kiến.

✧ Số 67.

A.— Ý-kiến

XIX.— Trọng-Miên ưa những truyện cổ tích nói chung và thích nhất :

✧ *Truyện Từ-Thức*.

✧ *Các truyện ngắn của Oscar Wilde*.

XX.— Đông-Hồ cho hay nhất :

✧ *Thề Non Nước* của Tản-Đà : truyện rất hấp dẫn, có một thi-vị dễ say người.

✧ *Đào hoa nguyên kỷ* của Đào-Uyên-Minh (Trung-hoa) : bao thế-hệ tụng đọc nó và yêu say nó, lại có đủ quan-niệm về xã-hội nhân-sinh, về triết-lý, một thứ triết-lý nhẹ nhàng, nên thơ...

XXI.— Cung-Giú-Nguyên thích nhất

✧ *Truyện Trương-Chí* : dưới hình-thức nào, cốt truyện vẫn giữ nguyên vẹn nguồn cảm xúc phong-phú thâm kín và sâu xa.

✧ *The apple tree* (Cây táo) của John Galsworthy (Anh) : một chuyện tình đơn sơ mà vô cùng chân thành, kín đáo, đau thương.

B.— Văn-đề- câu hỏi được nêu lên hay được gọi ra.

1.— Tản-Đà ghi dưới truyện « Thề Non Nước » hai chữ : thuyết văn. Trước,

TRẢ LỜI CUỘC PHÒNG VẤN

nhà văn Vũ-Ngọc-Phan bảo là truyện ngắn, nay nhà thơ Đông-Hồ cũng bảo thế, nhưng một nhà phê-bình, rồi một nhà xuất bản, đến một nhà giáo lại cho đó là tiểu-thuyết. Vậy nó thuộc loại nào ?

2.— Một tác-phẩm văn-chương có giá-trị phải chịu đựng được sự đọc lâu ngày và sự đọc nhiều lần ; hẳn các bạn cũng đồng ý với ông Đông-Hồ chứ ?

3.— Nhưng nghệ-thuật viết « Thẻ Non

Nước » nó rất hấp dẫn, thì các bạn nghĩ sao ?

4.— Và các bạn nghĩ sao đối với cách đánh giá-trị này của ông Cung-Giữ-Nguyên : « Và giá-trị của một tác-phẩm là nơi khả-năng gây cảm xúc cho người thưởng thức.

5.— « Văn-chương là một phương-tiện nối liền và an-ủi ». Chẳng hay các bạn có thấy cần thêm gì vào định nghĩa trên đây của tác-giả « Nợ văn-chương » ?

ĐÍNH CHÁNH

✧ Bách-Khoa số 64

Bài « Trả lời cuộc Phòng-vấn » của ông Phan-Ngô, mấy câu thơ ở cuối bài của Nam-Xuyên, xin đọc :

« Ôi ! Gió Hành-sơn, mây Hải-vân,
« Thu-hồn lai láng về thanh tân
« Trà-mi rừng quế xuân về đỏ
« Muôn dặm chờ ai chén tầy trần. »

✧ Bách-Khoa số 67

Bài « Trả lời cuộc Phòng-vấn... » :

— trang 58, chú-thích 1 : « rồi Việt-tân thì phải, Phi-Yến, nhà thơ tài hoa... », xin sửa : « rồi Việt-dân... »

✧ Ăn ở đến hàng ngàn người chỉ mặt thì không bệnh cũng phải chết. (Hán-thư)

✧ Trong chiến-tranh, sự hỗn xược của các cấp chỉ-huy bất-xúng đã gieo bao nhiêu mầm loạn vào đầu óc các binh-sĩ. Lòng quân-nhân thường sẵn sàng hy-sinh và dễ dàng kính phục ; kẻ chỉ-huy nếu được lòng họ thì họ rất yêu mến, trọng nể. Cái nhu-cầu yêu mến, trọng nể ấy sẽ biến thành phần nộ và khinh-bĩ trước sự bất công, hèn-nhát, ích-kỷ, tàn-nhẫn. (Bessières)

✧ Không gì dễ thu phục lòng người dưới bằng sự thành thật. Những người đã có dịp được cộng-tác với ông Ernest Psichari nói về ông rằng : « Ông thành thật đến mức ai thấy ông thành thật cũng muốn được thành thật như ông. »

Bàn về vấn - đề :

Đính - chính tài - liệu Văn - học

✧ — CHÂU-HẢI-KỲ

NGUỜI ta bảo một lần bà Huyện Thanh - Quan có dịp đi qua đèo Ngang (có lẽ hồi bà trảy vào kinh - đô Huế làm Cung-trung giáo tập), trông cảnh núi sông hùng-vĩ, trời nước bao-la vào buổi chiều tàn, bà đã tức cảnh hạ luôn mấy vần thơ ý-nghị đề tả cảnh hữu-tình ấy. Mấy vần thơ truyền-tụng đến ngày nay :

*Bước tới đèo Ngang bóng xế tà,
Cỏ cây chen đá, lá chen hoa,
Lom khom dưới núi, tiều vài chú
Lác đác bên sông, chợ (1) mấy nhà.
Nhớ nước đau lòng con quốc-quốc,
Thương nhà mỏi miệng cái gia-gia,
Dừng chân đứng (2) lại : trời, non,
nước.
Một mảnh tình riêng ta với ta.*

Người ta cũng bảo bài thơ đã nói lên lòng hoài-niệm Lê - triều cũng như nỗi-niệm nhớ nhà của bà.

Cho nên mỗi khi phân-tích nỗi quan hoài của nữ-sĩ, người ta đều có nêu bài « Qua đèo Ngang » để dẫn chứng. Và vì thêm cái lý - do bài thơ được phổ-

biến kh rộng - rãi, nhiều người học, nhiều người biết, nhiều người thuộc, sách giáo-khoa nào cũng có giảng, cho nên mỗi khi dạy đến bà Huyện Thanh-Quan thì không mấy người dạy chịu bỏ qua (nghĩa là không dạy) bài thơ ấy.

Dạy bài « Qua đèo Ngang ».

Mà bài « Qua đèo Ngang » có quả đúng của bà Huyện Thanh-Quan không ?

Theo ông Trần-Văn-Giáp, (một nhơn viên trường Viễn-Đông bác-cổ) thì « bài thơ thất ngôn bát cú này chính là qua đèo Nhông. Đèo Nhông ở về thượng du Bắc-Việt. Tác-giả bài này không phải bà Huyện Thanh - Quan mà chính là một cung phi khi chạy sang Tàu cùng với vua Lê-Chiêu-Thống » (3).

Chúng ta có nên tin vào lời quả-quyết của ông Trần-Văn-Giáp không ? Ông có cả chứng cứ rành rành, một bản chữ Nôm đề dẫn chứng, thì việc tin theo lời ông cũng không phải là một sự nông-nổi, một sự ép-uông. Một anh bạn giáo-sư có lần

(3) Theo ông Kiêm-Đạt trong bài « Bàn về Giảng văn », Giáo-dục phổ-thông, số 19, ngày 15-7-1958.

(1) Có bản chép : chợ

(2) Có bản chép : ngóảnh

nói với tôi : « Tôi nghĩ rằng lời ông Giáp có thể xác-dáng, nhưng chưa có sự « đình-chính chánh-thức » — « chánh-thức » ngụ-ý anh muốn nói : của cơ-quan thẩm-quyền, tức của Bộ Quốc-gia Giáo-dục, — cho nên tôi vẫn cứ dạy ».

Tôi hỏi : « Thế anh đừng dạy bài ấy có được không ? »

— « Không dạy thì thiệt-thòi cho học-sinh. Các trường đều có dạy bài ấy, đều cho là của bà Huyện Thanh-Quan. Mình không dạy, lỡ ra vào thi gặp phải cái đề bình giảng bài ấy, học-sinh sẽ lúng túng, hoặc cái đề về các nỗi quan hoài của nữ-sĩ, học-sinh sẽ thiếu câu thơ của tác-giả đề trình-bày v.v... Vì nghĩ đến trách-nhiệm đối với học-sinh, tôi buộc lòng phải đem bài ấy ra dạy... »

Anh đã nghĩ đến trách-nhiệm về kết-quả đậu rớt của đám học-sinh anh, đó là một điều đáng trọng, nhưng anh đã vô-tình đặt cái lợi nhỏ, cái lợi thiếu-cận, lên trên cái lợi lớn, cái lợi lâu dài, vĩnh-viễn : anh kéo dài và làm lan rộng cái lầm-lẫn, nếu quả tài-liệu ông Trần-Văn-Giáp sưu-tầm được không thể không thừa nhận là đúng !

Cũng như về tiểu-sử của nữ-sĩ, bao nhiêu sách giáo-khoa đã viết : «... bà họ Dương vì là con gái một nhà tước-nho họ Dương quê làng Nghi-tàm, huyện Thọ-xương, tỉnh Hà-dông, biệt hiệu là *Nhàn-Khanh*, làm bạn với ông Lưu-Nghi, người làng Nguyệt-ánh, đỗ cử-nhân năm Minh-Mệnh thứ hai, làm tri huyện Thanh-quan... »

Biệt-hiệu của bà có phải đúng là *Nhàn-Khanh* hay không ?

Xin trích dẫn lại mấy lời đình-chính của ông Nguyễn-Mạnh-Bồng trước đây, vào

năm 1944 : «... bà cụ « *Nhàn-Khanh* » (con quan Phó-dô Ngự-sử họ Dương ở Vân-dình, Ứng-hòa, Hà-dông, lấy cụ Trịnh-Đình-Kỳ cũng chân cử-nhân ra Tri huyện)... Bà *Nhàn-Khanh* sinh được ra ông cử Trịnh-Đình-Rư và nhà văn-sĩ Trịnh-Thúc-Hiến quê ở Đình-công, Hà-nội, có một tập thơ rất nhiều bài, chính tôi đã lấy tư-cách làm cháu ngoại cụ đem lục đăng vào « *Nam-Phong tạp-chí* ». Sau có người nhầm tưởng cụ *Nhàn-Khanh* với bà Huyện Thanh-Quan là một ; đem hiệu *Nhàn-Khanh* ghép vào cho bà Thanh-Quan là không phải ». (4)

Ông Nguyễn-Mạnh-Bồng lấy tư-cách cháu ngoại, biết rành-rọt về người bà con của mình, để viết lên một sự thật, thì chúng ta có nên nghi-ngờ nữa không ?

Nếu thừa nhận rằng lời dạy của đức Thái-Thượng lão quân như sau đây là « *khuôn vàng thước ngọc* ».

« Làm thầy thuốc mà nhằm thì giết một người.

« Làm chính-trị mà nhằm thì giết một nước.

« Làm văn-hóa mà nhằm thì giết muôn đời »

thì đem phổ-biến một tài-liệu văn-hóa mà mình đã xét nghiệm chắc-chắn là sai hoặc có thể là nhầm rồi, có phải cũng bị khép vào tội a-tòng « *giết muôn đời* ? »

Còn biết bao nhiêu ví dụ nữa về sự « *lấy râu ông nọ cắm cằm bà kia* » đã làm bấn-khoăn người đọc !

Phải trả « cái gì của vị nào lại cho vị ấy », có thể mới mong tìm hiểu được

(4) Trong bài tựa về « *Thân-thế và sự-nghiệp văn-chương của thi-sĩ Tán-Đà* » của ông Nguyễn-Mạnh-Bồng (Tán-Đà văn vân, 1).

đúng dẫn người xưa. Trước nay, bao nhiêu nhà nghiên-cứu văn-học đã cố-tâm làm cái việc « tìm trả lại cho chủ » này. Kết-quả đạt được không phải không có. Nhưng vì sự « đính-chính » không được phổ-biến rộng-rãi, ít người đọc được, hay vì khiêm-nhường, người tìm ra manh-mỗi không đặt thành vấn-đề cần-thiết nhắc đi nhắc lại đề đòi hỏi cho được sự chấp nhận chính-thức..., mà rồi công-trình sưu-tầm được, bị mai-một, và, tình-trạng « lấy râu ông nọ cắm cằm bà kia » vẫn mãi mãi duy-trì.

Nước nhà đương ở trong giai-đoạn mà việc học phát-triển mạnh. Sách báo — nhất là sách giáo-khoa — thu hút khá nhiều độc-giả, nhất là độc-giả học-sinh, những mầm non tương-lai của đất nước. Nhờ đó mà tài-liệu văn-học được phổ-biến dễ dàng và sâu rộng. *Viết một cuốn sách giáo-khoa thiếu thận-trọng, trình-bày hay giảng dạy một tài-liệu nhằm-lấn ở học đường, tức làm lan tràn rất mau cái « nhằm lẫn đó » trong không-gian và thời-gian.* Vì lẽ đó mà sự chu-đáo, mà sự tra cứu kỹ-càng, với mọi điều ghi chú công-phu, tỉ-mỉ là sự tối-cần-thiết.

Đề dễ-dàng cho các nhà soạn-sách giáo-khoa, đề cho các nhà giáo tin-tưởng vào tài-liệu mình giảng dạy, đề khỏi có sự khác biệt trong tài-liệu (thí-dụ một bài thơ mà giáo-sư này dạy của ông X., giáo-sư kia của ông Y...) làm hoang-mang học-

sinh và sinh ra tình-trạng khinh, trọng, khích-bác lẫn nhau trong hàng ngũ người học cũng như người dạy. ., chúng tôi đề-nghị Bộ Quốc-gia Giáo-dục — vì thường xuyên theo dõi, — đã nắm được đầy - đủ tình - hình văn - học trong nước, thông đạt được, theo từng thời-gian, mọi công-phu sưu-tầm, nghiên-cứu, đính-chính... trên khắp sách vở, báo chí của các bậc văn-nhân, học-giả... — mỗi khi xét *kiểm-ràng tài-liệu mới* (có đủ chứng cứ hiển-nhiên) là *xác-đáng, thì xin có thông-tri « thừa-nhận »* trên báo chí và nhất là trong học-đường, *đề các vị có trách-nhiệm đính-chính lại tài-liệu mình dạy.*

Chẳng hạn như bài thơ « Qua đèo Ngang », sau khi khảo-xét lại, nếu quả thật bài « Qua đèo Ngang » không phải của bà Huyện Thanh-Quan, bộ Quốc-gia Giáo-dục thông-tri cho các trường biết đề khi dạy về bà Huyện không đem bài này ra giảng nữa. Như thế *sự lăm lẫn mới mong không kéo dài và lan rộng ra được,* mà công-trình nghiên-cứu của các nhà học-giả, của các vị nhiệt-thành với nền văn-học nước nhà được lưu-ý đem phổ-biến đề đính-chính như vậy, có lẽ là một trường-thường không gì xứng đáng hơn, đối với những kẻ suốt năm tháng, chỉ lo miệt mài đào bới kho tàng văn-học đề mong cống hiến cho đời những sự thật và quý...

CHÂU - HẢI - KỲ

- ★ Kể không dùng uy-thế mà chỉ dùng nguyên tình-cảm để điều-khiển thường mắc những sai lầm nghiêm-trọng : chính-sách tình-cảm có thể thành-công với những phần-tử tốt, song những phần-tử xấu có thể lợi-dụng để trốn tránh nhiệm-vụ, và chính những phần-tử tốt, không trước thì sau, sẽ phản-đối sự bất-công do chính-sách tình-cảm gây ra và dễ sinh chán nản.
- ★ Việc đáng làm thẳng tay mà không làm thẳng tay, thường hay bị hại. (Hán-thư).

**TỔNG BẢO HIỂM CÔNG TY
HỎA HOẠN**

· TAI HẠI GÂY BỞI CHẤT NỔ
VỐN : 1.000 TRIỆU PHẬT LĂNG
Cie d'Assurances Générales contre
l'Incendie et les Explosions
Capital : 1 Milliard de Frs.

**TỔNG BẢO HIỂM CÔNG TY
TAI NẠN**

GIAN PHI — HÀNG HẢI — RỦI RO
VỐN : 1.000 TRIỆU PHẬT LĂNG
Cie d'Assurances Générales Accidents
Vol — Maritime — Risques Divers
Capital : 1 Milliard de Frs.

CÔNG TY BẢO HIỂM PHÁP Á

BẢO HIỂM MỌI NGÀNH
VON : 105.000.000 PHẬT LĂNG
Assurance Franco Asiatique
Assurances Toutes Branches
Capital : 105.000.000 Frs.

**NHỮNG CÔNG TY BẢO HIỂM LỚN NHẤT
VÀ ĐÃ HOẠT ĐỘNG LÂU NĂM NHẤT CỦA PHÁP**

CHI NHÁNH TẠI SAIGON

26, đường Tôn-thất-Đạm (tên cũ Chaigneau)

Giấy số : 21.253 — 23.913

« TÔI ĐÓNG PHIM TẠI PHÁP »

TRẦN-NGUYỄN ANH-CA

(Tiếp theo B.K. số 66)

LẠI ĐẾN PHIÊN TÔI

HỌ đang dời máy ảnh, máy thấu-thanh qua phía văn - phòng cảnh sát trưởng. Tôi xem lại mấy câu đối thoại, lòng hồi - hộp. Từ sáng đến giờ ông André P. gặp hai ba việc bực mình. Nếu mình bị khớp mà quay mãi không được một « xen » thì đến khổ ! Ông phụ tá đạo diễn đâm lo, chạy đến hỏi nhỏ tôi có thuộc tuồng chưa. Như không tin tôi hẳn, ông lấy bòn tuồng ra, ông đọc vai Monique, bảo tôi đọc vai cảnh sát trưởng. Tuồng thì thuộc rồi nhưng lúc đóng có nhớ hết chẳng?

Văn-phòng của Cảnh-sát trưởng bài trí sơ sài, có một bàn giấy trên đó người ta để hồ sơ, giấy tờ, một ống điện thoại, một tấm lịch, một chiếc ghế bành cho Cảnh sát trưởng ; hai chiếc ghế thường cho khách ngồi. Ngoài cửa bước vô ta gặp một cái tủ đựng hồ sơ. Trên đầu tủ một cái đồng hồ đang chỉ 5 giờ. Theo chương-trình, hôm nay họ định quay 3 « xen » 161, 162, 163 lúc Monique bị bắt dẫn đến Bót cảnh sát và sắp bị trục xuất. Máy ảnh đặt phía trước bàn giấy chia về phía cửa. Monique bước vô. Cảnh-sát trưởng mời cô ngồi rồi hỏi xét giấy thông hành. Viên lễ giấy thông hành không hợp lệ vì thiếu một dấu chứng chỉ nên ông ta ra lệnh trục xuất cô hôm nay. Lúc Monique ngồi thì máy ảnh lui lại một chút và chia ống

kiếng phía Cảnh-sát trưởng. Sau hai lần tập thử, họ quay thật. Cô Dominique Wilms (Đô-mi-nich U-im-zơ) và tôi thuộc tuồng lâu và đóng y như lời ông André P. dặn. Họ quay 2 lần, một lần để phòng hồ, lỡ có một đoạn nào hình ảnh hoặc tiếng thu thanh không tốt, họ có đủ phim để ráp. Xong rồi, họ đem máy ảnh ra phía sau lưng tôi rồi quay lại y mấy cảnh đó để chụp phía mặt cô Dominique, vì lúc này quay phía lưng của cô. Trước khi quay lần sau, tôi nhắc ông André P. coi chừng hai chuyện : tấm lịch trên bàn của cảnh sát trưởng chỉ ngày chúa nhật và đồng hồ trên tủ hồ sơ chỉ 5 giờ. Chẳng biết trong truyện phim có nói rõ ngày nào cô Monique bị giữ lại sở Cảnh-sát chẳng và trước lúc cô Monique bước vào văn-phòng, có quay cảnh cô bị lính hỏi giấy cô ngoài đường chẳng. Và nếu có nhầm lúc nào, sáng, trưa hay chiều ? Máy ảnh để sau lưng tôi sẽ chụp rõ tấm lịch và cái đồng hồ. Ông André P. khen tôi châu đáo trong chi tiết ông bảo cô Scripgirl coi chừng sửa đổi lại. Bắt đầu quay hồi 4 giờ. Mà mới 4 giờ 40 đã xong tất cả mấy « xen ».

Họ quay luôn xen 222 lúc đại-úy Brisset và Monique vào gặp cảnh-sát trưởng để báo cho ông hay rằng có một bọn chuyên bán bom vi-trùng đang trốn trong thành

phải tìm bắt chúng nó nội đêm nay. Champ-contre champ. Ông kiếng quay về phía này rồi quay về phía khác, đèn đỏ ở hậu trường cháy rồi tắt mấy lượt. Đến 5 giờ 40, xong luôn « xen » 222. Ông André P. rất hài lòng. Mà người khoái chí nhứt có lẽ là ông giám-đốc sản-xuất. Trên mặt ông ta nở một nụ cười ; ông đến khen tôi lúc tôi ra ngoài, mấy người đứng xem đều bảo rằng ông ta nói luôn mồm : « Il se défend bien » (Nó đóng dễ chịu lắm !). Ông khoái vì nếu quay được nhiều xen trong một thời gian ngắn, ông ta sẽ đỡ tốn bao nhiêu tiền thuê «studio». Đóng tuồng họ trả tôi từng ngày. Tôi có thể làm bộ vấp mấy chữ đề quay đi quay lại hôm nay chưa xong họ phải làm việc ngày mai và như thế tôi sẽ lãnh tiền nhiều hơn. Nhưng một là muốn cho họ thấy rằng kịch-sĩ Việt khi đóng tuồng có thể làm xong việc trong một thời gian ngắn, hai là cho ông giám-đốc sản-xuất thấy rằng tôi có lý khi tôi đòi lương cao. Còn 20 phút, thấy sẵn máy ảnh, sẵn đèn ông André P. bảo quay luôn xen tôi gọi điện-thoại. Vừa biết bọn buôn súng lậu đang tàu thoát trên sông, tôi ra lệnh lùng xét tất cả các ghe thương hồ và sau khi dứt lời đặt ống nói, lấy kết đội lên và vội vàng chạy ra cửa, chỉ kịp quay lại cho phép cô Monique cùng đi. Đến 6 giờ chiều, mấy cảnh tại văn-phòng cảnh-sát trường đều xong cả, chỉ còn một cảnh đến nhà ông già bán đồ cổ làm biên bản và lúc đến chiếc ghe của mấy người buôn súng lậu bắt cả bọn trong xen cuối cùng. Ai nấy đều hài lòng vì chỉ trong hơn hai tiếng đồng hồ mà quay được bao nhiêu « xen ». Mãi đến hôm sau, mà người kỹ-sư thanh lúc gặp tôi còn nói : « Hiện giờ tại tôi vẫn còn nghe mấy câu đối thoại của

ông thâu hôm qua, ông đóng phim có kém chi kịch-sĩ nhà nghề ».

Tối đó, sau bữa ăn chiều còn vào Gennevilliers (Jê-nơ-vi-li-ê) để làm « Synchro » (Xanh-cờ-rô). Synchro là đọc tất chữ « post - synchronisation » (thâu thanh tiếng nói sau khi quay phim, mà tiếng nói phải ăn khớp với miệng người nói. Trong mấy cảnh quay bên Saigon, họ cũng có thâu thanh. Nhưng tiếng nói ấy chỉ để dùng kiểm soát lại coi lúc quay kịch-sĩ nói những câu gì và giọng nói ra sao. Tiếng thâu trong cuốn băng như thế họ gọi là « son témoin » (tiếng nói đề làm bằng). Về đây họ phải thâu lại tất cả các câu đối thoại trong phòng thâu thanh để tiếng nói nghe rõ ràng hơn. Nhưng vì vậy mà những người đã đóng bên Saigon làm sao qua đến bên này mà thâu tiếng — và cũng vì vậy mà họ phải nhờ tôi « cho mượn » tiếng. Họ có gọi nhiều người Việt khác đến để làm « synchro ». Nhưng các anh các chị này không phải là hạng nhà nghề. Tôi đã làm « synchro » cho nhiều hãng phim Mỹ, Pháp, Việt, nên chuyện « cho mượn tiếng » tôi đã quen. Cách đây 6 năm tôi đã có viết bài nói chuyện về cách thay tiếng phim. Thấy tôi nói ăn khớp và đổi giọng được, nên ông André P. bảo tôi lấy giọng trầm mà nói cho vai Boris, tên tay sai thân tín của bọn buôn súng lậu, lấy giọng lơ lớ như Trung-hoa để nói cho vai lão Trung-hoa bán đồ cổ lúc ông ta hội-kiến với vợ chồng Igor. Kề cả tiếng của cảnh-sát trường vai tôi đóng trong phim nữa là 3 giọng khác nhau. Chuyện đó tôi làm đã quen. Lúc thay tiếng phim « Lòng dân », một mình tôi phải nói thế cho vai chánh, vai anh chà đen và vai người Mông-cô. Sau này trong phim « Mort en fraude » của Marcel Camus

(Mạc-xen Ca-muy) quay bên nhà, tôi nói cho vai ông Cai-tổng già, vai người Trung-hoa bụng phệ và tên sát nhân hay thổi kèn harmonica. Trong mấy buổi thảo luận như thế, tôi có dịp gặp và nói chuyện với mấy đạo kép chánh như Jean Gaven (Săng Gaven), Dominique Wilms (Đô-mi-ních U-im-zô) Lise Bourdin (Li-zơ Buộc-đanh) Howard Vernon (Hô-va Vẹc-nông). Họ rất vui tính và tử tế. Đêm đó, làm việc đến 12 giờ khuya mới xong. Lui ra về, ông André P. bảo tôi đợi vài hôm lúc họ quay xen cuối cùng họ sẽ báo trước cho tôi.

Tôi đóng vai ông già Trung-hoa

Sáng hôm sau, tôi định « nằm nướng » giấc sáng, nhưng chuông điện thoại reo ầm. Ông phụ tá nói rằng phải quay lại cảnh tại tiệm bán đồ cò. Mà ông André P. thấy rằng hiện nay, trong lúc gấp rút không thể lựa kịch sĩ nào khác đóng vai ông già Trung-hoa vì đang mùa hè, ít người còn ở lại Ba-lê và Studio chỉ thuê được đến cuối tuần tới. Họ muốn nhờ tôi đóng luôn vai ông già Trung-hoa.

Tôi không thích lắm. Vì có một « xen » tôi đóng vai Cảnh-sát trưởng vào làm biên bản tại nhà bán đồ cò đó, rồi hôm nay cũng trong cảnh đó tôi lại đóng vai ông già Trung-hoa, khán-giả thế nào cũng thấy rằng người đóng Cảnh-sát trưởng và ông già Trung-hoa là một. Nhưng thấy ông André P. tử tế muốn làm vui lòng ông, hai nửa là trong lòng cũng muốn thử coi mình có thể đóng một vai khác cùng trong một lúc chẳng. Tôi liền đi vào Epinay. Đến cho họ gắn râu giả, và dặm mặt. Tóc tôi bồng bạc hoa râm, râu le the mấy sợi vừa mọc ở mép và cằm; khi mặc quần áo Trung-hoa xúng-xính vào, tôi thấy mình là một người khác hẳn. Ông André P.

bằng lòng lắm và ngay hôm đó quay cảnh ông già Trung-hoa tiếp Igor và Monique. Còn một cảnh nữa lúc ông già Trung-hoa từ trong biệt thự của bọn bán súng lậu đi ra, bị một người thân tín của đại úy Brisset theo rình, nhưng đến một ngã tư có chiếc xe hơi chạy lại, đậu trước mặt ông ta, cửa xe mở, ông ta nhảy lên xe; xe mở máy chạy ngay, bỏ anh chàng kia đứng lại ngơ ngác.

Muốn quay xen đó phải đợi trời tối và vì thế mà tôi phải ở lại Epinay, dùng bữa tại một hiệu ăn gần phim trường rồi lúc trời nhá nhem tối, tôi mặc quần trắng, áo xanh sẫm, đội nón rơm đóng đoạn ông già Trung-hoa lên xe hơi. Vai ông già đó sao mà rắc rối thế! Lại quay bên Saigon đã có một người đóng vai đó rồi. Người ta không thấy mặt ông ta, nhưng thấy bộ dạng và cái ót lúc ông ta đến thương lượng bán bom vi trùng cho vợ chồng Igor. Rồi người ta thấy ông từ trong biệt thự đi ra. Lúc đó cũng người kịch-sĩ bên Saigon đóng. Nhưng khi đến khúc quanh, lúc nhảy lên xe hơi là tôi đóng. Cũng như khi ra chào Igor và Monique là tôi đóng, mà tấm hình làm quảng cáo treo trước cửa các rạp chiếu phim lại do anh bạn người Việt hôm đóng thử đứng chụp. Hôm đó, đoạn phim quay xong đã bỏ đi, nhưng sau mỗi « xen » có người nhiếp ảnh đến chụp các tài tử để có hình treo trước rạp, thì tấm hình đó họ còn giữ. Lúc bị bắn là ông già Mông-cò đóng cũng như lúc thấy nằm dưới đất. Tiếng nói của ông già Trung-hoa là tiếng của tôi. Thành ra chỉ một vai nhỏ đó mà đến 4 người đóng và cũng vì trường hợp cấp bách ấy mà các khán-giả quen biết có thể nhận ra tôi là người vừa đóng vai ông già Trung-hoa vừa đóng vai cảnh-sát trưởng.

(Còn tiếp)

TRẦN-NGUYỄN ANH-CA

B. N. C. I.



BANQUE NATIONALE pour le Commerce et l'Industrie

SAIGON

135, *Đài-lộ* NGUYỄN - HƯÊ
(ex Charner)

Téléphones : 21.902 — (3 Lignes)
22.797 — B.P. E 5

PHNOM - PENH

26, *Moha Vithei Preah Bat Norodom*
[Ex Doudart de Lagrée]

Téléphones : 385 et 543
B. P. 122

Bureau de Représentation

HONGKONG

8/8 A *Queen's Road Central*

Tel. 21.000 et 23.000

P. O. Box no 763

La B.N.C.I. et ses filiale possèdent plus de 1.000 sièges en France, dans les territoires d'Outre-Mer et à l'Étranger, notamment en A.O.F., A.E.F. Antilles, Colombie, Uruguay, Sarre — Francfort-sur-le Main (Bureau de Représentation), en Afrique du Nord, Irak, Syrie et Liban (B.N.C.I. « A ») ; à Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis-Abeba (Bureau de Représentation) (BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — OCEAN INDIEN) ; à Londres, Lagos, Apapa, Kano, Lubate Matta (British and French Bank) ; à Bâle (Banque pour le Commerce International) ; à Mexico (Banco del Atlantico) ; à Panama (Panama Trust Co. Inc.).

LÁ THƯ TRẢ LỜI CỦA Ô. PHẠM-THANH

L.T.S. Trong mục Điềm-sách trên Bách-Khoa số 67 ra ngày 15-10-59 ông Nguyễn-Phủ với lập trường của một người văn-ngệ, thiết-tha đến trách-nhiệm chung, đã lên án gay gắt cuốn « Thi-nhân Việt-nam hiện-dại » của ông Phạm-Thanh. Mới đây chúng tôi lại nhận được một bài trả lời tự thanh-minh của tác-giả « Thi-nhân Việt-nam hiện-dại ». Tôn-trọng quyền trả lời, chúng tôi cho đăng sau đây nguyên-văn bài của ông Phạm-Thanh để bạn đọc rộng đường phê-phán.

TỪ khi tập Thi-Nhân Việt-nam hiện-dại được phát-hành tới nay, tôi đã nhận được rất nhiều sự chỉ-giáo của các bậc trí-giả có tâm với văn-ngệ nước nhà, bằng thư riêng cũng như bằng những bài đăng trên báo, khen có chê có. Tất cả mọi sự chỉ-giáo tôi đều thành-tâm ghi-nhận dù đó là những lời ngợi khen khuyến-khích (Báo Gió Nam, Phụ Nữ Diễn Đàn, Đại Chúng) hay những lời chỉ-trích chê bai (Tự-Do).

Đọc tập sách của tôi, mỗi vị đã nhìn qua một lăng-trụ khác nhau, nên ý-kiến các vị nhiều khi rất trái ngược, nhưng tôi cũng đều hân-hoan thu-nhận ngổ hầu sau này có dịp tôi sẽ sửa chữa lại tập sách của tôi theo những lời chỉ-giáo xác-đáng.

Trong Bách-Khoa số 67 vừa qua, tập Thi Nhân Việt-nam Hiện Đại của tôi lại

được hân-hạnh Ông Nguyễn-Phủ đọc tới và đặc-biệt phê-bình.

Tôi xin thành-thực cảm ơn Ông Nguyễn-Phủ, cũng như tôi đã thành-thực cảm ơn các bậc trí-giả khác đã lưu-ý tới cuốn sách còn nhiều thiếu-sót của tôi, và tôi xin ghi-nhận tất cả những ý-kiến của Ông Nguyễn-Phủ tuy Ông Nguyễn-Phủ đã đọc sách của tôi qua một ống kính riêng của Ông.

Lẽ ra cũng như đối với các bài phê-bình trên các báo khác, tôi vui-vẻ nhận mọi sự chỉ-trích dù đúng hay sai, nhưng ở đây, tôi xin mạn phép độc-giả đề trần-tình đôi lời, vì e các bạn đọc qua bài phê-bình của Ông Nguyễn-Phủ sẽ hiểu lầm tôi.

Trước hết tôi xin nói tại sao tôi soạn tập sách này. Do là có một số bạn yêu thơ, muốn có thơ của nhiều nhà thơ nhưng không thể có đủ các thi-phẩm của các vị

này, nên ao-ước có một tập thi-tuyển. Soạn tập Thi-Nhân Việt-Nam Hiện-Đại, tôi không ngoài mục-dịch làm một tập thi-tuyển gồm nhiều các nhà thơ mới và cũ để các bạn yêu thơ tiện tra-cứu. Cũng vì lẽ đó nên tôi không hề phê-bình một tác-giả nào hay một thi-phẩm nào.

Tôi cũng biết trước trong sự lựa-chọn của tôi có sự lăm-lẫn, nên khi soạn tập sách này tôi đã nhờ một số các văn-hữu lựa-chọn giúp và cho tôi tài-liệu về các thi-nhân. Tuy vậy khi sách in xong, với sự chỉ bảo của nhiều văn-hữu, tôi cũng thấy hãy còn nhiều điều lăm-lẫn, nên tôi đã yêu cầu nhà sách in một bản đính-chính kèm vào tập sách. Có lẽ vì một sự không may, nên tập sách ông Nguyễn-Phủ đã không có bản đính-chính đó. Riêng về thi-sĩ Quách-Thoại, những tài-liệu tôi đã lấy trong tập Lược-sử Văn-Nghệ Việt-Nam của Thế-Phong, và tài-liệu đăng trong báo Sinh-Lực. Thật tình tôi không hề có ý xâm-phạm tới hương-hồn của thi-sĩ, nhất là làm tổn-thương tới danh-dự của nhà thơ đã khuất.

Về các nhà thơ có tên trong tập sách, tôi cũng bàn kỹ với các văn-hữu trước khi đặt vào tập sách, nhất là những nhà thơ chưa có tên tuổi lắm.

Có lẽ quan-niệm về thơ mỗi người mỗi khác cho nên một số các thi-nhân mà tôi lựa-chọn không được sự đồng-ý của một đôi nhà phê-bình, nhưng tôi thiết nghĩ, đây chỉ là một cách khuyến-khích các bạn yêu thơ sáng-tác. Riêng về mấy thi-nhân mà những giòng thơ đã được Ông Nguyễn-Phủ đọc kỹ và trích trong bài phê-bình, tôi xin đề các thi-sĩ đó tự trả lời nếu các vị đó xét cần.

Về ảnh các nhà thơ, tôi xin nhận hoàn-toàn lỗi về phần tôi. Chính tôi đã đi xin ảnh các nhà thơ, nhưng nhiều vị quá khiêm-nhượng không muốn đưa, khiến tôi đã tự ý bóc lấy những ảnh của họ đang dán trong album hoặc đang lồng trong khung mang về đem in. Thực tình không ai có ý muốn trưng ảnh của mình. Buộc tội họ như vậy thực là tội-nghiệp.

Còn về bài diễn-thuyết của thi-sĩ Vũ-Đức-Trinh, tôi chỉ có ý cho đăng vì quan-niệm về *thi-sĩ* và *thi-phẩm* của tác-giả. Nếu Ông Nguyễn-Phủ buộc tôi có dã-tâm dùng bài đó làm một tấm mộc che đở cho những sự thiếu sót của Tập Thi-Nhân Việt-Nam Hiện-Đại, tôi không dám trách, nhưng riêng về phần tôi, thực tâm tôi không bao giờ có ý ấy. Còn về những ý-kiến của thi-sĩ Vũ-Đức-Trinh, tôi chắc rằng các bạn đọc đã tự phê-phán lấy, và nay có lời phê-bình của Ông Nguyễn-Phủ, họ sẽ so-sánh sự phê-bình của Ông với sự phê-phán của họ.

Sau hết về vấn-đề tài-chính, Ông Nguyễn-Phủ bảo tôi là một con buôn đi thu-thập các thi-phẩm để kiếm lời. Tôi xin nói rõ là tôi không soạn Tập Thi-Nhân Việt-Nam Hiện-Đại vì lợi, và chính ra Tập Thi-Nhân Việt-Nam Hiện-Đại cũng không mang lại một mồi lợi nào cho tôi về phương-diện tài-chính. Tôi xin nhắc lại, tôi chỉ cầu mong soạn nên một tập thi-tuyển để có ích phần nào cho các bạn yêu thơ.

Trước khi ngừng bút, tôi xin một lần nữa cảm ơn Ông Nguyễn-Phủ đã lưu-ý tới tập sách thiếu-sót của tôi, mặc dầu Ông đã lưu-ý qua một lảng-trụ đặc-biệt của Ông, và tôi xin ghi nhận tất cả những điều Ông đã nêu ra.

PHẠM-THANH

GIAO - THÔNG NGÂN - HÀNG

BANK OF COMMUNICATIONS

Địa chỉ (Adresse)

Hãng Chính (Siège Social)

ĐÀI - BẮC — TRUNG - QUỐC

Phân-hãng Saigon (succursale de S aigon)

87, Đại-lộ Hàm-Nghi (Bd de la Somme), 87

Điện-thoại 21.549 và 24.547

AGENCE DE CHOLON

158, Đại-lộ Khổng-Tử (Bd Gaudot)

Điện-Thoại : 36.268 và 36.269.

Danh sách điện báo : COMMUBANK



Các hã*ng* Đại - lý thiết lập trên các thành thị lớn khắp thế giới, chuyên doanh tất cả các nghiệp vụ ngân hàng : và có t*ủ* bảo hiểm cho thuê, mỗi t*ủ* tiền thuê mỗi năm từ 300\$ đồng trở lên.

THE CHARTERED BANK

Anh-Quốc Ấn-Chiều Ngân-Hàng

(Thành-lập tại Anh-Quốc do ấn-chiều năm 1853)

SỐ VỐN : 5.000.000 Anh-kim

DỰ TRỮ : 5.500.000 Anh-kim



Luân - Đôn Tổng - Cục

38, Bishopsgate, London E.C.2



Saigon Chi - cục

CHI - CỤC CHÁNH : 3 Đường Võ-Di-Nguy

CHI - CỤC PHỤ : Đại - lộ Thống - Nhứt
(Nhà dầu Standard Vacuum Oil Co.)



Nam - Vang Chi - Cục

10, Phlaur Preah Kossamac



*Chi - nhánh thành - lập tại các
nước Viễn - Đông*



Phụ-trách tất cả các công việc ngân-hàng

Có Đại-diện khắp hoàn-cầu

NƠI THÔN-DÃ

Nguyên-tác của Alberto Moravia

Bản dịch của VŨ-ANH-TUẤN

Ít dòng về tác-giả. — Alberto Moravia sinh tại La-mã (Roma) năm 1907, trong một gia-đình giàu sang, quý-phát. Vì lâm bệnh nặng, Moravia phải bỏ dở việc học và qua Thụy-sĩ dưỡng bệnh mấy năm. Năm 1926, ông cho xuất-bản cuốn tiểu-thuyết đầu tay « Gli Indifferenti » (Những kẻ lạnh-lùng), trong đó ông tả một thanh-niên hư-hồng, bi-quan chán sống và thích công-kịch lớp thượng-lưu trưởng-già Roma. Cuốn tiểu-thuyết tự-ký-tượng (autobiography) này rất thành-công.

Bốn năm sau, ông cho xuất-bản cuốn tiểu-thuyết thứ hai, « Le Ambizioni Sbagliate » (Những tham-s vọng điên rồ). Cuốn này ít thành-công, nhưng cũng được nhiều nước nghênh-đón, nhất là tại Pháp và tại Mỹ.

Moravia từ đó còn xuất-bản nhiều truyện ngắn, tùy-bút, tiểu-luận ; nhưng không có tập nào sánh được với hai tác-phẩm đầu về tính-chất phong-phú cũng như tính-chất « trường hơi » của nó.

Khi La-mã bị quân Đức chiếm đóng, Moravia chạy loạn, tản-cư đến những miền núi. Và ở lại đó tám tháng trời để chờ ngày giải-phóng La-mã. Chắc-chắn thời-gian đó đã gợi hứng cho ông viết những trang sau đây. Trong suốt mấy tháng quân Đức chiếm đóng La-mã, tại các miền núi xứ Ý, không còn có luật-pháp nào được tôn-trọng nữa và biết bao nhiêu chuyện đã diễn ra, kinh-hãi và chán-chường !

CHIẾC xe hơi dừng lại và bọn họ xuống khỏi xe. Nơi đây, con đường chạy dài theo hẻm núi man-rợ, heo-hút. Hai bên là vách núi đá lởm-chổm tiếp-giáp nhau và có độ cao trung-bình. Phía bên kia, cánh đồng - bằng lứt - lụi, mênh-mông một làn nước xám-xịt và đông-đặc, rải-rác những lùm cây, bụi cỏ. Đó đây, nhô lên những bóng buồn của một lâu-dài đồ-nát, tường lở vách xiêu. Hẻm núi cũng

vậy, ngập nước đông-đặc ; nhưng ở phía đây, chỗ hai vách núi giáp nhau, có một làn khói xanh bay lên lưng-chừng núi, rồi ngưng đọng ở đấy. Thoạt trông, cứ tưởng là khói của trại than nào trong núi ; nhưng nhìn kỹ mới nhận ra một túp lều ẩn dưới mái rạ đen. Mặt trời vừa lặn, từng đám mây lạnh phủ cả chân đất lẫn chân trời ; không-khí ngừng lưu-động và như tê-buốt. Giữa miền đồng-bằng lứt và thuơng-lúng ấy,

một giải nhựa thanh-lịch của con đường vẽ thành chữ S còng-quẹo làm liên-tưởng đến một con rắn đang chạy trốn.

— Chắc phải đẩy xe tới cái lều ấy, người thanh-niên trẻ tuổi vừa trò dăm khói bay lên ở đáy hẻm núi, vừa nói. Ở đó, người ta có thể cho cả thùng, cả nước. »

Thiếu-nữ quay mặt cúi-có lại với người thanh-niên. Khuôn mặt thiếu-nữ tròn và trẻ ; miệng nhỏ, mũi bé mà hơi quặp ; hai mắt đen mờ to. Nàng cao lớn, vận chiếc măng-tô bằng len ê-cốt làm nổi bật cặp giò và bộ ngực của nàng. Thiếu-nữ không đội nón. Bộ tóc quăn mà dài phủ trán và đôi má nàng.

— Anh không thể tìm đâu ra nước nữa, đề khỏi lên trên kia sao ? Nàng hỏi, giọng nũng-nịu.

— Tìm đâu bây giờ được ? người thanh-niên đáp. Y có lẽ chưa quá 25 tuổi, mà mặt đã có đường nhăn, ria mép đen tua tủa và nói giọng mũi ồ ồ, chứng tỏ sức mạnh của tuổi tráng-niên đang độ phát. Y vận chiếc « quần - cụt - chơi - banh », một chiếc áo kẻ-ô-vuông, một áo nịt bằng da, chân mang vớ thề-thao màu sặc-sỡ và đầu đội bê-rê sụp xuống nửa trán.

— Cố tìm xem, nàng nhún vai đáp.

— Với gì, với hai tay không này được ư ? Người thanh-niên hỏi vặn.

Thiếu-nữ hết nói gì nữa ; nàng nhìn chung-quanh và tỏ vẻ bất-mãn. Bỗng nàng trề môi, nói :

— Bao giờ cũng vậy hết ; dừng lại đề hỏi có hay không, đề sắp sửa đi tìm ba lần không được gì trong một căn nhà của dân quê, rồi giữa đường thì anh bao giờ cũng cố nài cho bằng được một chiếc hôn.

Người bạn đường của thiếu-nữ lắc lắc cái đầu, mà xem chừng khoái với lời tố-cáo đó của thiếu-nữ.

— Lại đây nào Ornella— y giả vờ nghiêm trang nói, giọng cưỡng-bách — Lần này thì anh thề là chúng mình đi tìm nước thật sự... tìm bằng được với bất cứ cách nào. Rồi liếc nhìn chiếc đồng hồ vàng đeo nơi cổ tay, y tiếp : chúng mình không còn mấy thời-giờ nữa đâu nếu muốn về cho kịp giờ ăn cơm chiều. Nào, quyết-định đi ; hay em đợi anh ở đây, nếu vừa ý em hơn.

— Vâng, được ! Nàng kêu lên với giọng gây lộn, anh cứ việc bỏ em một mình cho bọn lính nó đi xe ngang qua, nó chọc ghẹo em như sáng nay chứ gì... Trong lúc đó thì anh « cà-riêng cà-tỏi » với người dân quê ; anh lục vấn đủ chuyện, rồi anh quên cả em đang một mình ở kia...

— Xem nào ! Em không muốn chờ anh ở đây vì em sợ bọn lính phiền-nhiều... Em lại không muốn đi theo anh vì em sợ anh hôn... Vậy thì em muốn sao đây, tính xem nào ?

— Em sẽ đi với anh, nàng bỗng nói với thứ chiều-chuộng bất đắc-dĩ, nhưng anh phải hứa là sẽ ngoan hơn.

— Anh thề với em đó.

— Nào, chúng ta đi.

Gã thanh-niên đóng cửa xe lại rồi đặt chân lên con đường dẫn tới túp lều. Thiếu-nữ đi theo gã, bước từng bước khó khăn trên con đường đá gồ-gề.

— Anh tự nghĩ, gã quay lại nói với thiếu-nữ, không biết những người nhà quê ở túp lều đó sống bằng gì. Cả chục cây số đất quanh đây chẳng có trồng-trọt gì ráo.

vì đồng ruộng ngập lụt... Thật quả là kỳ-bí, anh chẳng hiểu được chuyện đó mấy may nào hết.

— Họ sống bằng cách cho vay lãi, thiếu-nữ đáp, và bấu lấy tay áo của gã thanh-niên cho khỏi té.

— Anh đã bảo em rồi Ornella ạ, gã nói với giọng trách móc, anh không ưa em cười nhạo những dân quê cực-khò ấy. Tuy em không thiếu những động-lòng trắc-ân... Anh quyết chắc thiên-hạ sẽ bảo là em chủ bụng nói với ác ý !

— Em van anh có một điều, nàng tiếp và giả vờ như không nghe gã nói gì hết, là đừng có « cà riềng » lâu hằng giờ với người dân quê... Em không thể làm khổ họ như thế được.

— Thế là có lỗi, em phải hỏi chuyện người ta, gã đáp. Khi nói chuyện với họ, ta học được một mớ những điều hay.

— Có lẽ chỉ hay cho mình anh đó thôi.

— Thế em không biết chúng ta cần phải thân dân sao ? gã nói nửa đùa nửa thực.

Cả hai đã đi được nửa đường. Bấy giờ họ có thể trông rõ làn khói xanh bay lên không phải từ một ống thông khói mà từ một lỗ hồng khoét trên phía máy rà của túp lều. Con đường nhỏ mờ dần ở phía xa, giữa đồng đá vụn và các lùm cỏ. Sâu phía dưới chân họ độ chừng 50 mét, nước — đầy ắp, cả đáy thung — không phản-chiếu bầu trời mà chỉ để hiện ra cỏ thưa thớt phủ nền đất. « Quả là thô-kịch ! » thiếu-nữ rùng mình nói và liếc nhìn quanh nàng.

Tự đỉnh của một ngọn núi, một con chim đen vừa đáp xuống đáy thung, hai

cánh giăng ra, run run nhẹ như con diều giấy được gió.

— Kề gì, anh bạn đường của thiếu-phụ đáp, bọn mình đâu có nhầm chọn nơi đây.

Nói xong, gã quay lại, quàng tay ngang thân người thiếu-nữ rồi kéo nàng sát vào thân gã.

Ồi ! Anh đã thề là sẽ ngoan mà !

Gã mỉm cười và thử cố hôn thiếu-nữ. Nàng úp lòng bàn tay vào mặt như đẩy gã ra, đồng-thời nhăn mặt lại, hung-dữ và ghê-tởm. Nhưng bộ-tịch và cử-chỉ làm lệch-lạc cái mặt đẹp ấy, chỉ là một thứ làm duyên không hơn không kém. Nói một cách máy móc, là nàng « làm bộ » đó thôi. Mặc cho tay nàng úp vào mặt, gã kia vẫn áp được môi y vào với môi thiếu-nữ. Nàng bấy giờ đòi chiến-lược và bắt đầu dăm túi bụi vào mặt gã. Nhưng những cú dăm kia nhẹ quá nên không tin được. Cái phản-uất cũng như cái chống-đối hồ ầy chỉ là giả-tạo. Cuối cùng nàng hết tự-vệ và để mặc gã hôn bằng thích. Nàng nhắm mắt lại, âu-yếm quàng tay qua cổ người bạn đường.

— Rĩa gì làm đau tẻ ! Nàng bỗng nói khi cả hai môi buông nhau ra.

— Chưa tẻ bằng sáp môi của em, gã đáp, chùi miệng và ngấm những vết đỏ làm lấm chiếc khăn lau.

Cả hai lại nhắm đi tới túp lều. Bấy giờ đã được ba phần tư đường. Con đường xa quá đối với họ ; mà chiếc xe hơi đen, nhỏ, nằm bất động bên hồ trong cái chập-choạng của hoàng-hôn, lại càng xa nữa. Bọn họ rào mắt khắp một lượt cánh đồng-bằng rộng lớn, ngập lụt và thấy còn một số lớn

những bụi rậm, lùm hoang và những căn nhà đồ nát phản-chiếu xuống làn nước xám xịt, đông-dặc.

Gã đi núng na núng nính trước thiếu-nữ, với một vẻ khiêu-khích đến độ làm nàng tức bực.

— Anh thực đáng để tôi quay trở lại và để mặc anh đi một mình, nàng dừng lại nói, chân dậm xuống đất bành-bạch.

— Thách đó !

— Em quay trở lại thật cho mà coi !

Nàng quay gót, lão đảo đi trở xuống. Gã thanh-niên níu nàng lại, cầm lấy cánh tay và nhìn nàng với điệu cắc-cớ lẩn khinh-khi, nói :

— Ornella, tại sao em bao giờ cũng muốn quan-trọng-hóa mọi vấn-đề ?

— Vậy tại sao anh cứ hôn em ? Nàng hỏi, sẵn sàng nhượng bộ.

Họ đã tới căn lều. Đó là một căn lều bằng đá ráo, máy lợp rạ đen thấp trệt, hầu như chấm đất. Cửa chính không khác nào cửa đường hầm khoét trong vách đá, và toàn cảnh có vẻ một hang thú hơn một nơi ở của con người. Một cây khô, thân bị tróc vỏ và cành bị chặt cụt, té nghiêng trên lều. Vài ba cái bình ám khói đen và sứt mẻ, hai ba cái tách và một cái vò bằng đất sét treo quai vào cành cây. Một cái búa cầm lưỡi phập vào cây.

Nhưng cảnh-tượng kỳ-quái của thân cây khúc-mắt và trụi vỏ ấy lại là cái sợ trắng hếu của một con vật treo lơ lửng vào cành cây cao nhất. Những chiếc răng dài và trắng hếu nhọn-nhát nổi bật vào nền trời mùa đông ảm-đạm. Những hài-cốt khác — như xương sườn, xương sống, xương bắp chân — treo lủng-lẳng trên nền

đất, trước lều. Tại chỗ này, một vòng tròn đen trong đó thấy những cục than đã tắt và hai ba đồng củi nằm đen ; phải là nơi đốt lửa và phải là có người tụ họp xúm quanh.

— Chúng ta tính sao đây ? thiếu-nữ chán nản nhìn quanh rồi hỏi.

— Gõ cửa và bắt gia-chủ tiếp, gã thanh-niên đáp bằng giọng thỏa-mãn. Rồi gã dấn vào cửa.

Bỗng cánh cửa mở, trước còn có vẻ do dự một tí, sau mở tung ra. Nhưng chẳng thấy gì hiện ra trong hầm nhà đen tối ấy cả.

— Ê ! gã thanh-niên thét lên, giọng tức tối, và nghiêng mình cố xem phía trong lều có ai không ?

— Vào, mời ông vào, một giọng nói inh tai và mừng rỡ đáp lại.

— Nè, vào ! gã thanh-niên nói.

— Vào trong ấy sao ? Anh chẳng suy xét gì cả ! thiếu-nữ kinh tởm đáp.

— Đừng kiếm chuyện nữa nào, gã nói, cầm lấy cánh tay thiếu-nữ.

Nàng vâng lời và cúi xuống để đi qua cửa. Gã theo sau.

Cả hai đứng lặng một lúc, quay lưng vào cửa. Một đóm lửa tàn leo lét cháy dưới nền đất, giữa căn lều, dưới một thứ kiềng sắt ; thiếu-nữ thấy, với một lo ngại không đâu, nhiều chiếc mặt chập chờn qua ánh-sáng lửa soi không đều nhau. Đó là những chiếc mặt của những đứa trẻ trai, có làn da sần-sùi, nét mặt sưng húp, mắt him-him và tóc bờm-xồm dính kết với nhau như thề đã được ngâm vào keo. Bọn trẻ chen chúc nhau quanh mẹ chúng và yên-lặng nhìn hai khách lạ. Bà mẹ, nghiêng

minh về phía trước, lấy thìa khuấy vật chứa trong soong. Khi thiếu-nữ đưa mắt nhìn bà ta; nàng không thể không rung mình ghê sợ.

Mặt bà ta giống hệt mặt con búp-bê bằng giẻ dòn mặt cưa, bị dầy vò quá sức mà trở thành đen-diu và méo mó. Hai con mắt bé, sáng một cách lạ, biến mất trong « đại-dương » của những vết nhăn, ở chính giữa cái mặt béo bự, sưng húp. Hai cái má đỏ lại càng đỏ hơn qua ánh-sáng của bếp lửa. Một cái răng vàng khè mà dài chìa ra khỏi miệng há hốc đang tựa như mỉm cười một cách mơ-hồ. Tóc bà ta bù-xù. Trong khi đó, mặt bà ta phản ánh một thiện-tính tự-nhiên lẫn với một thứ khiêu-kích đến làm cho người ta bối-rối.

— Chào ông, chào cô ! Bà ta lặp lại với cái giọng nói im tái.

— Bà là chủ căn nhà này sao ? Gã thanh-niên thăm dò. Gã cũng vậy, bối rối trước cảnh-tượng của người đàn bà này, nhưng gã không muốn để bại lộ.

— Chúng tôi không còn nhà, bà ta kêu lên, với nét mặt vui mà hung hãn. Quân Đức đã phá hủy rồi ; chúng nó đã làm ngập lụt cả trai-mạc, bắt cả trâu bò, cướp giết hết những gì chúng tôi có. Đây là

chuồng dê đó, thưa ông ạ.

— Bây giờ bà làm gì ? Gã hỏi. Cô thiếu-nữ thấy tái diễn cái trò điều-tra bất tận của anh bạn đường, nên tỏ dấu buồn bằng một cái nhăn mặt và thích cùi tay nhẹ vào người gã. Nhưng gã lắc đầu, như muốn nói với nàng rằng : « Đề yên nào ! » Nàng ngược mắt lên trần nhà, thở dài.

— Làm gì ư ? Bà nhà quê trả lời. Không biết làm gì nữa... Chồng tôi

bị sốt rét, không thể làm được gì hết. Các con tôi không có quần áo, cũng không có giày dép... » Bà ta chỉ những manh áo rách và những chân không giày dép và bàn-thiêu của mấy đứa con. « Hôm nay không còn bột nữa. Xem đây ! » Đoạn bà ta đứng dậy và đi tìm trong xó một cái xác rỗng, giữ mạnh trên không, làm

bay ra một đám mây bụi trắng xóa.

« Hết, xác rỗng tuếch ! » bà ta nói với giọng thỏa-mãn. Rồi quay mặt tươi cười lại với thiếu-nữ, bà thêm : « Rồi sẽ làm gì đây ? Chết đói, chắc chắn... »

— Bà bảo bà sắp chết đói, gã thanh-niên nhắc lại, đang hoàn-toàn mải-mê vào



câu chuyện. Nhưng, thử xem lại nào... bà không thể đi kiếm miếng ăn mà bà có quyền tìm kiếm trong làng gần nhất đây chăng ?

— Làng gần nhất ở đây đã bị dội bom tan nát, bà ta thét to lên ; bom đạn đã tiêu-hủy mất rồi. Còn nơi khác, với chúng tôi thì không có gì dễ mà kiếm được... Ai có tiền thì nấy kiếm được... Chúng tôi không có tiền ông ạ.

— Thế mà trông các con bà không có vẻ đói ăn... cả bà nữa cũng thế, gã nói.

Quả thật, mẹ đàn bà tuy dơ bẩn, nhưng có vẻ được ăn no nê lắm. Bốn đứa trẻ nữa, có vẻ được « ních » đầy bụng.

— Nếu chúng tôi được ăn no nê, là bởi nhờ mấy trẻ xoay xở, kiếm miếng ăn, mẹ ta đáp, mặt trông tươi-tinh gấp đôi.

— Chúng nó xoay thế nào ?

— Thưa ông, chúng đi ăn trộm, mẹ nói to, ra vẻ khoái chí lắm. Thế mà trước đó một lúc, mẹ nói là sắp chết đói.

— Chuồn đi, anh ơi, thiếu nữ nói lầm bầm, có vẻ sợ hãi lắm. Nhưng anh bạn đường không để ý tới.

— Chúng ăn trộm những gì ? Gã hỏi.

— A ha... trộm bất cứ cái gì. Chiên, bồ trong nui chẳng hạn ; hôm nay... chúng ăn trộm được mấy con dê và mấy con cừu... vừa khi trời chập choạng tối...

— Thế bọn mục-dồng đâu ? gã hỏi, chúng không để ý gì đến dê cừu sao ?

— Sau rồi chúng nó mới biết... Này nhé : tối đến, bọn mục-dồng nhốt thú vào chuồng, nhưng các con tôi sẽ đến mở cửa chuồng ra, vào lúc đêm.

— Có ngày bọn chúng sẽ bắt cho đầy, người thanh-niên nói, giọng nghiêm-khắc.

— Bất sao được ?

Vì ở đây không có tuần canh !

Mẹ đàn bà thích-thú tốt độ. « Còn như bọn lính sen-dăm thì đói, bà ta nói thêm và thét to lên như thế gã này điếc. Lính sen-dăm đói, như mọi người... Mọi người đói hết cả...

— Nhưng ăn trộm là xấu lắm, là phạm-pháp, gã nhấn-mạnh.

— Ăn trộm là xấu, mẹ trả lời, với giọng âu-yếm ; nhưng để chịu chết đói còn xấu hơn nữa, ông ạ.

— Chuồn đi nào, chuồn đi, » thiếu-nữ nói. Nàng nói hơi lớn tiếng và mẹ đàn bà kia nghe được. « Cô không thích túp lều này phải không, cô ? Mẹ ta thét lên với nàng, nhưng đây là miền thôn-dã, cô nên thương và tha thứ cho chúng tôi... tha-thứ và thương lấy chúng tôi.

— Cô ấy vội, bởi vì chúng tôi phải về nhà trước tối, gã thanh-niên cắt nghĩa.

— Cô đẹp quá nhỉ, mẹ đàn bà nói, cô lại ăn vận lịch-sự nữa... Cô khó chịu lắm sao, cô ? »

Gã thanh-niên định chấm dứt câu chuyện.

— Chúng tôi tới đây xin bà, nếu có thể, cho chúng tôi một cái thùng và chỉ giếng cho chúng tôi, gã nói, chúng tôi cần ít nước đổ vào máy phóng-nhiệt (radiateur).

— Một thùng chứa nước... có ngay ! mẹ đàn bà hét to. Nước có tổn hại gì ». Rồi mẹ đứng lên, đi tìm thùng ở cuối lều. « Ông phải lại giếng mà múc nước, mẹ nói, ở gần cuối phía đường kia kìa ; tại đó ông sẽ gặp chồng tôi và ông giúp anh ». Rồi mẹ đi lại phía cửa mà gọi, bằng một giọng vừa than tiếc vừa kéo dài ra :

« Alfredo ! » Một thứ tiếng đàn ông, không kém phần than-tiếc, ở đằng xa đáp :
« Leonida ! » Rồi im vắng ngự-trị trở lại.

— Thưa ông, đằng kia, mẹ đàn bà vừa nói vừa trao thùng nước cho gã, lại đằng kia, chồng tôi đang đợi ông bên giếng... ông lần theo con đường sau lều này ; còn cô ấy nên ở lại đây, mẹ ta vội-vàng nói thêm, vì đường khó đi lắm... cô ấy có thể ngồi đây tưới ẩm để chờ ông ».

Gã thanh-niên đã thò đầu qua khỏi cửa, nghiêng mình nhìn thiếu-nữ. « Anh tưởng em ngồi đợi anh ở đây thì tốt hơn, gã nói, vì chẳng phải đợi lâu đâu ». Thiếu-nữ muốn cự-tuyệt, nhưng nàng không đủ thời-giờ để làm việc ấy.

« Mời cô ngồi xuống đây », mẹ ta nói, chùi lệ chiếc ghế đặt trước bếp lửa. Gã bạn đường của nàng đã đi rồi, nàng không dám đi theo. Nàng dành ngồi xuống ở một góc ghế, làm bộ giữ khỏi bàn quần áo. Lập tức mẹ đàn bà đóng ập cửa lại. Túp lều trở nên tối om. Ánh lửa yếu chỉ đủ soi cái kiếng và đồ vật chung-quanh.

— Trời ảm đi cô, mẹ đàn bà nói. Mẹ bận-bịu cái gì ở cuối lều. Tựa vào với nhau như một đồng đồ vật và giẻ rách, bốn đứa trẻ ngăm nhìn thiếu-nữ. Nàng mở ví đeo nơi tay, lấy ra một hộp đựng thuốc lá và một hộp quẹt, châm một điếu thuốc, rồi cắt cả vào ví ; nàng nghiêng mình về phía trước, vắt tréo chân lại. Mẹ đàn bà ở trong xó lều bước ra với một ôm củi nhánh và một cái riu. Mẹ đặt riu xuống trên ghế và liệng củi nhánh xuống xoong, giữa những cục lửa đang đỏ hồng. Rồi mẹ áp bụng sát nền đất, má kê vào viên gạch lấm bùn, mà thổi lửa vù vù. Nhánh củi bé bắt cháy và những lưới lửa không

mấy chốc đã bùng liếm hồng xoong đen thui. Tàn lửa nổ lách tách trong cái tranh tối tranh sáng của túp lều.

— « Đã ảm chưa nào, mẹ đàn bà kêu lên vui vẻ, cô thích lửa ảm, phải không cô ?... Lửa ảm, như thế cô khỏi lạnh... Cô trao ví cho tôi đi, cô ? » Những lời cuối cùng này cũng thốt ra y như giọng nói của những câu trước. Thiếu-nữ nhìn mẹ, tái mặt và hai môi bắt đầu run lập-cập :
« Ví tôi sao... làm gì vậy ? »

— Nhưng tôi đã thưa với cô, mẹ ta nói, mặt tươi lên, đã thưa với cô là ở đây, chúng tôi ăn cướp... Tại sao cô lại muốn câu chuyện xảy ra khác đi ở nơi đây ? » Rồi mẹ nghiêng người về phía thiếu-nữ, giật lấy ví của nàng đặt trên bập vế, mở ra và dốc hết mọi cái đựng trong ví xuống đất. Hộp đựng thuốc lá, hộp quẹt, cây sáp môi, hộp phấn mặt và những vật khác rơi là tả xuống đất. Một đứa bé, hoa mắt trước vẻ chói-lộng của những châu-ngọc ấy ; đưa tay ra như để đỡ lấy. Mẹ nó đánh cho một chiếc vào đầu — không đúng là chiếc bạt tai hay một chiếc dăm, mà là một cái gì gần như thế : giống như sư-tử mẹ cào cào sư-tử con. « Bỏ tay ra ! » Rồi mẹ quay về phía thiếu-nữ, hấp-tấp hỏi : « Có bằng vàng cả không, cô ? »

Thiếu-nữ bỗng kêu : « Mario, Mario », và định co giò chạy. Nhưng mẹ đàn bà đã chặn trước. Mẹ cầm lấy riu và đứng ngáng giữa cửa và thiếu-nữ.

— Tại sao kêu gã, cô ?... Gã còn ở ngoài giếng với chồng tôi. » Mẹ nhìn thiếu-nữ một lúc xem nàng đã hiểu chưa, rồi mẹ nói tiếp, bằng giọng vui vẻ :
« Chồng tôi có súng. »

Thiếu-nữ không nói gì hết. Nàng nhìn mẹ, đưa tay lên miệng, cắn.

— Ngồi xuống, cô, mẹ nói tiếp, nhưng trước hết cô hãy lột áo choàng ra... Tôi cũng cần có áo ấy. » và mẹ vờ chạm tới cổ áo choàng.

— Không, để tôi cởi một mình, thiếu-nữ đáp. Nàng vội mở hàng khuy lớn bọc vải, cởi giải lần lượt trong và cổ kéo áo choàng ra. « Chờ một tí, cô — mẹ kêu lên, tiến sát bên thiếu-nữ — chờ một tí, để tôi giúp cô .. » Bất-chấp những hành-động bỏ lửng của thiếu-nữ, mẹ lột áo nàng ra rồi vắt vào cánh tay, như một nữ bồi-phòng quen làm việc. « Bây giờ cô hãy cởi nốt đôi giày của cô nữa, cô ạ, đôi giày của cô... »

— Nhưng mà, — thiếu-nữ đáp, tái xanh mặt mũi và run lên như cây sậy — tôi đi làm sao được ?

— Không sao đâu, cô tin tôi ; các con tôi đều đi chân không cả đây... khi về nhà, cô lại mua đôi khác. »

Thiếu-nữ bấy giờ còn lại chiếc áo len có ống tay và cổ áo trắng. Nàng ngồi trên ghế và nghiêng về phía trước, sẵn-sàng cởi giày, đôi giày thêu-thêu màu nâu, để cởi-rép. « Có để tôi giúp cô. » Mẹ quỳ xuống nền đất, cầm một chân của thiếu-nữ, lột nhẹ chiếc giày với những móng tay dày và bám đất của mẹ, rồi đặt chiếc giầy cạnh mẹ. Mẹ lột chiếc giày kia cũng theo một lối ấy, nhưng lần này mẹ không thể không ngắm nghía chiếc giày một lúc qua ánh lửa. « Sao lại có cái chân đẹp đến thế này ! Mẹ vừa nói vừa sờ cái chân cong cong của thiếu-nữ. Chân của cô bé, đẹp làm sao chứ !... Và đôi vớ lụa của cô nữa, cô ạ, mẹ nói tiếp, quay cái mặt

tỏ vẻ cầu-khẩn lại với thiếu-nữ, cô không cho tôi đôi vớ của cô sao ?

— Lấy, lấy hết đi ! thiếu-nữ kêu lớn, thỉnh-linh khóc như đẹn-dại, mặt úp vào cánh tay, toàn thân run lên theo những Tiếng nấc nở.

— Phải đấy, cô ạ, cô cứ khóc đi, đỡ khổ cho cô nhiều... Tôi cũng đã khóc vậy, khi quân Đức lấy chút vàng còn lại của tôi, và sau đó tôi thấy đỡ khổ hơn.

— Lấy đi, lấy hết đi », thiếu-nữ lặp lại. Mặt vẫn úp vào cánh tay và vẫn cứ nấc nở ; một tay nàng vén gấu váy, giờ chiếc đùi đẹp bó sát trong lụa tới phía bắp lữa, rồi luồn ngón tay dọc theo đùi mà tháo giày nịt. Mẹ đàn bà, vẫn quỳ, ngậy người nhìn nàng tháo vớ, hai tay giờ lên và xòe ra, như để chứng tỏ rằng mẹ không có ý dụng tới nàng, mẹ để mặc nàng tháo một mình. Khi đã tháo chiếc vớ ở chân trái và đang tuột đến mắc cá, thiếu-nữ bắt treo chân lại, rồi tháo chiếc tất bên phải cũng theo lối ấy. Xong đầu đó, thiếu-nữ úp mặt vào hai cánh tay, yên-lặng, với thái-độ thất-vọng, váy vén lên tận đầu gối, hai chân duỗi thẳng ra như để nộp đôi vớ đang lủng-lẳng đeo nơi mắt cá, chỉ còn chờ lượm nữa là xong.

— Cám ơn cô, cám ơn nhiều lắm, mẹ đàn bà nói bằng giọng đầy cảm-bội. Hai tay mẹ bắt lấy lần trái của chiếc vớ, cuộn gọn lại như một nữ bồi-phòng giàu kinh-nghiem đã quen làm, mẹ tuột vớ tới bàn chân. Mẹ luồn tay dưới gót, kéo hoàn-toàn chiếc vớ ra. Mẹ lột chiếc kia cũng theo lối đó, rồi đứng dậy. « Tôi sẽ mang đôi vớ này... và cả đôi giày này nữa », mẹ nói to, như thể mẹ tìm cách yên-ủi

thiếu-nữ, chỉ cách mẹ sẽ dùng những vật mà mẹ vừa mới ăn cắp được của thiếu-nữ. « Nhưng, mẹ nói thêm, ngồi ngắm nghía vải của chiếc áo choàng, với vải này tôi sẽ may quần cụt cho các con tôi... Tôi có thể may ít ra cũng hai cặp quần... » Mặt mẹ rạng rỡ lên vì hài lòng. « Và có lẽ đủ may cho Natalino một chiếc áo cụt, mẹ nói thêm.

Thiếu-nữ không nói gì cả. Nàng nắc nỏ, cặp đùi dài và trắng muốt giờ thàng về phía có lửa. Mẹ đàn bà, ngắm xong áo choàng, gấp lại cẩn thận rồi để trên ghế. Mẹ cuộn đôi vớ, đặt mỗi chiếc trong mỗi chiếc giầy, rồi đặt đôi giầy xuống nền nhà, dưới chiếc áo choàng. Mẹ quay lại phía thiếu-nữ, vui vẻ hỏi: « Cô không còn gì nữa chứ, cô ? Không có nhẫn, vòng cổ, vòng tay sao ? Khi tôi lấy chồng, tôi có nhả cưới, có vòng cổ, vòng tay, nhưng quân Đức đã cướp hết... chúng đã mang đi hết, cô ạ !

— Tôi không còn gì nữa », thiếu-nữ nắc nỏ đáp. Mẹ đàn bà nói tiếp, như nói với chính mẹ: « Cô còn có một chiếc áo dày đẹp, nhưng tôi không nỡ lấy áo đó... Chúng ta là đàn bà, không thể không mặc gì, phải không cô ? » Mẹ mở nắp xoong và bắt đầu khuấy vật chứa trong xoong với một chiếc thìa. Mấy đứa trẻ, lúc đó vẫn bất-dộng, giờ mặt cả về phía hơi nước bốc lên từ xoong.

— Cô muốn ăn gì không cô ? Mẹ đàn bà nói to, cô có ăn với chúng tôi không ?... Thịt cừu đấy... một món ăn ngon ở miền quê.

— Tôi không thèm ăn, » thiếu-nữ trả lời. Nàng hạ cánh tay úp mặt, kéo áo che phía dưới hai đầu gối và ngồi chéo nghiêng,

đề quay lưng lại với mẹ. Nàng tránh đặt chân không xuống nền nhà. Nhưng hai gót đã lấm đầy những bùn.

Mẹ nói với mấy đứa con: « Cô ấy không muốn ăn », rồi mẹ lấy đầu chiếc « phước-sét » bằng sắt mạ kền, đưa ra một miếng thịt trao cho một thằng nhỏ. Thằng nhỏ thèm thuồng cầm lấy và ngoạm liền. Mẹ chia ba miếng thịt cho ba đứa trẻ khác, phần mẹ một miếng, mẹ nhai ngấu-nghiếu, làm nhòe mớ ra cả mặt. « Cô chắc bụng không muốn ăn một miếng chứ ? », mẹ nói, đẩy mồm thịt, quay mặt về phía thiếu-nữ.

Thiếu-nữ không nhúc-nhích, không nói một lời. Bỗng cánh cửa mở ra, người thanh-niên, đầu trần, chân không, mặt tái xanh và lộ vẻ sợ-hãi, chui đầu qua cửa lều.

— Ornella ! » gã kêu.

Thiếu-nữ đứng bật dậy và, giữ thăng-bằng cho khỏi ngã xuống trên nền đất trơn như mớ của túp lều, theo anh bạn đồng-hành ra khỏi lều. Trời hầu như về đêm. Trong cái cảnh tranh tối tranh sáng ấy, phía sau Mario, thiếu-nữ thấy thấp-thoáng bóng đen của một đàn ông đứng thẳng và bất-dộng, khuôn mặt gầy nhom và cầm một cây rêu, đang nhìn chăm-chú, tay để trên giây da của chiếc súng. Thiếu-nữ ngắm anh bạn đồng-hành, chân không giầy dép, chỉ còn mặc có mỗi chiếc sơ-mi và cái quần.

— Tối rồi, tiếng mẹ đàn bà cất lên, nhưng Alfredo dẫn các người đi... Cầm lấy nè, Alfredo ! » Mẹ thò mũi ra phía ngoài, trao cho chồng một nắm bụi-nhùi cháy rực. Ánh lửa đỏ chiếu trên các khuôn mặt. Chung quanh họ, tối om.

Người đàn ông lặng-lẽ đi trước hai người trai gái, hầu như trần, bó đuốc ở nơi tay.

— Tạm-biệt cô, tạm-biệt », tiếng mẹ đàn bà nheo-nheo phía sau họ.

Thiếu-nữ khoác tay người bạn đồng-hành, im lặng bước. Gã cũng không nói gì. Gã xách thùng nước, cúi đầu mà đi, đặt bước chân hết sức khó trên đá và bùn. Cạnh gã, hai bàn chân nhỏ và co ro của thiếu-nữ bước lảo-đảo như khiêu-vũ. Trước họ, bó đuốc đẩy người đàn ông vào bóng tối và tựa như tiến đi một mình trong đêm.

Bi lạnh cóng và nhất là chú-ý tránh những hòn đá nhọn hoắt, những bãi bùn dày làm trượt chân liên-tiếp, họ chỉ kịp nhận thấy đã đi hết con đường lộ để ra con đường cái khi họ bước lên mặt lớp hắc-ín thay cho nền đất gỗ-ghế làm chân họ đau tê-dại. Gã thanh-niên tiến lại phía xe mở nắp máy phóng-nhiệt để đổ nước vào. Thiếu nữ mở cửa xe, vật mình xuống ghế ngồi.

Đổ hết thùng nước, gã thanh-niên trả thùng cho lão đàn ông. Lão này bình-tĩnh nói : « Chào cả hai bạn », rồi biến vào đêm tối.

Gã thanh-niên trèo lên xe hơi, đóng cửa lại và nhấn nút máy phát-dộng (démarrateur).

« Chúng nó cướp hết, tất cả, thiếu-nữ nói, bám sát vào gã thanh-niên, giọng nói trở thành rỗng và xa xôi vì sợ hãi.

— Còn anh đây nữa, em tưởng anh còn khá hơn sao ? Gã đáp, chỉ chân không đang đạp máy gia-tốc (accélérateur). Cả hai lên đường, lái quẹo theo con đường lòng vòng của hẻm núi, rồi rồ máy chạy nhanh trên con đường dài và thẳng trước mặt... Chiếc xe hơi lăn trên đường giải nhựa hắc-ín, dẫn trước bằng một luồng ánh sáng trắng, mở lối trong bóng đêm.

V.A.T. dịch

Hộp thư Bách-Khoa

Cùng các bạn gửi bài về số « Bách-Khoa Đặc-biệt kỷ-niệm Đệ tam chu-niên » (15-1-1960) và Số Xuân Canh-Tý



Đề có đủ thời-gian lựa chọn, trình bày, minh họa chu-dáo số « Đặc-biệt kỷ-niệm Đệ tam chu-niên Bách-Khoa » và Số Xuân, trân trọng mong các bạn bắt đầu gửi bài về Tòa-soạn Bách-Khoa ngay từ giờ.

Những bài gửi đăng xin các bạn viết cho một mặt giấy và rõ ràng để tiện việc sắp chữ. Xin ghi địa chỉ cùng tên thật để chúng tôi tiện liên-lạc trao đổi ý kiến với tác-giả.

B. K.

ĐƯỜNG THI DỊCH GIẢI

Đặng Kim-lăng Phượng-hoàng đài (1) Lên đài Phượng-hoàng đất Kim-lăng

Phần Hán-Văn của Lý-Bạch

Phần dịch Quốc-văn của Á-Nam

Phượng-hoàng đài thượng, Phượng- hoàng du ;	<i>Chim Phượng xưa chơi đài Phượng- hoàng ;</i>
Phượng khứ, đài không, giang tự lưu.	<i>Phượng đi, đài bỏ, nước trôi sông.</i>
Ngô cung (2) hoa tháo mai u-kính ;	<i>Cung Ngô hoa cỏ chui đường hẻm ;</i>
Tấn đại y quan thành cồ khuru.	<i>Đời Tấn vua quan lấp mộ hoang.</i>
Tam san (3) bán lạc thanh thiên ngoại.	<i>Ba ngọn non cao trời thăm vút ;</i>
Nhị thủy (4) trung phân bạch-lộ châu (5).	<i>Hai dòng sông rẽ bãi cò ngang. Phải chăng mây nổi che vầng ác ?</i>
Tổng vị phù vân năng tế nhật,	<i>Khuất nẻo Trường-an dạ vẫn</i>
Trường-an bất kiến sử nhân sầu.	<i>vương...</i>

(1) — Phượng-hoàng đài là tên một cái đài, nay ở vào phía Nam huyện Giang-ninh thuộc tỉnh Giang-tô, (2) — Một cái cung của Ngô-Quyền lúc dựng đô ở đất Kim-lăng. (3) — Ba ngọn núi liền nhau ở về phía Tây-nam thành Kim-lăng. (4, 5) — Hai con sông Tấn, Hoài từ ở khoảng Tây-san đi tới Kiến-khang chia làm hai ngả, bao bọc lấy châu Bạch-lộ.



Phần giải nghĩa bài Đặng Phượng - hoàng

Đài Phượng - hoàng, nguyên từ trước vẫn có giống chim Phượng-hoàng thần thường đến ở đó ; và đằng trước đài vẫn có dòng nước luôn luôn trôi chảy không ngừng.

Ta lên đó đứng trông, được thấy ở nơi cung-diện của vua Ngô khi trước, bao nhiêu hoa thơm cỏ lạ, hiện nay chim lẫn vào trong những nơi ngõ hẻm lờ-mờ ; đủ chứng tỏ ra rằng những khách y quan tức là vua quan thưở trước tới nay cũng đều chôn vùi trong đám mộ hoang.

Về phía trước mặt đài, ta nhận thấy một tòa Tam-san cao chót vót, có chừng một nửa, lên đến tận trời xanh ; ngoài ra lại có hai ngọn nước Tấn Hoài uốn éo quanh co, trong có một châu Bạch-lộ nằm chia hai ngả.

Trên lưng chừng giới, những đám mây lững-lờ trôi nổi, có thể che lấp mất cả mặt giới, khiến cho ta đứng ở nơi đây, không sao trông thấy được chốn Trường-an, thực là làm cho ta càng thêm buồn bã trong lòng, không thể nào tả ra cho hết...

ĐÊM đã khuya lâu. Thời-gian có lẽ
đương đi xâu vào quãng nửa đêm
về sáng. Ánh trắng lắt qua song
cửa vào giường tôi từng mảnh sáng lênh
láng đọng lại trên mặt nệm trắng tinh.

Người tôi chơi-vơi như đương được
trao đi trao lại trong một cái nôi dệt toàn
bằng tơ trắng mong-manh, êm dịu. Êm
dịu đến chừng không sờ thấy được.

Lòng ngực tôi tưng-tức. Tôi thấy ngộp
vì hơi trắng lùa vào trong hơi thở của
tôi mỗi lúc mỗi nhiều.

Chất men của cái thứ ánh-sáng quyến-rũ
ấy làm hai gò má tôi nóng bừng-bừng.

Da mặt tôi như dần mỏng ra để tiếp
nhận được cả từng cái vuốt ve, mơn-
trơn của ánh trắng.

Không ! Có lẽ
chất rượu ngọt của
buổi tiệc vừa qua
vẫn còn lưu lại chút
ít dư-vị trong tôi.

Lòng tôi bỗng
xao-động lên một
cách dịu-nhẹ khác
thường, như sợi dây đàn căng-thẳng
chỉ một cơn gió lướt qua cũng đủ ngân
lên một âm-thanh.

Hình-ảnh một người trai chợt hiện lên
trên khung cửa sổ ngay cuối giường tôi
nằm, nhìn tôi mỉm cười. Y đến nhẹ-
nhàng, tưởng như vừa theo ánh trắng
mà đến.

Cặp mắt của y thật đắm-thắm, nhìn
tôi, xoáy chặt lấy tôi, như muốn ghì hẳn
lấy tôi.

Tôi không có lấy một sức chống-cự nhỏ-

nhoi nào — dù tắc-trách — để chạy thoát
được cái nhìn chinh-phục ấy.

Toàn thân tôi bỗng bé nhỏ hẳn lại, nhẹ
tênh và bị hút trôi luôn vào sóng mắt của y.

Mắt tôi mờ hẳn đi... Nhưng chỉ một
thoáng, hình ảnh y lại vụt biến đâu mất, trả
lại cho khung cửa một khoảng sáng có
chiều xâu hun-hút đến vô-tận.

Đêm nay, y đến chân giường tôi không
biết bao nhiêu lần, cũng vẫn một lối quyến-
rũ thăm lặng ấy.

Thật ngoài sức tưởng-tượng của tôi, y
đã làm tôi quên hẳn có Kiềm — chồng tôi
— đương nằm ngủ ngon lành ngay bên
cạnh tôi.

Những lúc đó, Kiềm như biến đi đâu

mất, bỏ mặc tôi
nằm lơ-lơ trên
chiếc giường nệm
gối trắng tinh,
mênh-mông, trống-
trãi như một xa-
mạc.

Đã có lúc tôi
muốn trở dậy đóng

cánh cửa sổ lại để tránh khỏi cơn ám-ảnh
đương xâm-chiếm lẫn-lẫn lấy tâm-hồn tôi.
Nhưng không hiểu sao tôi lại cứ trần-trụi,
Kiềm như một đứa trẻ bị bắt buộc phải
vứt đi món đồ chơi mà nó ưa-thích, vứt
đi một cách miễn tiếc.

Cho đến lúc Kiềm cự mình thức giấc
càu-nhàu vì sáng quá khó ngủ, bảo tôi đóng
cửa sổ lại, thì tôi lại nhút-định không
đóng cửa.

Tự-nhiên tôi có cảm-giác là Kiềm ghen
vì biết được ý-nghĩ thăm-kín trong óc tôi.

CƠN GIÔNG

TRUYỆN-NGẮN của MẶC-THU

Con người Kiềm trước mắt tôi cũng tự-nhiên tầm-thường hẳn đi. Ánh trắng, với tôi, kêu gọi bao nhiêu thì Kiềm, dường như lại vô-vị bấy nhiêu.

Chỉ bao nhiêu đó, Kiềm cũng đã trở nên thô-kịch khiến tôi chán ngấy. Thái-độ ấy từ lâu tôi vẫn biểu-lộ bằng cách chống đối lại Kiềm trong những việc nho-nhỏ và tầm-thường như vậy. Chẳng hạn Kiềm muốn quét vôi trong nhà màu hường thì tôi quyết rằng màu xanh mát và trẻ hơn. Kiềm muốn mua cái ra-di-ô lớn thì tôi lại mua cái nhỏ, cho rằng như vậy xinh-xắn hơn và không có vẻ trường-giã.

Tất-nhiên Kiềm cũng khó chịu, nhưng chỉ khó chịu thầm-kín trong lòng mà không nói ra hoặc cũng không để lộ ra ngoài cử-chỉ.

Mỗi lần thắng được Kiềm như vậy, tôi lại thấy thích-thú trong lòng, một nỗi thích-thú dẫu không có duyên-cớ chánh-đáng.

Hầu như sự ưa-thích của tôi không còn do tôi phán-đoán nữa mà cứ đi ngược lại sở-thính của Kiềm.

Kiềm nằm nghiêng, tránh ánh trắng khỏi dội vào mắt, lại ngủ ngon như cũ. Giọng ngáy của Kiềm kéo đều-đều ra từng hơi ngắn-ngắn như tiếng cối xay gạo rè-rè ở nhà bên khi xưa tôi đã từng nghe thấy ở quê tôi.

Ánh trắng chênh-chếch dội vào nửa mặt Kiềm, soi rõ từng thớ-thịt trên cái má đầy-dặn thừa-thãi của Kiềm. Mũi dưới Kiềm trể ra. Thực là một vẻ mặt thỏa-mãn của một người không còn có lý-tưởng gì cao-xa hơn cái mình đương có.

Phải nhận rằng Kiềm đã đem lại cho tôi một đời sống vật-chất thực đầy-đủ. Nhưng

không hiểu sao tôi tự thấy không thể yêu Kiềm. Yêu tha-thiết như tôi hằng muốn trong khát-vọng của tôi. Nói thù ghét Kiềm thì không đúng. Kiềm không làm gì cho tôi phải thù ghét. Nếu có làm điều gì, Kiềm chỉ làm để mưu sự sung-sướng cho tôi và con chúng tôi mà thôi. Nhưng Kiềm chỉ làm được có thế. Có lẽ vì Kiềm đủ quan-niệm một cách đơn-giản rằng cuộc đời chỉ cần đầy-đủ về vật-chất và tất cả mục-tiêu của cuộc đời chỉ là chạy đua đến chỗ có đầy-đủ tất cả những tiện-nghĩ vật-chất mà thôi.

Điều đó ở Kiềm cũng không có gì lạ. Kiềm đã sanh ra và được đào-tạo trong một gia-đình mà ông cha, chú, bác đều làm giàu bằng nghề thầu-khoán, Kiềm thành-công rất sớm. Chúng tôi lấy nhau khi Kiềm đã có một địa-vị vững-vàng trong nghề thầu-khoán.

Năm ấy tôi vừa mười bảy tuổi và cũng là năm tôi mới đặt chân vào giấc mộng đầu. Tôi yêu một chàng trai cùng phố. Chàng hơn tôi một tuổi và vẫn còn theo học. Chàng thường làm thơ để tặng tôi. Những câu thơ nồng-nàn, tha-thiết của chàng ngày đó đã tầm-luyện vào từng mạch máu của tôi như một chất ma-túy.

Gặp nhau thường chúng tôi chỉ nói chuyện nhiều về thơ, hoặc quá lắm thì chỉ là những chuyện bâng quơ về nỗi nhớ-nhung, tha-thiết mà thôi.

« Mỗi tình đầu » tuy vậy, chỉ làm được cho tôi bùi-ngùi đôi chút khi bước chân lên xe hoa về nhà chồng.

Ý-nghĩa hôn-nhân đối với tôi ngày ấy chưa thành một vấn-đề trọng-đại mà chỉ là một cuộc đi chơi xa với nhiều cảm-giác mới và thích-thú trong lòng.

Tôi sống lặng-lẽ trong gia-đình nhà chồng như một con vật bé nhỏ, hoặc chỉ như một món trang trí bày biện trong một ngôi nhà sang-trọng, trường-giả hơn là quý-phái

Thực vậy, trong gia-đình nhà chồng — vốn đông con cái — tôi chỉ chiếm được một vị-trí bé nhỏ và khiêm-tốn vậy thôi.

Cuộc sống chung-đụng trong một đại gia-đình mà mỗi bước đi, mỗi lời nói của tôi đều có thể được dòm ngó, dò xét, đã khiến cho Kiềm với tôi thêm xa nhau.

Kiềm dè-dặt và tôi cũng phải giữ-gìn. Tánh tình Kiềm không nòng-nàn. Nghề-nghiệp đúc cho anh một khuôn mặt trầm-ngâm, tính-toán, luôn luôn có một vẻ « rình mồi và đối-phó » in như khuôn mặt người cha, ông chú, ông bác. Một mẫu mặt khôn ngoan, bí-hiểm mà chỉ những người thấu-khoán rành nghề mới có, Kiềm như một mẫu hàng nào đó người ta đã đồ xi-măng vào khuôn rồi đúc ra hàng loạt vậy.

Ba năm sau, chúng tôi lấy có đã có con, xin ra ở riêng. Ít lâu sau Kiềm vào Sài-gòn kinh-doanh và đón vợ con cùng đi. Từ đấy Kiềm luôn luôn thành-công hơn trên đường doanh-nghiệp như một người được « số mạng » biệt-dã; trong khi đó tôi không hề được dự chút gì về sự thành-công của Kiềm.

Kiềm lại rất ghen. Nhưng, vì tự kiêu, không bao giờ Kiềm để lộ sự ghen-tuông ra ngoài mặt.

Viện có căn phải « ngoại-giao nghề-nghiệp » Kiềm yêu - cầu tôi học nhảy. Nhưng đến khi bè bạn Kiềm khen : «... Chị Kiềm nhảy đẹp... » thì Kiềm lại có vẻ khó-chịu. Từ đấy Kiềm cố ý tránh

không để tôi có mặt trong những buổi tiệc có « bal ».

Những lần biết có bạn học cũ của tôi sẽ tới thăm tôi, nếu là bạn trai, Kiềm tìm cách để có mặt lẫn-quần ở nhà. Tư-cách đó khiến tôi coi thường Kiềm. Hơn nữa lòng tự-ái của tôi bị xúc-phạm mạnh vì Kiềm đã không hoàn-toàn tin ở tôi.

Mỗi lần như thế, tôi muốn có cảm-tưởng người bạn trai ngồi trước mặt tôi — dưới cặp mắt dò xét của Kiềm — phải là người tình của tôi.

Đôi lúc, tôi cũng cố làm ra những giáng điệu lả-loi, một vài câu nói tình-tứ ý-nhị, một vẻ gì hơn cả thân-mật, để chọc tức Kiềm. Quả-nhiên mặt Kiềm tái hân đi, trông thực dễ sợ.

Kiềm muốn chiếm hân tôi, làm chủ hoàn-toàn hân « tôi trọn vẹn » như Kiềm đã làm chủ hoàn-toàn những cơ-xưởng, những xí-nghiệp, công-trường của Kiềm.

Kiềm không biết rằng phần linh-hồn của vợ anh là phần khó chiếm nhứt, không phải chiếm bằng sự tính-toán mà phải bằng tình-cảm.

Kiềm dễ-dàng thành-công về nghề-nghiệp bao nhiêu Kiềm cũng nhin đời bằng con mắt dễ-dàng bấy nhiêu. Anh chiều theo ham muốn của anh hơn là để ý tới nỗi ham muốn của người khác, dù là của vợ anh

Nào tôi có đòi hỏi gì nhiều ở Kiềm.

Nếu anh chịu để một phần hồn anh nghĩ đến tôi hơn một chút thì cho dầu cái cách biểu-lộ tình-cảm của anh có vụng-về đến đâu, cũng làm anh đáng yêu thêm biết bao.

Khốn-nỗi, tôi không chiếm nổi một diện-tích nhỏ nào trong bộ óc, trong trái tim

Kiểm. Bộ óc ấy, trái tim ấy dường như chỉ lên đầy những chương-trình, những kế-hoạch, những mưu-mô cạnh-tranh và chỉ háo - hức, sôi - nổi, rung - động được trước mỗi một thắng-lợi nghề-nghiệp.

Nhiều lúc tôi cũng cố đánh thức dậy ở Kiểm những cái gì thuộc về tình - cảm. Nhưng vô - hiệu, tình - cảm ở Kiểm đã bị nhốt kín trong một công-thự xây kín bằng xi - măng, cốt sắt, không thu - nhận được một đợt ánh-sáng, một khoảng không-khí nào từ ngoài vào.

Có lúc tôi ước thử một chiếc áo màu thật trang-nhã trên người khoe với Kiểm,



đáng lẽ Kiểm phải bày tỏ một thái-độ trẻ-trung về thời-trang về màu sắc thì Kiểm lại chỉ nói về công-dụng hoặc xa hơn nữa về sự phát-triển hàng nội-hóa, vải nội-hóa với tương-lai của nó trên thị-trường.

Trên chiếc áo màu mà người vợ hí-hửng đem khoe với Kiểm, Kiểm cũng tìm ra được một cơ-hội kinh- doanh.

Ôi ! Danh-từ vợ chồng đối với tôi mỗi ngày càng trở nên vô-nghĩa. Tôi biết rồi

đến một ngày nào đó nó sẽ trở thành một khờ hình cho cả hai chúng tôi.

Tâm-hồn tôi lâu dần khô cạn, xâu thẳm như một cái giếng dứt hết mạch nước. Trong khi đó sức sống khao-khát của xác-thịt tôi lại nảy-nở mạnh như một mầm cây cồng ở chỗ đất ẩm-thấp, tối tăm lại càng sung-mãn.

Mỗi một tế-bào trong người tôi đều căng-thăng, đều muốn đòi hỏi một sự gì mà chúng khao-khát. Trong khi đó, ngược lại, tâm-hồn tôi lại trống-trải như một căn nhà hoang không cửa, gió lộng bốn bề.

Một sự mất thăng bằng càng ngày càng rõ-rệt trong tôi, nhưng lại rất thẳm-lặng với vẻ bên ngoài.

Điều nguy - hiểm là Kiểm không hay biết gì cả, không biết cả rằng giữa tôi và anh có một vực-thẳm mỗi ngày mỗi ngăn-cách thêm.

Vắng Kiểm tôi càng thấy dễ chịu, dễ chịu vì được tự-do đứng, ngồi hay như thói quen, từ tay lên thành cửa nhìn qua đường đi, lại mà suy-nghĩ vẩn-vơ.

Gần Kiểm tôi lại cảm thấy lạt lẽo, găng gượng và giả-tạo. Lạt-lẽo cả những khi Kiểm và tôi trao đổi xác - thịt cho nhau. Đáng lẽ là những giây phút tận - hưởng niềm hoan-lạc thì tôi lại bình-tĩnh nhận xét Kiểm. Những hành-động của Kiểm lúc ấy nào khác gì những hành-động cần-thiết của thú vật. Phải chăng cái đó ở thú-vật, mà loài người đã mô-tả như « ái-tình » với bao nhiêu

danh-từ thêu - dệt đầy vẻ vu-khoát và giả-dối.

Tôi biết tôi đang trôi trên một dòng thác lũ mà không phương ngăn-cản, hay cũng không muốn tìm phương ngăn-cản. Chỉ còn đợi có dịp. . và dịp ấy đã đến ngay từ buổi chiều nay.

Kiểm ở Chantier về, bảo tôi :

— Tối nay đảng bác Vạn-Lợi có tiệc mừng mới « đấu » được một công việc lớn. Chỗ làm ăn, thế nào mình cũng phải đến. Hai bác ân-cần mời cả mọi. Mọi nên đi...

Tôi ngần-ngại đã toan mượn cớ nhưc đầu đề thoái-thác. Nhưng nghĩ rằng ngồi cả một buổi tối ở nhà cũng buồn, nên tôi lại lặng-lẽ sửa-soạn đề cùng đi với Kiểm.

Buổi tiệc thật trang-bưng với tất cả mọi vẻ xa-hoa của một lớp người doanh-nghiệp. Nút rượu Champagne nổ liên-hồi như pháo.

Rượu cạn đi bao nhiêu thì cái độ nồng-nhiệt của buổi tiệc lại tăng thêm bấy nhiêu.

Người ta ôm nhau quay cuồng, hò hét. Tiếng nhạc mỗi lúc mỗi dồn thêm đậm-dật dưới ánh-dèn được điều-khiển cho lu-mờ thêm.

Bản tính dụt-dè của tôi khiến cho tôi đứng ngoài làm một khách bàng-quan nhìn người ta tận-hưởng những khoái-lạc ngây-ngất.

Nhưng, sự gì đến đã đến. Một người khách lạ trẻ tuổi, lịch-sự đã đến sát cạnh tôi lúc nào không biết.

Ý-nghĩ : có lẽ y đã đứng sát cạnh tôi một lúc lâu đề nhìn được từng lỗ chân

lông trên da mặt tôi, khiến tôi vô cùng bối-rối.

Tay y cầm ly rượu Champagne đưa cho tôi với giáng điệu hết-sức kiểu-cách. Y nhìn thẳng vào mặt tôi, mỉm cười :

— Tiệc rượu có một nữ-chúa mà đứng ngoài thế này thì cuộc vui tất nhiên phải giảm đi phân nửa. Thưa bà, bà vui lòng dùng với tôi một ly rượu.

Tôi đảo mắt nhanh tìm Kiểm, muốn cầu với Kiểm, nhưng lúc ấy Kiểm đang say-mê nhảy với một thiếu-phụ trẻ đẹp và đầy vẻ khêu-ngợi với tấm áo hở cổ đến tận nửa vai của bà ta.

Tôi muốn từ chối mà không sao nói được nên lời, và càng cảm thấy bối-rối trước cặp mắt tha - thiết của y. Y khàn-khoản thêm. Và... từ ly rượu ấy đến ly rượu khác tôi không còn biết gì nữa ngoại-trừ gương mặt người trai ôm tôi nhảy trong tay. Không hiểu sao, y chỉ nhắm có mình tôi mà mời nhảy. Tôi cũng không từ-chối y lấy một lần.

Tôi có cảm-tưởng như tôi được hoàn-toàn tự-do trong buổi tiệc ấy. Tôi không nhớ cả là tôi với Kiểm còn có một mối liên-hệ nữa.

Trong đôi tay rắn chắc của người trai phong-nhã, tôi cảm thấy có một nỗi đề-mê, rạo-rực khó tả trong người. Cảm tưởng ấy tôi chưa hề có khi gần Kiểm.

Y dìu tôi đi trong sóng nhạc như đi trong một giấc mộng. Mọi tiếng ồn-ào như biến đi đâu mất cả.

Bên tai tôi, chỉ còn có hơi thở ấm-ấm của y.

Tôi nghe một giọng nói nhỏ phào qua tai tôi :

— Thứ bảy tới đảng nhà tôi có bal. Tôi có mời chị Liên — (Liên là bạn tôi) — Xin bà ban cho tôi sự vui sướng được gặp bà tại đó. Số nhà 28 đường L.C.U. ! Bà nhớ cho chứ ?... Tôi xin bà đừng từ chối với ! Bà hãy nhớ cho số nhà tôi đã...

Thực quả y khôn-ngoan. Lời nói của y giăng mắc ra như một cái bẫy kín-đáo mà con mồi non dại là tôi khó lòng chạy thoát.

Tôi khẽ nhắm mắt lại, không từ chối và cũng không hẳn nhận lời.

Buổi tiệc tan vào lúc khuya. Tôi ra về với Kiềm, trong lòng không khỏi mẩn tiếc một buổi vui hiếm có đã làm nầy-nở trong mảnh tâm-hồn khô-cạn của tôi nhiều cảm-giác lạ.

Thế rồi trong suốt đêm, hình-ảnh người trai ấy luôn luôn đến ám-ảnh tôi.

Chỉ có một câu hỏi mà không sao tôi dứt đi được, ấy là : « Có nên đến đó không ? »

Quyết-dịnh của tôi sẽ thực quan-trọng. Không biết sau đây sẽ ra sao, nhưng chắc-chắn nó có thể đưa tôi ra khỏi cái không-khí ngột-ngạt mà tôi đương thờ.

Bất-giác tôi thăm-trách Kiềm đã du tôi vào một tình-thế khó xử. Tôi muốn trút tất cả mọi nỗi khó chịu vào Kiềm.

Với hai bàn tay rã-rời, với bộ óc bấn-loạn và mệt mỏi, tôi gắng nắm chặt lấy ý-nghĩ : nếu có xảy ra một sự sa-ngã nào của tôi thì Kiềm ơi, anh có một phần trách-nhiệm...

Không biết rằng « tôi sẽ có đi đến đó không ? » Nhưng khi Kiềm cự mình lần vào phía trong, tự-nhiên tay tôi nắm chặt lấy tay Kiềm.

Tôi cảm thấy rõ-rệt là tôi đương bị bỏ rơi trong một sa-mạc cô-độc ghê-gớm. Tôi nhích lại nằm sát bên Kiềm, nhưng vẫn không rời được ý-nghĩ : « Ta sẽ có đi đến đó không ? »

MẶC-THU

BÁCH - KHOA

« SỔ KỶ-NIỆM ĐỆ-TAM CHU-NIÊN »

SỐ XUÂN CANH-TÝ

✧ Sẽ là một công trình chung của các cây bút quen thuộc cùng tất cả các bạn mới cộng tác với Bách-Khoa.

✧ Đã được sửa soạn từ một tháng nay.

✧ Bài vở xin gửi tới trước ngày 30-11-1959.

ĐÔI THAY

XUÂN - HIỂN

Mười mấy năm xưa, tôi với Anh
Sát vai kề lẽ chuyện tâm tình
Ta cười đen bạc trò dẫu bề,
Câu truyện phù hoa chốn thị thành



Gác văng chung nhau một chén trà
Chia từng màu thuốc lắng đêm qua
Đôi hồn trai trẻ chung hơi thở
Thế giới tâm linh, hai chúng ta



Anh có nghe chẳng tiếng gió xưa
Lá đêm hiên vắng rụng như mưa
Đèn mờ vàng vọt bên đường lạnh
Buồn dọi qua song ta ngẩn ngơ.



Thuở ấy chúng mình sao mến nhau
Vàng thoi bạc nén chẳng ai cầu
Áo thô guốc mộc tình trai ngát
Mới văng nhau mà đã thấy lâu.



Hai đứa cùng chung một mái trường
Thư đi, thư lại nhớ cùng thương
Mây xưa trắng quá, trời xanh quá
Ôi một thời trai ngan ngát hương !

Tháng ngày như nước thoáng trôi nhanh
Tình hết đơn sơ mộng hết lành
Lắm lúc mưa nồng và nắng gắt
Bàng hoàng tôi khát một màu xanh



Người khác ngày xưa cảnh đời đời
Mái hiên không đón lá đêm rơi
Tôi run run sợ : Đau, Buồn, Giận
Ích-kỷ, Căm-hờn xâm chiếm tôi



Gió bụi Kinh thành rộn tiếng xe
Gặp Anh giữa lúc bóng chiều về
Tháng năm đời khác con người trước
Gác cũ hiên xưa nhớ náo nề



Anh nói Anh cười tôi ngàn ngờ
Màu xanh đã chết từ bao giờ ?
Hình Anh tựa cánh hoa khô héo
Chợt thấy trong lòng quyền vờ xưa



Đốt trọn tâm tư qua khói thuốc
Thời xưa thức dậy nhớ khôn nguôi
... Năm nghe dĩ vãng đi nhẹ nhẹ.
Gác cũ, hiên xưa trận lá rơi...



NGÔI SAO XA

— Ê ! Ê ! Lắc đầu ! Lão lắc đầu !
Cho cái vỏ chuối đây này.

Huyền đang ngồi nói chuyện với tôi bên bàn đọc sách cạnh cửa sổ bỗng ngừng lại. Chúng tôi cùng ngoảnh mặt ra đường.

Tiếng réo gọi xác xược vừa rồi được phụ-họa bằng những tiếng cười reo thích thú của một đám trẻ con độ bảy tám đứa đang nô đùa bên đường. Một đứa, lớn nhất trong bọn, vung tay ném mạnh một cái vỏ chuối trúng ngay mái tóc bờm-xồm của người đàn ông gánh đôi nước đi qua. Cả bọn trẻ còn lại cười rộ lên, vỗ tay reo hò. Nhiều chiếc vỏ chuối khác tới-tấp lao thẳng vào đầu, vào mặt, vào cổ người gánh

nước. Cũng ngay lúc ấy lại có những tiếng kêu thất-thanh :

— Ấy chết ! Lão dừng lại đấy rồi, bay ới ! Trốn ngay. Chạy mau lên. Nguy mất !

Sau những lời báo-dộng này là một cảnh hỗn loạn. Cả lũ trẻ rú lên rồi cầm đầu, cầm cổ, mạnh dứa nào dứa nấy chạy. Chỉ trong giây lát, tản-mác mỗi đứa mỗi ngã, chúng biến mình mất tăm, mất dạng phía sau hàng keo rậm. Trên đường, người đàn ông gánh nước dừng lại thật sự. Đặt đôi thùng đầy nước xuống đất, hai tay còn nắm chặt chiếc đòn gánh, lão quay nhìn về phía lũ trẻ. Nhưng không phải lão nhìn bằng cái dáng hân-học, tức-tối. Gương mặt lão vẫn thản-nhiên như không có chuyện gì xảy ra và cái nhìn của lão thật là hiền-dịu. Lão nhìn một lúc rồi sòe bàn tay cụt mất hai ngón chà sạch những thớ chuối còn dính lại trên cổ, trên mặt. Miệng lão lầm-bầm những gì chẳng ai nghe.

Một bà cụ trong xóm, được chứng-kiến cuộc oanh-tạc vỏ chuối lỗ-mãng của lũ trẻ, chép miệng kêu lên :

— Chao ôi ! Ba cái thằng nhãi con ấy thật là quá quắt. Chúng nó cứ theo lão « lắc đầu » mà chọc hoài. Tội nghiệp. Được cái là lão không biết giận bao giờ. Lão mà nổi khùng lên thì bay cũng chết. Bay chạy đằng trời.

Trên đường, quả thật lão « lắc đầu » không nổi điên, nổi khùng vì lỗi đùa nghịch tàn ác của lũ trẻ. Lão lặng-lẽ gánh đôi nước, rảo bước một cách chậm-chạp, nặng-nề với cái đầu to tướng lắc-lư qua lại không ngừng.

Cũng vì lão có cái cố-tật kỳ dị ấy nên người trong xóm thường gọi lão là lão « lắc đầu ». Chắc là từ thuở cha sinh, mẹ đẻ, lão cũng có một cái tên, ít nhất là một cái tên « quai nôi » như ai, chứ chả nhẽ các đấng sinh-thành ra lão lại dăng-trí đến nỗi bỏ mặc lão trong cái tình-trạng không tên không tuổi như vậy, sau khi đã góp sức cùng Hóa-công đầy bừa lão vào một cuộc phiêu-lưu thâm hại, giữa cõi sống phiền-toái, ác-kiệt này. Nhưng có lẽ là vì lâu ngày không được nhắc tới nên cái tên của lão đã bị xóa-nhòa dưới cái biệt danh là « lão lắc đầu ».

Vả lại, chẳng ai trong xóm này muốn nghĩ rằng cái tên là một thứ cần-thiết cho lão. Cả đến ông chủ của lão, cụ Nghè Tân, cũng vậy. Cụ cũng thấy rằng cái biệt-danh phát xuất từ một thứ cố-tật kỳ-dị như thế là đủ cho lão lắm rồi. Chính cụ cũng không được biết tên, biết họ của lão. Bja ra cho lão một cái tên nôm-na hay « có chữ, có nghĩa » là một chuyện hết sức dễ-dàng, nhưng cụ cho là thừa quá, vô-ích quá, nếu không muốn nói là phí-phạm cả từ-ngữ của loài người.

Thực ra không thể cho cái chủ-trương của cụ Nghè là vô-lý. Mặc dầu lão « lắc đầu » vẫn mang một hình - thái cao nhất trên các bậc thang tiến-hóa của các hình-thái muôn loài, nhưng đã ở gần lão ít lâu, người ta phải dăm ra phân-vân tự hỏi lão có còn phải là người nữa không, tuy không ai nỡ coi lão là con vật. Và như thế không phải vì những đặc-diểm thâm hại đã quy tụ trên tấm hình-hài sai-suyền của lão để tạo thành cho người lão cái vẻ thoái-hóa man-rợ đến kinh-tởm. Không phải vì cái đầu to tướng cứ hay lắc-lư qua lại mỗi lúc lão đi hay vì mái tóc dài bù rối chẳng-chịt

như mái tóc đàn-bà đau thương-hàn mới dậy, không phải bởi bộ mặt tối-tăm lúc nào cũng lăm-lì một cách xuần-ngốc và có vẻ bí-hiêm với một vết sẹo to tướng từ thái-dương bên trái chạy dài xuống cằm, cũng không phải vì cái thân hình gầy ốm vêu-vao, hôi hám, màu da đen mốc với chiếc áo va-rơ cũ bằng vải ka-ki rộng thùng-thình đã phai màu, sờn cả hai vai, cùng chiếc quần đùi màu đen bết đầy cả đất, vá-vú một cách vụng-về, lão thường làm cho người ta phải nhận lầm lão với một đồng-bào Thượng-du từ đâu trên các bun xa-xôi, trong rừng già mới xuống, mới tập ăn mặc theo lối người Kinh. Giá chỉ có thể mà thôi, thì giữa một cõi sống đang còn nhan-nhân những thằng người tồi-tàn, rách-rưới, bệ-rạc cũng chả ai cảm thấy băn-khoăn với câu hỏi trên kia. Những gì đã làm cho người ta dăm ngờ về cái bản-chất « người » hay nhân-tính của lão « lắc đầu » không phải là ở phần thể - xác, nhưng ở ngay trong cái thần-sắc và tâm tính lão.

Cứ kể về tuổi tác, người ta đoán chừng ít ra lão « lắc đầu » cũng đã vượt quá cái tuổi trung-niên. Nhưng tấm hình-hài đã lẩn-lộn trong hiện-hữu trên ba bốn mươi năm trời ấy lại vẫn chưa thoát khỏi cái trạng-thái ngây ngô, khờ-khạo của một đứa bé lên mười đần độn nhất. Về thần sắc còn đáng chú-ý hơn, nhất là ở cặp mắt lé kim ăn nấu bên dưới đôi chân mày khá rậm. Cặp mắt lão lúc nào cũng có vẻ lăm-la, lăm-lét, hoảng-hốt, hoài-nghi. Chừng như nó e ngại cõi sống và ít khi nó dám nhìn thẳng vào thực-tại. Luôn luôn nó tìm cách lẩn trốn những cặp mắt của người lân-cận, đầu là những cặp mắt chứa chan cảm-tình. Nó lẩn trốn một cách vội vàng, cuống quýt

như những con chồn, con cáo lẩn trốn chúa sơn lâm. Nó chỉ thích nhìn xuống mặt đất, ẩn kín phía sau đôi mí no tròn. Nếu không thì nó lại hướng nhìn lên cao, rất cao, như theo đuổi một cái gì vô-hình trên thượng-tầng không-khí, trong những lúc lão ngồi trầm-ngâm một mình. Những người ở gần lão và có óc nhận xét, thường phải để ý đến cái lối hướng thượng của lão, nhất là về đêm. Vì đêm về, cái thảng người chẳng ra người, cái khối xương thịt hơi hám, bần-thiêu dường như vô-hồn ấy lại có cả một thói quen rất dỗi nên thơ, cái thói quen dăm-dăm theo dõi những ngôi sao xa thăm thẳm. Và bất cứ ai đã chú-ý đến cái lối nhìn sao của lão cũng phải lấy làm lạ. Vì trong cái lối nhìn sao của lão «lắc đầu» có một cái gì khác thường, một niềm nhớ-nhung lưu-luyến, một tương-giao huyền-nhiệm giữa cặp mắt lẻ kim sâu thẳm ấy với những hoa sao lấp-lánh chiếu-diệu trên cõi xa khơi mơ-màng...

Lão «lắc đầu» lại ít nói lắm. Lúc nào lão cũng có vẻ lăm-lì, câm lặng. Thật chưa từng thấy một người nào bủn-sỉ về lời ăn tiếng nói và hay dùng cái lối trả lời «nhát gừng» như lão. Nhiều người cho là vì lão đã bị lú lẫn. Nhưng sau nhiều nhận-xét, tôi tin rằng lão còn có cái bệnh lười nói, hơn là chẳng biết gì để trả lời. Tuy chưa phải đã mất hẳn cái quan-năng phát ngôn, nhưng lão vẫn thích dùng dấu hiệu để thay thế ngôn ngữ trừ những trường-hợp không thể thay thế được. Chẳng hạn có người hỏi:

— Này ! «Lắc đầu», đi đâu đấy ?

— Gánh nước.

— Lão gánh thế là được mấy đôi rồi ?

Lão liền đưa lên hai hoặc ba ngón tay.

Và nếu lại hỏi:

— Lão lắc đầu này ! Lão ở với ục Nghè thế là được mấy năm rồi ?

Lão lại mỉm cười, đưa lên hai ngón tay. Thường thường là như thế. Bất đắc dĩ lắm lão mới hé môi đáp lại đôi tiếng. Đương có hòng hỏi lão bất cứ về chuyện gì ngoài những hoạt-động tầm thường của lão hằng ngày, nhất là về thân-thể, gốc tích, do lai của lão. Trước những câu hỏi có hơi khúc-mắc, lão nhìn người ta với đôi mắt ngo-ngác, rồi lắc đầu:

— Không biết. Không biết chi hết. Tôi nói thiệt là không biết chi cả.

Nói xong lão lại cúi cái đầu hay lắc xuống. Nhưng chính những lúc lão ngồi im, cuối đầu xuống như vậy hay những khi lão ngược nhìn lên cao, tôi lại thấy chừng như lão nói nhiều hơn. Lão nói rất nhiều với đôi môi dán chặt vào nhau, đôi môi hay nghĩ-ngợi, với cặp mắt lẻ kim buồn rầu và lúc nào cũng như mài-miết tương-tư một cái gì xa-xôi, viễn-vọng. Chính từ ngày tôi bắt đầu để ý đến cặp mắt và đôi môi ấy, lắm khi ngồi trước lão, tôi cảm thấy cái khó-chịu của hạng người điếc trước những dấu hiệu của muôn tiếng động đang ngân vang lên chung quanh mình.

Đã lâu, tôi cố tìm hiểu lão. Nhưng vô-ích. Quá khứ cũng như tên tuổi của lão chìm đắm cả vào một thứ bóng tối đen đặc đến không một người nào, dầu giàu óc tò-mò đến đâu, có hy-vọng soi sáng được. Lão có hề nói gì đâu mà ai biết. Vô tình hay hữu ý, lão đã vùi sâu dĩ-vãng của lão vào trong câm lặng, trong cái trạng-thái ngu-si, dần-dộn, ấu-trĩ đến buồn cười và đáng thương hại.

Cũng không ai biết lão từ đâu đến ? Người ta chỉ biết lão đã hiện về với cụ Nghè Tân giữa một đêm mưa gió như bóng một âm-hồn vất-vưởng đột-nhiên hiện hình vào cõi nhân - gian. Mùa binh - hỏa chưa tàn hẳn. Trong cái đêm đông giá lạnh ấy vẫn còn có tiếng mưa, tiếng đạn nổ đi-dịch, l-âm khắp nơi, có tiếng gươm tiếng đao soang-soang đầy đó, có ánh lửa bốc đầy phừng-phừng trong các thôn mạc, cách cái xóm tương-đối bình yên này không xa, để soi sáng cảnh tàn phá điên loạn ngập đầy xương máu. Chính giữa một đêm đông như thế, cụ Nghè đã phải thức dậy vì những tiếng đập cửa, tiếng rền-rĩ và cái giọng cầu cứu nghe đến lạ tai. Lúc vừa mở cửa ra, dưới ánh đèn run rẩy, chập chờn trong gió lạnh, cụ già bạo dạn có tiếng này đã phải giật mình muốn lùi bước lại. Trước mặt cụ là một vật-thể kỳ quái. Một cái gì mà thoát-tiên cụ phân-vân khó quyết đoán được là ma hay là người, là người hay là vật. Và khi đã trấn-tĩnh để biết đây không phải là một giống nào thuộc cõi u-minh hay muôn loài cầm thú, cụ lại đâm ra bàng-hoàng, nghi-ngại. Ở giữa cái thời nhiễu-nhương, loạn-lạc, một người lạ đột hiện ra trong lúc đêm khuya như vậy đã là một việc đáng lo. Huống nữa kẻ lạ mặt ấy lại có cả một hình thù trông đến quái-dị. Đạo ấy, lão « lắc đầu » không có da, có thịt như bây giờ ? Lão còn gầy còm, đen đui, rách rưới, tồi tàn hơn bây giờ. Cả tấm hình-hài trần truồng của lão chỉ được khoác có một chiếc bao tời rách. Tấm hình-hài ấy lại lấm-láp, nhem-nhuốc vì bị trát đầy cả bùn, cả đất, cả tro bụi. Trông lão thật chẳng khác gì một con quái vật vừa chui ra từ trong một đám nhà cháy. Lão run lên cầm cập, nhìn mãi cụ Nghè

với cái nhìn ngờ-ngác, sững-sờ, hoảng-hốt. Và cụ Nghè hỏi gì lão, lão cũng không đáp. Lão chỉ lắc đầu. Hỏi tên, hỏi họ, lão lắc đầu ; hỏi vì sao lão nên cơ sự như thế ? Lão lắc đầu. Hỏi lão muốn gì, lão cũng lắc đầu. Vốn giàu lòng từ tâm, cụ Nghè không thể lại ném trả lão trở vào trong lòng đêm già rét mướt. Cụ bèn đưa lão vào nhà, nhen lửa lên cho lão sưởi rồi tặng lão một chiếc chăn rách để lão quấn vào người. Mãi về sau, bên cạnh bếp lửa, lão mới nói lên được một câu tha - thiết :

— Đói quá !

Nghe lão kêu đói, cụ Nghè liền cho ăn. Cụ nghĩ rằng ăn no vào, lão sẽ tỉnh ra, và sẽ đáp được những câu cụ hỏi. Nhưng vô ích. Lão lắc đầu ăn một hơi sạch tuốt cả gần nửa nồi hai cơm nguội, nhưng rồi lão vẫn không tỉnh chút nào, nghĩa là lão vẫn cứ ngờ-ngác, vẫn ù-ù cạc-cạc, vẫn lắc đầu trước những lời gạn hỏi của cụ Nghè. Và sau một lúc ngồi câm lặng như vậy, lão ôm ngực nhăn nhó, đứng lên, lão-đảo bước lại phía bức phản kê ở một góc nhà, nằm lăn xuống. Lão rền-rĩ một cặp khá lâu rồi lão ngủ.

Sau cái đêm gặp gỡ kỳ lạ ấy, nhiều người đã bàn với cụ Nghè nên giao lão cho nhà chức-trách hầu tránh khỏi những phiền lụy có thể xảy đến cho cụ về sau. Nhưng vì tính hay thương người, lại nhận thấy lão thực-thà, dần dần quá nên cụ cũng không lo ngại lắm. Hơn nữa, mỗi lúc nghe nói động đến việc ấy lão lại chấp tay vái dài, van lơn bằng đôi mắt lệ kim của lão, nên tuy biết rằng giữ lão lại là rước lấy một thứ của nợ, nhưng cụ Nghè vẫn không nỡ nhẫn tâm nghe theo lời khuyên của mọi người.

Lại cũng vì lão quá thực thà, hiền lành, đần độn, nên chẳng ai lưu ý, kể cả nhà chức-trách. Đối với người trong xóm, lão lắc đầu là một cái gì tâm thường quá. Tăm thường, ti-tiện, hèn mọn đến không đáng quan-tâm. Chứng như không ai buồn nghĩ đến lão, nhớ đến lão, trừ những phút hình-ảnh của lão tình-cờ lọt vào tầm mắt. Sự hiện-diện của lão trong cuộc sống thật là phi-lý, vô-nghĩa. Tất cả đều đã mặc-nhiên phủ-nhận cái tính-cách đồng-loại của lão, coi lão như một « cái vật ngộ-nghĩnh » tuy đáng kinh-tởm nhưng lắm khi cũng vui mắt. Người ta nói đến lão với cái giọng khinh-thị, chế-giễu, đùa cợt có điểm đôi chút xót thương mà con người thường dành cho loài vật. Tất cả đều như thế, trừ có một người. Và người ấy là Huyền.

Thường thường, mỗi lúc Huyền nhìn lão lắc đầu, tôi thấy anh có dáng băn-khoăn, ngay lúc này cũng vậy. Ở cặp mắt Huyền có một cái gì khiến tôi phải chú ý. Một vẻ xao-xuyến, tư-lường đột hiện ra theo với cái nhú mày chua-sốt. Và giữa lúc trầm-ngâm nghĩ-ngợi, Huyền bỗng mỉm cười hỏi tôi :

— Anh nghĩ thế nào về hần ?

— Tôi chú ý lâu nay. Tôi tin rằng dĩ-vãng hần chứa chất lắm chuyện ly-kỳ. Có lẽ hần không phải hần vốn sinh ra như thế. Chính cặp mắt hần tiết-lộ với tôi điều đó. Chẳng biết có đúng không.

Huyền nhìn sừng tôi nhưng lặng thinh không đáp.

Giữa lúc ấy bỗng nghe có tiếng hai thùng nước nặng rơi đánh soảng lên trên mặt đường nhựa và tiếng rú thất thanh. Huyền đứng vội lên, chạy vội ra phía đường cái. Một thanh-niên vừa đi qua

với một cuộn dây điện nhỏ trong tay, dừng lại, kinh-ngạc nhìn lão lắc đầu. Thấy Huyền anh ta vội nói :

— Tôi chẳng hiểu vì sao vừa thấy tôi hần lại hoảng-hốt, thét lên rồi quăng cả đôi nước.

Huyền chỉ vào cuộn dây điện, đầy nhẹ vai anh ta :

— Vì cái vật này đây. Thôi anh đi đi !

Thanh-niên ngạc-ngạc không hiểu gì cả, nhưng theo lời thúc giục của Huyền, anh ta chỉ biết mỉm cười rào bước. Chính tôi cũng ngạc-ngạc. Tôi không hiểu vì sao sợi dây điện lại gây ra ở lão lắc đầu một phản ứng kỳ lạ như vậy. Sau khi đã đổ hai thùng nước lên, lượm lại đòn gánh và trao cho lão lắc đầu, Huyền trở vào nhà. Tôi hỏi ngay Huyền về cái chuyện lạ ấy. Huyền thở dài :

— Dây điện, máy điện, cái gì mà có dính dáng đến điện là hần sợ cả. Đạo hần mới tới, một hôm người con cụ Nghè đem về một bình điện, hần vừa trông thấy đã lùi ra sau vườn trốn mất. Với lại không cứ gì là điện. Những vật như thanh tre, dùi sắt, kềm, cặp hần đều sợ cả. Động trông thấy là hần đã rùng mình rồi. Người nào đưa ra với cái dáng hăm dọa là hần thét lên.

Tôi càng ngạc-nhiên hơn :

— Thế anh có hiểu vì sao không ?

Huyền lại nhìn tôi với cái dáng nghĩ-ngợi. Nhưng lần này cũng như lần trước, Huyền không đáp. Tôi nói tiếp :

— Kề ra cụ Nghè cũng là người nhân từ hiếm có. Chứa hần ở trong nhà kề cũng phiền lắm.

— Còn nhiều cái nhiều hơn nữa. Chẳng hạn hắn có một bệnh sốt rất ly-kỳ. Mỗi khi lên cơn sốt, thoát tiên hắn còn nằm nói mê sảng, nhưng chỉ một lát sau, hắn lại vùng lên, chạy như một người điên. Hắn chạy đi như vậy trong một trạng-thái mê-muội, gặp cây hắn trèo lên cây, gặp ao đầm hắn lội xuống ao đầm. Để giữ hắn nằm yên phải ba bốn người lực-lượng chận kỹ mới lại. Thường thường trong cơn mê-sảng hắn hay gào thét. Ngoài ra những lúc trở trời, trông hắn lại càng thảm thương hơn. Hắn nằm xếp ở một xó, ôm ngực lặn lộn và lắm khi nửa đêm đang ngủ, tự-nhiên hắn giật mình rú lên thất thanh như bị những bàn tay vô hình nào đánh khảo dữ dội vậy.

Huyền nói xong, tựa lưng vào ghế, nhìn ra đường. Hơn bao giờ cả, lần này tôi càng chú ý đến cái thái-độ của Huyền. Những nét xúc-động gây nên bởi những chuyện không may vừa xảy ra cho lão lắc đầu lúc này, mãi đến phút này vẫn chưa chịu phai nhòa trên gương mặt thông-minh, sáng-sủa của bạn tôi. Tôi hỏi :

— Thế anh có hiểu gì về cuộc đời quá khứ của lão không ? Tôi chắc anh biết.

Huyền đứng lên, tiến lại phía cửa, vút màu thuốc lá ra sân rồi khoanh tay nhìn tôi. Anh ngập-ngừng một lúc rồi nói :

— Anh đoán không sai. Nhưng chính vì thế mà lâu nay tôi phải ấp-ủ một mối băn-khoăn rất lớn. Mỗi lúc gặp hắn, nhìn hắn, tôi càng phân-vân, bối-rối, vì một vấn-đề mà tự mình chưa biết phải giải-quyết như thế nào mới hợp lý. Huyền lại quay ra phía đường, đưa mắt dăm dăm

nhìn vào chỗ hai thùng nước bị đổ lúc nãy, buồn rầu nói tiếp :

— Chỉ có hai giải-pháp phải chọn lựa. Nhưng đằng nào tôi cũng thấy là bất nhân cả. Đối với tôi, con người thực của lão lắc đầu đã chết mất rồi. Hắn đang chết trong sự sống. Chết vì sự tàn bạo vô lối của loài người. Tôi nghĩ không biết có nên cho « người kia » được thấy hắn đang sống trong một cái chết thảm thương tức-tối như vậy hay không ? Tiết-lộ một sự thực thảm khốc như vậy có lợi hơn hay là câm lặng có lợi hơn ?

Tôi đâm ra bàng-hoàng, ngạc-nhiên trước những câu nói có vẻ bí-hiểm của bạn tôi :

— Anh nói gì tôi thật không hiểu : « Người kia » là ai ? Lão lắc đầu là ai ? Và tại sao anh phải băn-khoăn ? Cái gì mà bí-mật, rắc-rối lắm thế ?

Huyền bật cười. Nhưng chỉ trong giây lát, anh lại trở về với cái dáng trầm ngâm, tư-lự :

— Để anh hiểu được mối băn-khoăn của tôi, không phải chỉ trình bày sự việc mà đủ. Tôi thấy anh cần phải được sống ngay với mối băn-khoăn ấy. Anh sẽ đi với tôi...



Một ngày hè...

Khi vầng dương đỏ rực, như một khối lửa tròn, vừa sắp chạm phải đỉnh núi cao nhất trong thôn Trường-xuân thì chúng tôi đã cách cái xóm ngoại-ô có lão lắc đầu những trên năm mươi cây số. Huyền và tôi đã vượt qua rất nhiều cánh đồng, đã vượt qua hai con sông rộng, một cái ruộng dài, đã vượt qua một cánh đồng cao rồi mới được dừng chân lại.

Sau khi đã rửa chân, rửa mặt ở một cái giếng nước mát lạnh có vành tre, ngay bên đàng, cùng Huyền tôi vào một cái công. Bên trong công là một con đàng cát trắng nhỏ, quét sạch bong, chạy giữa hai bờ cỏ xanh và hai hàng tre đá. Chiều hè, gió nam chưa dứt. Những ngọn tre đá nối tiếp nhau như hai dãy tàn tán ngã ngớn múa lộn rào-rào trong gió lộng và cắt hình sắc-sảo, linh-dộng trên nền trời đỏ ửng ở phương tây.

Con đàng cát trắng xinh-xắn ấy chạy thẳng từ công ngõ vào đến đầu sân. Sau cái sân đất hình chữ nhật phẳng-phiu, trắng trẻo và khá rộng là hai ngôi nhà tranh nằm thẳng góc nhau giữa một khu vườn rậm rạp đầy cả cau, chè, và rất nhiều các thứ cây có trái. Vừa vào đến sân, tự-nhiên tôi cảm thấy vui vui trong lòng và mát rượi cả mặt. Cái cảm-giác đầu tiên này đã gây nên bởi sự sạch-sẽ ở chung quanh tôi. Công ngõ, lối đi, sân, vườn, đâu đấy đều được quét dọn một cách cẩn-thận bởi một bàn tay hết sức chuyên cần, chu đáo. Nền đất sạch bong làm nổi bật những gốc cây và những chiếc lá mới rơi rải-rác trong vườn.

Huyền cất tiếng gọi. Hai con chó, một vàng một đen, từ trong nhà chạy vội ra sủa. Nhưng vừa thấy Huyền chúng đã vầy đuôi mừng rỡ. Một con a lại bên tôi, găm gừ. Ngay lúc ấy, tôi nghe một giọng nói rất cao mà rất thanh :

— Mực ? Không được hồn, đánh chết. Chao ôi ? cậu Huyền. Đã lâu ngày quá mới thấy cậu về chơi. Các cháu nó trông mãi, nhắc cậu mãi đấy.

Huyền mỉm cười :

— Tôi cũng biết thế, nhưng bận lắm chị ạ. Anh Huệ, bạn tôi đây.

Rồi quay lại phía tôi :

— Chị Thung đấy. Chị ấy vui lắm, lại rất hiếu-khách, nhất là những khách như anh với tôi. Dạo này chắc chị còn nhiều thơm, nhiều mít chín. Chúng tôi định về cần quét đấy... Mấy cháu đi đâu cả rồi ? Hưng, Thạch, đầu cả.

Thoạt nhìn chị Thung tôi cũng biết ngay chị là người rất vui tính. Vui từ cặp mắt đến đôi môi, từ sắc mặt đến lối ăn nói. Tuy ở thôn quê, chị không kém vẻ thanh-nhã, gọn gàng với lối ăn mặc rất bình dị. Theo Huyền cho biết thì chị Thung đã trên ba mươi lăm tuổi, con dâu lòng của chị năm nay đã mười tám, nhưng trông chị vẫn còn trẻ lại mẫn mà dễ coi. Qua cái vẻ hơi mồn mõi của gương mặt chữ điền, cặp mắt sáng, vui vui, đôi môi duyên-dáng và cái vóc người tầm thước, tôi thấy thấp-thoáng hình-ảnh một cô thôn nữ xinh-xắn ẩn-hiện giữa đám dâu xanh đã từng làm xiêu hồn những cậu trai làng đa cảm, đa tình. Nhưng cô thôn nữ ấy nay đã biến thành một bà mẹ có hai con, một thiếu-phụ đứng-dẫn, chững-chạc, tuy vẫn vui vẻ, trẻ-trung và nhanh-nhau, lanh lợi, Huyền còn cho tôi biết chị Thung vốn là người cùng làng với anh. Gia - đình chị trước kia thường được cha mẹ anh giúp đỡ những lúc ngặt nghèo nên bây giờ chị rất quý mến Huyền.

Chị Thung vừa thấy tôi đã vội bỏ vạt áo trước đàng vắt trên vai xuống, niềm-nở chào hỏi, chúng tôi vào nhà, rồi thân-mật bảo Huyền :

— Dạo này thơm mít được mùa, không hơi sức mà ăn. Nhưng nghỉ cho khỏe đã. Các cậu thay đồ đi cho mát.

Chị lấy chiếu hoa trải lên phản ngựa mời

Huyền và tôi ngồi. Huyền nhìn chị Thung rồi hỏi :

— Chị có đau ốm gì không mà trông có vẻ gầy thế ?

— Tôi vẫn thường. Chỉ vì chạy theo ba con tằm mà ra thế đấy. Làm ruộng ăn cơm nằm, để tằm ăn cơm đứng, cậu còn lạ gì.

Huyền lắc đầu :

— Chị này đến giỏi. Được mấy nong ?

— Độ mười nong. Dâu nhà có sẵn, không đề cũng uồng. Kén dáo này lại được tiền.

Huyền chép miệng :

— Chị ham làm giàu quá. Công việc đồng áng, vườn tược, vải bô đã bộn bề rồi mà đến tằm tơ chị cũng không tha. Ham thế đề bệnh mà khốn.

Chị Thung mỉm cười :

— Không phải là ham. Cậu nghĩ con cái càng ngày càng lớn, cái thì ăn mặc, cái thì học hành, những chuyện phải không lại nhiều hơn trước. Chỉ giữ cho được cái mức bình thường đề lo cho con nó thành gia thất sau này cũng đủ bê-bết lắm rồi chứ đừng có mong cái chuyện làm giàu.

Chị pha trà mời Huyền và tôi uống, rồi nói tiếp :

— Dáo này tôi không được khỏe như trước. Lắm lúc muốn thu xếp bớt công việc lại. Nhưng nghĩ đến cha nó đã vô phúc... thất-lộc sớm, chỉ đề lại có hai mụn con như thế, không lo cho chúng đến nơi đến chốn mình cũng chẳng đành lòng.

Chị Thung nói những câu sau này với cái giọng rầu rầu. Tôi nhận thấy những nét u buồn xa-xăm thoáng gọn trên gương mặt tươi vui của chị, nhất là hai khoé mắt.

Ngay lúc ấy Hưng và Thạch cùng về. Hai gã trai tơ vạm-vỡ này với gương mặt phúc-hậu thực-thà và cũng vui vẻ như mẹ khiến tôi có cảm-tình ngay. Tuy mới gặp lần đầu, nhưng cả hai đối với tôi rất niềm nở, thân-mật như đã quen thân lâu ngày.

Vừa trông thấy các con, chị Thung đã vui hẳn lên.

— À, mau lên. Có các cậu về chơi. Hai chú liệu mà bắt gà ngay đề mợ làm cơm sớm. Cậu Huyền vừa hỏi thăm thơm chín, mít chín đấy.

Thạch nhanh nhẩu :

— Anh hai đi ví gà đề tôi đi thử thơm, thử mít.

Chị Thung lắc đầu, cười :

— Mày thì chỉ giỏi cái việc tránh nặng tìm nhẹ.

— Mợ cứ tưởng ! Thử thơm, thử mít có phải dễ đâu. Kiến nó cắn cho bỏ mợ. Nhưng ai có sở-trường nấy chứ.

Hưng cười theo mẹ :

— Thôi được, mợ đề tôi ví gà. Nó sở-trường chả trách những hôm nghỉ học nó thử suốt ngày ngoài vườn không chán. Ba con đôi cũng chịu thua nó.

Tối hôm ấy, tôi được chia xẻ một bữa cơm gia-đình rất ngon lành, vui vẻ. Và sau bữa cơm, cảnh đoàn-tụ trong tình âu-yếm, khăng-khít của chị Thung với hai con cùng những câu chuyện thân-mật đậm-đà giữa một khung cảnh ấm-cúng, càng làm tăng thêm lạc thú gia-đình và cảnh hạnh-phúc bình-yên của nhà này.

Giữa lúc đang vui chuyện, Huyền lấy đầu ra một bức ảnh đã ngả màu vàng, bị sờ nhiều nơi, đưa tôi xem :

— Ảnh anh Thung đây. Anh trông này, thật là giống y Hưng và Thạch.

Tôi cũng thấy như vậy. Người trong bức ảnh bán-thân là một thanh-niên độ hăm-lăm, hăm-sáu tuổi, mặc áo dài đen, đầu-húi ca-rê, khuôn mặt chữ điền, trông có vẻ trung-hậu, mộc-mạc.

Chị Thung cúi nhìn bức ảnh với đôi mắt đầy âu-yếm, bảo Huyền :

— Bức ảnh này giống lắm, nhưng sắp mờ. Tôi định thuê người ta họa lại.

Tôi hỏi :

— Anh mất được bao lâu rồi.

Chị Thung ngàng mặt lên với đôi mí mắt chớp nhanh :

— Mất từ ngày... từ lúc Thanh mới lên hai. Có trên mười sáu năm rồi.

Tôi chẳng hiểu vì sao khi trả lời, chị Thung lại có vẻ lúng túng, ngập ngừng và đưa mắt nhìn Huyền. Vừa nói xong chị lại mỉm cười :

— Các cậu đi nghỉ. Tôi còn phải thái dầu cho tắm ăn. Hưng hay Thạch giúp mợ một tay.

Huyền nhìn ra sân, bảo tôi :

— Trăng đẹp quá. Chúng ta đi dạo một lát.

Chúng tôi cùng ra cổng, theo bờ ruộng, dạo chơi rồi đến ngồi trên một tảng đá lớn nổi lên giữa đồng. Huyền bỗng hỏi tôi :

— Anh thấy cảnh gia-đình ấy như thế nào ?

— Thập là êm đẹp. Có thể bảo là đầy hạnh-phúc. Hưng, Thạch mồ côi cha từ lúc nhỏ, có được một bà mẹ như thế kẻ cũng thật là may-mắn.

Trăm-ngâm một lúc, Huyền lại hỏi :

— Anh nghĩ thế nào nếu có sự tan vỡ xảy đến cho gia-đình chị Thung ?

Ngạc-nhiên tôi nhả Huyền :

— Tại sao anh lại hỏi tôi như vậy ?

— Anh cứ trả lời tôi trước đã. Tôi muốn hỏi là anh có can-dảm đề gây ra một cảnh tan vỡ cho cảnh hạnh-phúc, bình yên ấy không, dầu là vì một lý-do nhân-dạo.

Tôi lắc đầu :

— Không có một lý-do nào gọi là nhân-dạo khi đang tâm phá-hoại một cái tổ ấm như thế. Tôi không có can-dảm đề nghĩ đến một chuyện đáng buồn như vậy. Dầu chỉ là tưởng-tượng.

Huyền thở dài, đưa mắt buồn rầu nhìn những lũy tre và thôn mạc kéo dài ra như một dãy trường-thành đen lù-mù ở phía chân trời bên kia cánh đồng rộng :

— Ấy thế mà có. Chính vì có một lý-do như vậy nên tôi mới khó nghĩ.

— Anh nói thế nào ?

Huyền bỗng nhìn thẳng vào mắt tôi :

— Anh đã xem kỹ bức ảnh của Thung rồi chứ ?

— Xem rồi. Nhưng có gì lạ đâu ?

— Cái lạ không phải là ở bức ảnh, nhưng ở ngay trong cái điều tôi muốn tiết-lộ với anh hôm nay. Tôi chắc là anh không thể nào ngờ được, tin được một chuyện lạ lùng như thế. Vì tôi nói thật với anh, Nguyễn-văn-Thung chính là... lão lắc đầu.

Tôi trở mặt, kêu lên :

— Vô-lý : Không có thể có chuyện lạ như vậy.

— Anh cho vô-lý là phải. Nhưng đó là sự thực. Một sự thực mà ngoài tôi ra không

ai được biết. Vì không ai ngoài tôi, dầu người ấy là vợ, là con hay anh em thân thích, còn có thể nhìn ra Nguyễn-văn-Thung trong lão « lặc đầu ».

Tôi bật cười :

— Anh nói đùa đấy phải không ?

Nhưng Huyền nghiêm ngay sắc mặt :

— Tôi không đùa. Đó là sự thực. Một sự thực tàn khốc và rất đau đớn. Không phải chỉ đau đớn riêng cho gia-đình chị Thung mà đau đớn, tủi nhục cho con người nói chung.

Tôi vẫn phản đối :

— Dầu sao tôi cũng không tin được. Nguyễn-văn-Thung trong ảnh và lão lặc đầu khác nhau xa quá, dầu cho là bức ảnh đã chụp cách đây trên mười mấy năm trời. Tôi đã nhìn kỹ. Không có một điểm nào trong ảnh có thể làm cho tôi liên tưởng đến người ở của cụ Nghè Tân. Hơn nữa, nếu lão lặc đầu là Thung thì tại sao chị Thung lại cứ đinh-ninh là chồng mình chết.

Vừa nói xong, tôi sực nhớ đến cái vẻ ngập-ngừng, lúng-túng của chị Thung khi trả lời câu hỏi của tôi lúc này. Huyền quẹt diêm đốt thuốc hút rồi nằm ngửa người trên tảng đá :

— Anh bình-tĩnh mà nghe. Tôi muốn anh xem kỹ bức ảnh của Thung ; đem so sánh nó với dung-mạo lão « lặc đầu » không phải dễ nhận ra một vài dấu vết của lão ở người cũ, nhưng dễ anh được chứng-kiến rõ-rệt cái thành quả khốc-liệt của những thứ kỹ-thuật, phương-tiện ngày mỗi tiến-bộ đã từng góp phần phụng-sự lòng tham-vọng, háo thắng, cuồng bạo của con người trong những chủ-trương đàn-áp, diệt-trừ lẫn nhau để tranh phần ưu-thế giữa cuộc

sống. Lão « Lặc đầu » quả thật không còn là Nguyễn-văn-Thung, không còn là hiện-thân của một thứ tinh-thần nhập thể mà chỉ là một sản-phẩm quái-dị, tất nhiên của các cuộc tranh-chấp bạo-tàn ấy.

Huyền ngừng lại, im lặng một lúc lâu rồi quay về phía tôi :

— Nguyễn-văn-Thung đã chết. Thung đã chết ngay trong lão « lặc đầu ». Cái chết của Thung vừa đáng đau xót lại vừa đáng thương hại, buồn cười. Những cuộc tranh-chấp mù quáng về lý-tưởng chính-trị đã vô tình mang lại cho một số lương-dân hiền lành vô tội một vinh-dự khá lớn đấy, nghĩa là đã biến-chế một cách chủ-quan những thanh dân quê hiền lành, mộc mạc, ngoan ngoãn, suốt đời không hề biết chính trị là gì, không hề dám nghĩ gì khác hơn là công ăn, việc làm, thành những tên đối-lập đáng được coi là lợi hại, những phần tử phản-động rất nguy-hiêm, tai hại cho chế-độ nếu không dìm sâu chúng xuống cái hố sa đọa của thể xác lẫn linh hồn... Nguyễn-Văn-Thung là một kẻ bất hạnh trong số người bất hạnh đó.

— Tôi hiểu cái tình-trạng ấy rồi. Nhưng tôi vẫn thấy trường-hợp lão « lặc đầu » là kỳ quặc và khó tin quá.

Huyền cười :

— Anh hãy để tôi nói hết đã. Câu chuyện còn dài.

Huyền đưa mắt dăm dăm nhìn theo những làn khói thuốc trắng ngò-ngò nhẹ vươn lên trong quãng không trung trong bóng, sáng lạng, rồi bắt đầu kể.

★

Nguyễn-Văn-Thung cũng như bao nhiêu dân quê thuộc hạng đủ ăn khác. Sinh ra và

lớn lên trong đồng quê nội cỏ, hẳn không có những ước vọng cao xa lắm. Cái mộng của hẳn thật là thực-tế và giản-dị. Được sống trong cảnh an-cư lạc-nghệp, đem sức cần-lao cày sâu cuốc bẫm; khai thác những ruộng đất ít-ỏi của cha ông để lại, bên cạnh một người vợ đảm-đang, một bầy con mũm mĩm, thế thôi. Hạnh-phúc đối với Nguyễn-Văn-Thung chỉ có nghĩa là no cơm, ấm áo, sống có nhà, thóc có mồ, là cảnh quây-quần đoàn-tụ của những linh-hồn thân yêu dưới mái tranh ấm cúng, sau lũy tre xanh, giữa cái thôn mạc quen thuộc đã từng ấp-ủ những năm xương tăn của tiên-tổ hẳn, là sự gầy dựng cho đàn con cái nên gia-thất như bố mẹ hẳn đã gầy dựng cho hẳn trước khi nhắm mắt qua đời. Nguyễn-Văn-Thung không tham-lam, ham hố, không đòi-hỏi quá nhiều về phần hưởng - thụ trong cuộc sống, cũng không bao giờ hẳn băn - khoăn, suy bì về cái thân-phận con người của hẳn, ngay những lúc Nguyễn-văn-Thung ngược mắt nhìn lên những kẻ đã giành giật được nhiều ưu-thế hơn trong cuộc sinh-tồn.

Ấy vậy mà rồi cái mộng giản-dị của Nguyễn-văn-Thung chỉ vừa mới được thực-hiện đã vỡ tan ngay.

Sự tan vỡ này cũng được bắt đầu như bao nhiêu tan vỡ mà người ta thường thấy xảy đến cho đám dân quê, bởi cái nạn cường-hào dưới chế-độ vua quan, thời Pháp thuộc. Cái rủi ro của Nguyễn-văn-Thung, ngay dưới thời ấy, là đã có một người vợ khá xinh và mấy thửa ruộng khá tốt, nghĩa là đã có những gì mà quan-niệm tư-hữu cùng cái tham-vọng chiếm đoạt của bọn cường-hào không thể chấp-thuận được ở một tên bạch-đinh tầm thường như Nguyễn-văn-Thung. Và vì thế, một buổi sớm, tại

họa đã ập vào cái tổ ấm cúng của hẳn. Một sự tái-diễn của tấn-tuồng đã quá nhàm tai, chán mắt: một bọn đầu trâu, mặt ngựa, có súng ống, bao vây quanh vườn, lục soát khắp nhà, bắt được quả tang một lá cờ đỏ, một xấp truyền đơn dấy trong bồ lúa. Chỉ thế thôi cũng đủ cho tên bạch-đinh Nguyễn-văn-Thung hết thời. Hẳn liền bị trói lại điệu cồng đi, giữa những tiếng gọi thê thảm của hai đứa con thơ và những kêu oan chuyền trời, dậy đất của chị vợ trẻ.

Từ trong cảnh hạnh-phúc bình yên, Nguyễn-văn-Thung bước ngay vào địa-ngục. Và sau khi đã bị một bầy ngạ-quỷ tra tấn đến như nhuyển cả thê xác, học cả máu mồm, máu mũi tên bạch-đinh thực-thà như đếm, biết tôn-trọng phép vua, lệ làng như những tín-dồ ngoan đạo tôn-trọng giới răn của giáo-chủ và khiếp oai của các quan « bảo-hộ » như chuột khiếp oai mèo, phải đấm ngực thú nhận hẳn đã nhúng tay vào các hoạt-động phá rối an-ninh, lật đổ chánh-quyền để sau đó, nhận lãnh một cái án khổ sai chung thân và ném mùi Côn-đảo. Một năm sau, người ta được tin hẳn chết.

Thực ra, Nguyễn-Văn-Thung đâu đã được thoát nợ một cách dễ-dàng như vậy. Chính tên cường-hào hám-hại Nguyễn-Văn-Thung đã cho phao ra cái tin kia để dễ bề dụ dỗ vợ Thung dấy thôi. Nhưng giữ vẹn tấm lòng thủy-chung, son sắt với chồng, người vợ trẻ của Nguyễn-Văn-Thung đã đặt bàn thờ, để tang cho chồng và một nguyên ỡ vậy nuôi con. Trong lúc đó, Nguyễn-Văn-Thung, một mình dò-dám trong cảnh đoạn trường kéo dài, như thân-phận kiều-nhi thuở nào, trên những mười mấy năm trời.

Nếu xưa kia, Kiêu-nhi đã nặng nợ má đào thì ở thời bây giờ, Nguyễn-Văn-Thung lại nặng nợ chính-trị. Bảo rằng nặng nợ vì có một sự lạ là từ ngày hắn bị bắt cho đến lúc trở về với cụ Nghè, trải qua bao nhiêu chế-độ, bao nhiêu biến-cổ lớn-lao của đất nước, cái nợ ấy vẫn theo đuổi hắn mãi không thôi. Ngục-thất

với những cảnh tra-tấn, nhất là tra-tấn, đối với hắn cũng như cái số thanh-lâu, thanh-y đối với nàng con gái họ Vương khi chưa dứt nghiệp. Nhưng nàng họ Vương còn có cái tội dâm dật, quyến-rũ chồng người ta, chứ Nguyễn-Văn-Thung thì hắn chẳng biết là hắn đã có tội gì? Chính đây là cái nghi-vấn mà cả « con người » của Nguyễn-Văn-Thung đã nêu ra trước Huyền, trong buổi tái-ngộ lần thứ nhất, sau mười năm trời cách-biệt.

Huyền gặp lại hắn giữa mùa bình-hòa, trong một cái quán ở Bồng-sơn. Mười năm qua, Nguyễn-Văn-Thung đã khác đi nhiều: gầy ốm, tiều-tụy, gầy gập đến nỗi lúc đầu nếu hắn không hỏi Huyền thì anh khó thề mà nhận ra được hắn. Và đêm ấy, trong quán trọ, Nguyễn-Văn-Thung đã thủ-thỉ kể lại với Huyền những khổ cảnh dập-dồn của hắn trong thời-gian qua.



Với cái án khờ-sai chung thân, Nguyễn-Văn-Thung đã được ném ra Côn-dào, sống dờ chết dờ ở đấy trên bảy năm trời. Giữa lúc bao nhiêu hy-vọng được quay về tổ ấm đã tiêu tan, và hắn đã định-ninh là sẽ phải gởi nắm xương tàn khô lạnh ở cái vùng tử-dịa sâu thẳm này thì con đường cứu rỗi lại vụt mở ra trước hắn. Cuộc

khởi-nghĩa mùa thu, một sớm kia, đã đập tan xiềng-xích cho Nguyễn-Văn-Thung. Với sự giải-phóng may mắn này hắn còn được hưởng một vinh-dự ngoài ý ước mong. Vì là một phạm-nhân chính-trị «Cộng-sản», Nguyễn-Văn-Thung đã được gọi là « đồng-chí », được hoan-hô, ca-tụng, đề-cao tinh-thần bất khuất, tinh-thần cách-mạng vô sản. Người ta còn gõ vào trán hắn để làm cho hắn giác-ngộ rằng đồng-chí Nguyễn-Văn-Thung không còn

là một tên bạch-đinh hèn hạ, một tên nô-lệ mà là một công-dân. Hắn cũng chẳng biết một tên bạch-đinh, một tên nô-lệ khác với một công-dân như thế nào. Điều đó hắn thấy là rắc-rối, khó hiểu và chừng như cũng không quan-hệ lắm. Cái quan-hệ là hắn đã được phóng-thích, được thoát ra khỏi cửa địa ngục giữa nhân-gian để trở về hít lại khí trời trong lành mát mẻ, ướp đầy hương thơm rơm rạ sau lũy tre xanh, hú-hí với

vợ con, tiếp-tục khai-thác những thửa đất ruộng mà hân đã dồ vào đấy không biết bao nhiêu là tình thương yêu và mồ hôi nước mắt. Trước sự may mắn bất ngờ này, Nguyễn-Văn-Thung mừng rỡ đến muốn phát điên. Hân có cảm-giác như vừa tỉnh một cơn ác-mộng.

Nhưng tội - nghiệp cho Nguyễn-Văn-Thung ! Hân có biết đâu, cơn ác-mộng này vừa tan lại đã có cơn ác-mộng khác tiếp-diễn. Cuộc đời hân chỉ kết toàn bằng ác-mộng.

Hân vừa sống với niềm hân-hoan của một con chim sỏ lồng chưa được mấy hôm thì cái « *nợ chính-trị* » lại đã chạy theo chộp cồ hân ngay trên đường về.

Vì trên đường về, đồng-chí công-dân Nguyễn-Văn-Thung, một đêm kia đã trở lại trong một quán cơm với cái tư-cách công-dân của một nước tự-do, độc-lập để trút bớt nỗi nhọc đi đường và tạm cho cái thần xác đã quá bệ rạc được nghỉ-ngơi đôi chút hầu lấy lại sức mà tiếp - tục cuộc hành-trình ngày mai. Đồng-chí công-dân Nguyễn-Văn-Thung chỉ cần ăn, cần ngủ, chứ thực tình ra không có một ý-nghĩ, một dự-dịnh đại-dột nào đã nầy-nở trong đầu óc của một tên tù « *chính-trị* » vừa được phóng-thích sau bảy năm trời ở Côn-đảo, lại nóng lòng được thấy mặt vợ, mặt con. Quán trọ dầu tồi tàn chật-chội, nhưng được chen vào để ngả lưng xuống, đồng-chí công-dân Nguyễn-Văn-Thung vẫn thấy ấm-áp, sướng khoái gấp trăm nghìn lần những đêm phải quần-quại trong ngục-thất. Và khi vừa ngả lưng, tâm-tư đồng-chí liền hướng ngay về quê cũ. Vì là đêm đông, trăng sáng lơ-mơ, nên giữa những tiếng ếch nhái rộn-rã dâng lên khắp đó đây

trong bóng đêm xám loảng lạnh-lùng, trí-tưởng của Nguyễn-Văn-Thung cũng khéo hình-dung lại cái tờ-ấm của hân trong một thứ ánh-sáng lơ-mơ như vậy dưới bóng trăng suông. Đây là một hình-ảnh rất quen thuộc, một hình-ảnh đã từng ve-vãn tâm-tư hân trong bảy năm trời : một nếp nhà tranh nho-nhỏ, xinh xinh, ẩn-nấp giữa một khu vườn rậm-rạp, cánh lá mùa lộn rối-rít trong cơn gió lộng. Đêm nay, hình-ảnh ấy lại càng gần-gũi, rõ-rệt hơn nhiều và chuyển thành một thực-tại trong thế-giới mộng-mị... Nguyễn-Văn-Thung thiếp lặn đi. Và trong cõi mộng-mị là cả một cuộc tương-phùng, đoàn-tụ, mà niềm hoan-hỉ được biểu-lộ bằng những giọng lệ nóng nhiều hơn là những tiếng cười. Thật vậy, Nguyễn-Văn-Thung đã khóc, vợ hân cũng khóc. Khóc vì mừng, khóc vì tủi, khóc vì sung-sướng, khóc để cho lắng dịu bớt nỗi-niềm hân-hoan đã ngập dâng lên đến cái mức-độ mà sức người không còn chịu đựng nổi. Nhưng chính giữa lúc Nguyễn-Văn-Thung đang khóc, vợ hân bỗng quay lại rú lên. Nguyễn-Văn-Thung vừa nhìn theo đã đâm ra hốt-hoảng, sững-sốt, đứng trơ như pho tượng đã trước một cảnh-tượng bất-ngờ. Từ cổng, một toán lính có súng ống do tên cường-hào thuở nào hướng-dẫn rùng rùng, hùng-hồ kéo ập vào nhà. Rồi một tiếng quát :

— Trói lại !

Tiếng quát dữ-dội quá Nguyễn - Văn-Thung giật mình, choàng tỉnh. Hân nghe mồ-hôi toát ra ướt lạnh cả tấm cơ-thể đang còn run rẩy. Nhưng ngay trong cái trạng-thái ngái ngủ, hân vẫn nhận được rằng đây chỉ là một cơn mơ. Người hân nghe nhẹ hân đi và, sung sướng, hân nhắm mắt lại. Bỗng một tiếng quát tháo thứ hai,

dữ-dội hơn, đập thẳng vào màng tai hắn :

— Trói lại ? Còn tên này nữa, đứng lên.

Một bàn tay ghì chặt mái tóc Nguyễn-Văn-Thung giật mạnh. Rồi một cái tát, hai cái tát, ba bốn cái tát tới tấp nện vào mặt hắn làm cho hắn điếng cả người, hoa cả mắt, chỉ thấy toàn là hoa sao với những hoa sao. Và sau những cái tát nên thân này, đồng-chí công-dân Nguyễn-Văn-Thung tỉnh người thực sự. Hắn vội đứng lên, trở mặt ra nhìn. Hình ảnh nếp nhà, vợ hắn, con hắn, tên cường-hào và cả toán đầu trâu mặt ngựa biến tan đâu mất. Trước hắn, trong ánh đèn mới thắp, ánh lửa bếp mới nhóm là ba người lính mang súng máy, một người mặc đồ bà-ba đen cầm súng sáu, tướng mạo rất dữ-dần, gườm gườm nhìn hắn với cặp mắt nầy lửa. Chung quanh hắn là đám khách trọ cũng vừa thức giấc, kẻ đứng, người ngồi lộn-xộn, nhưng ai nấy đều im lặng phăng-phắc, xám xanh mặt mày.

Nguyễn-Văn-Thung càng sửng-sốt hơn khi thấy người thanh-niên cùag nằm chung với hắn một chiếc giường tre kê ở phía trong cùng đã bị trói cấp ké lại. Giữa lúc hắn còn đang bàng-hoàng ngờ-ngác chưa hiểu đầu đuôi cơ sự ra sao thì hai người lính đứng gần đã áp lại trói tay, rồi cả bốn cùng điệu cổ hắn với người thanh-niên ra khỏi quán. Bắt đầu từ phút ấy, với một tâm-thần hoang-mang, giao-động, đồng-chí công-dân Nguyễn-Văn-Thung đã phải theo bọn người lạ mặt, lê bước đi mãi không ngừng. Như thế cho đến lúc tảng sáng hắn mới được nghỉ chân, nghĩa là được đập nhào vào

và nhốt lại trong xó một cái đình làng trơ-vơ ở ven rừng mà nhà cầm quyền đã biến đổi thành một nhà lao tạm.

Suốt cuộc hành-trình từ quán trọ đến nhà lao và suốt một ngày dựa tường ngồi không hề ngáp vật trong cái lao-xá tạm bợ, hung-nhúc những người cũng bị trói, giam như hắn, Nguyễn-văn-Thung đã vận-dụng không ngừng trí óc mà vẫn không tìm ra được cái lý-do vì sao hắn lại bị bắt bớ, giam giữ, hắn, một tên phạm nhân vừa được phóng-thích mới có ba hôm, và trong ba hôm ấy, dẫu với cặp mắt của Thánh Thần cũng chẳng ai có thể nhận thấy ở hắn một hành vi nào đặc tội cả.

Mãi đến tối hôm ấy, sau khi đã được ném vào phòng tra-tấn cách nhà lao tạm khá xa, Nguyễn-văn-Thung mới ngã người ra trước tội-trạng của hắn. Thì ra cái tội của Nguyễn-văn-Thung là đã trọ chung một quán, đã ngủ chung một giường với gã thanh-niên bị bắt, đã gọi gã là đồng-chí trong lúc ăn cơm như nhiều người đã gọi hắn từ cái giờ phút được phóng-thích đến nay. Chính những tội này đã đẻ ra nhiều tội khác. Tội phản động, tội tham-gia một tổ-chức gián-diệp, nghĩa là tội Việt-gian phản-quốc. Bằng chứng không cần nhiều : gã thanh-niên mà hắn trọ chung quán, ngủ chung giường, xưng hô đồng-chí là một tay gián-diệp, một tên phản-động, một đại Việt-gian từ vùng bị chiếm mới vào. Đây là một thứ lý-luận sắc bén, phát xuất từ óc nhận-dịnh sáng-suốt của nhà chức-trách trên lập-trường, « phản phong, phản đế » nên chẳng còn sai chạy đâu được nữa, dẫu Nguyễn-văn-Thung là một đồng-chí công-dân, một nạn nhân của chế-độ cũ.

Đồng-chí công-dân Nguyễn-văn-Thung những nghe mà toát cả mồ-hôi hột. Hắn

muốn vạch trời lên. Nhưng trời đã cao mà phòng tra-tấn thì lại kín đáo, khuất vắng quá. Hãn muốn moi gan, rút ruột ra để bày tỏ nỗi oan Thị Kính với những con người đang muốn đưa hãn vào chỗ chết. Nhưng những con người ấy đâu có muốn nghe. Phòng tra-tấn không phải là chỗ để kêu oan, nhưng là nơi để nhận tội. Người ta không cần nghe những gì hãn muốn trần-tình, chỉ cần được hãn xác-nhận những điều người ta quyết đoán về hãn là đúng mà thôi. Phòng tra-tấn cũng không phải là nơi để tranh-luận. Đã vào đây chỉ cần phải chọn một trong hai lẽ: « *không thú-nhận thì phải chịu tra-tấn muốn khỏi tra-tấn thì phải thú-nhận* » thế thôi.

Nhưng ngay giữa những thứ dụng-cụ « *hành-thân hoại thể* », trong bầu không-khí lạnh-lùng, rùng-rợn của phòng tra-tấn, kinh-nghiệm bản-thân cách đây những bảy năm trời của tên bạch-đỉnh đã nhắc chừng « *đồng-chí công-dân* » một sự đại-ngộ cần tránh. Nguyễn - Văn - Thung sức nhớ lại những lối tra-tấn mà hãn đã được nếm mùi. Chính vì thiếu một sức chịu đựng dẻo-dai đối với những khổ hình man rợ, và cầu sự cứu rỗi về phần khu xác, hãn đã tự-nhận những gì mà hãn chẳng hề làm cũng không hề biết để sau đó, phải rước vào mình cái án khổ-sai chung-thân và suýt phải vùi thân nơi Côn-đảo. Bảy năm trời kéo dài lê-thê cái số kiếp dọa lạc của một thằng người bị vật-hóa trong cảnh tù đầy cũng đã đủ cho Nguyễn-Văn-Thung sáng mắt ra rồi. Và phen này thì hãn chẳng còn đại ngộ nữa. Hãn quyết tâm không chịu dầu hàng bất cứ một thứ khổ-hình nào. Hãn nhất-định không chịu thú-nhận một cái gì cả dầu có phải nống nước xà-phòng đến tràn cổ, có phải bị thoi, bị tát, bị đấm, bị đá đến gãy

cả răng, dập cả mũi, vỡ cả ngực, trào hộc cả từng vũng máu, có phải khát đến muốn đứt cả cò họng vì những bát cơm trộn muối, có phải đau đớn, nhức nhối thấu ruột, thấu gan vì những chiếc lò-xo luồn vào dương-vật, có phải mềm xương nát thịt bởi những trận đòn như - tử, những cơn điện giật, những phút sắt hồng, lửa nóng đốt nung. Hãn quyết-tâm chịu đựng tất cả, dầu phải bỏ xác ngay trong phòng tra tấn. Vì đối với Nguyễn-Văn-Thung, được chết còn sướng hơn, khỏe hơn, để chịu hơn là phải sống ngoắc-ngỏi trong cảnh tù đầy, trong sự tàn phế, còn may mắn hơn là phải mang một cái khu xác suy-nhược hư hỏng, sai suyền, xệch-xoạc vì đã từng bị nhồi vạc tàn-nhẫn bởi những bàn tay bất chấp đức hiên-sinh của Trời Đất.

Thế rồi một đêm qua, hai đêm qua, ba đêm qua... đồng-chí công-dân Nguyễn-Văn-Thung đã làm cho các nhân - viên công - an phụ - trách tra - tấn phải kinh-ngạc và đâm hoảng lên trước sự lì-lợm, gan góc của hãn. Tất cả mọi kỹ - thuật, mọi sáng-kiến, mọi bí-quyết, kinh-nghiệm của nghề - nghiệp đều được đem ra áp-dụng nhưng thật là vô hiệu. Đêm đêm, những cuộc tra-tấn dữ-dội chỉ có thể làm cho hãn tru, hãn khóc, hãn gào rú, lồng-lộn, quần-quại giãy-gụa, hộc máu mồm, tươm máu mũi, chết đi sống lại chẳng biết bao nhiêu lần, nhưng thú nhận thì hãn không thú nhận. Mãi như thế đến hai tuần lễ, khi cái khu xác của hãn đã mềm nhũn ra như bún thì công-cuộc « *khai-thác những bí-ẩn chính-trị* » trong cái bao tời thịt ấy cũng được chấm dứt. Nhưng thắng-lợi vẫn không thuộc về phần hãn. Bởi chừng cuộc khai-thác, không vì cái « *gan liềm tướng - quân* » của hãn mà

chẳng đạt tới những kết-quả khả-quan. Trước hết, là sự nhận-định được rằng kỹ-thuật, dụng-cụ tra tấn tuy đã rất tiến-bộ nhưng chưa chạy theo kịp với cái trình-độ lì-lợm của những tên phản-động lợi-hại như Nguyễn-Văn-Thung. Đây là cả một vấn-đề quan-trọng, cần được vận-dụng tất cả trí óc thông-minh của con người để nghiên-cứu lại vì hạnh-phúc của nhân-dân, dân-tộc, nhân-loại. Thứ đến, chính sự căm-lặng ngoan-cố của Nguyễn-Văn-Thung tự nó đã là một bằng chứng cụ-thể, xác-thực đủ để khép hẳn vào tội Việt-gian phản-quốc và đưa vào nghỉ-ngơi ở một lao-xá bí-mật tại một vùng núi non heo-hút.

Cái hậu-quả bất-ngờ này đã làm cho Nguyễn-Văn-Thung về sau phải hối-hận mãi. Hối-hận vì hắn đã khôn-ngoaan một cách hết-sức đại-dột. Hắn phản-nàn rất nhiều về sự đại-dột này khi hắn cho Huyền biết rõ về tình-trạng sức khỏe của hắn sau những cuộc tra tấn và ba năm sống lại trong cảnh lao-tù. Cộng với bấp năm ở Côn-đảo.

Ngồi ăn trên chiếc sập tre, đã có lúc Nguyễn-Văn-Thung cởi áo cho Huyền xem những vết sẹo chi-chít trên vai, trên lưng, trên ngực. Nhưng không phải những vết sẹo làm cho Huyền phải chau mày mà chính là cái hình-thù của hắn. Một tấm khu xác đã thoát-nhục. Kể bệnh thoát-nhục thì thường được chết, còn hắn thoát-nhục để phải mang lạch-cạch, lọc-cọc một bộ hài-cốt bọc qua một lớp da vàng bủng. Bộ hài-cốt ấy lại cử-động một cách chậm-chạp, khó-khăn như một thằng người máy đã bị lờn dây cốt.

Tuy Nguyễn-Văn-Thung chỉ ăn cơm chan với một ít nước canh, nhưng thỉnh-

thoảng hắn lại phải bỏ đũa, nhắm mắt, ôm má suýt-xoa rồi ngàng đầu lên, há rộng mồm lấy tẩm xia-xói một lúc lâu mới cúi xuống để và miếng khác. Cũng trong bữa cơm kham khổ, nhọc nhằn ấy, Nguyễn-Văn-Thung đã cho Huyền biết thêm là sau ba năm, cũng như khi ở Côn-đảo dạo nào, giữa lúc hắn đã định-ninh cái ngục-thất ẩn-nấp giữa rừng xanh, núi đỏ chính là cái trạm cuối cùng để hắn dừng chân, dọn mình chờ đợi giờ thoát kiếp thì, một sớm, người ta lại lôi cổ hắn ra, gọi hắn là đồng-chí công-dân, báo cho hắn biết một cái tin mừng: hắn được phóng-thích. Huyền hỏi vì sao hắn lại được cái may-mắn ấy thì Nguyễn-văn-Thung lắc đầu:

— Là vì các ông Công-An họ sáng-suốt. Các ông đã điều-tra ra tôi là người vô tội, không phải là phản-động, Việt-gian gì ráo, Người ta bảo thế.

Hắn mỉm cười chua-chát, đưa tay vỗ nhẹ vào ngực, vào bụng, rồi lại nhắm mắt, nói như muốn khóc:

— Đến khi họ sáng-suốt ra thì mình đã phải ở tù sắp rụng xương rồi. Ba năm chứ ít-ỏi gì đâu. Cái khổ còn gấp mấy lần ở Côn-đảo. Tôi cũng không hiểu vì sao tôi sống được đến ngày nay. Tôi nghe ruột, gan, tim, phổi, xương xóc của tôi chừng như đã đập nát cả trong này rồi. Nhất là những hôm trời... chịu không thấu.

Rồi hắn hạ thấp giọng:

— Tôi bị ho ra máu lâu nay.

Huyền càng ngắm kỹ Nguyễn-văn-Thung càng thấy thương hại, Sự suy-nhược về thể-xác của hắn thật đã vượt hẳn sức tưởng-tượng. Dạo ấy hắn mới ba mươi bảy tuổi, nhưng hắn đã già sạm hẳn đi, gầy gò còn cõi trông đến tàn-tệ. Hắn xấu và khác quá,

khác hẳn, lạ hẳn. Hình ảnh Nguyễn-Văn-Thung đã bị phai nhòa dầu mắt trên bộ xương bọc da này. Và thần-sắc, với cái dáng ngồi co-ro, cặp mắt lừ-dừ gần như muốn tắt cả ánh-sáng, trông hẳn có vẻ ủ-rũ, ngờ-ngác như một con chim ướt lông, ướt cánh, run-rẩy trên tàu lá chuối xác-xơ trong gió lạnh một chiều đông, dang phân-vân chưa biết nên nhắm về hướng nào để cất cánh.

Nghe Huyền thuật lại tình-hình gia-đình sau khi hẳn bị bắt và nói rõ về tấm lòng chung-thủy của vợ hẳn, Nguyễn-Văn-Thung cảm-động đến run cả đôi môi, đỏ ướt cả mắt, rồi hẳn mếu dài như một đứa trẻ con, gục đầu xuống, ôm mặt khóc nức-nở. Khi mối xúc-động mãnh-liệt trong lòng đã lắng dịu bớt, hẳn chùi qua nước mắt, nghẹn-ngào hỏi :

— Ông xã Bảy vẫn còn sống chứ ?

Xã Bảy là tên cường-hào đã hãm-hại hẳn. Hiểu ý-nghĩa câu hỏi, Huyền mỉm cười thương hại :

— Từ dạo tác-chiến bùng nổ đến nay, tôi vì bận công-tác ở tỉnh khác không về thăm làng tôi cũng như vùng anh ở được. Nhưng nếu lão còn thì đã làm sao. Thời này chứ phải thời trước đâu.

Nguyễn-Văn-Thung lắc đầu :

— Cậu cứ tưởng thế. Tôi nghe thiên hạ người ta nói « khôn cũng chết, dại cũng chết, biết không chết ». Tôi hiểu thế nào là biết rồi. Lão xã Bảy nhất-định phải thuộc về hạng biết. Thời nào rồi họ cũng thoát được cả, cũng ăn trên ngồi trốc được cả.

— Anh dựa vào đâu mà nói thế ?

— Tôi thấy nhiều chuyện rồi. Chả hạn như một số trong những người tra tấn tôi

lần sau đây lại cũng chính là những người đã tra tấn tôi dưới thời Pháp thuộc. Và thời bây giờ cũng như thời trước, thời nào họ cũng thôi, cũng đăm, cũng đá, cũng hành hạ tôi... một cách rất nhiệt thành hăng-hái, tưởng như họ chưa từng trung-thành với một chính-phủ nào ngoài chính phủ này. Tôi nghĩ ông xã Bảy cũng như rứa mà thôi. Chỉ có ngu-si như hạng bầy tôi mới khờ ; mới chết. Mà lão xã Bảy còn thì ..

Huyền an-ủi hẳn :

— Anh đừng nghĩ quẩn, đừng suy-diễn quá đáng như thế ? Lão xã Bảy đâu có còn cũng đã mất cả ủy-thể rồi. Với lại không về thì đi đâu ?

Nguyễn - Văn - Thung gục đầu xuống trong hai bàn tay gầy-guộc :

— Ừ ! Đi đâu nữa ? Về đâu ? Mà nhà cửa có còn không ? Vợ con có còn không ? Xã Bảy có còn không ?

Bắt đầu từ phút ấy, hẳn dăm ra ngẩn-ngơ, ngờ-ngẩn như một người mất hồn. Suốt đêm, hẳn trăn-trở mãi trên chiếc sập tre, nhưng không nói gì thêm với Huyền cả. Cho đến sáng hôm sau cũng vậy. Huyền tặng hẳn một số tiền, chúc hẳn về bình yên. Nguyễn-Văn-Thung ngửa bàn tay phải, bàn tay bị cụt mất hai ngón vì gai mây ấn từ lúc nhỏ, cầm lấy. Hẳn ứa nước mắt, nhưng vẫn không nói gì. Và khi Huyền ra khỏi quán, ngoảnh lại nhìn, vẫn thấy hẳn ngồi bó gối, gục đầu, im-lìm như một pho tượng đá.

Thế rồi giữa cảnh khói lửa bốc dậy ngày càng dữ-dội, Huyền không được tin-tức gì về hẳn cả. Bộ hài-cốt bọc da lòng-không ấy đã lết được về quê cũ hay lạc-loài, trôi giạt phương trời nào ? Hay đã nát tan đầu

đó dưới sức công phá ác-liệt, kinh-khủng của bom đạn ? Thật khó mà biết được.

Mãi đến bảy tháng sau, cũng tại một quán trọ, nhưng lần này lại ở Bến Váng, ngay tỉnh nhà. Huyền được nghe một tin rất đáng thương tâm về hân. Nhân kể lại trận phục-kích cách đây hai hôm ở vùng tạm chiếm, một đồng-bào đã cho biết là bộ-đội rút lui vô sự cả, nhưng một thường-dân lại bị bắt oan. Kẻ bị bắt là một người đàn ông mà theo tầm vóc, dung mạo đã tả, Huyền tin chắc là Nguyễn-Văn-Thung. Đồng-bào kể chuyện còn nói rõ thêm :

— Lão ấy có vẻ khỏe-khạo, đần-độn quá. Chúng hỏi gì lão cũng lắc đầu nên tên đội người ma-rốc vốn độc-ác và nóng-nảy có tiếng đá cho nung cả một thỏi sắt, dí ngay vào má bên trái. Lão ngã lăn ra, quay quắt rồi ngất đi, nhưng chúng vẫn không tha. Chúng cứ điệu cõ lão về chùng như để tra khảo nữa. Trước sau gì rồi cũng chết chứ sống làm sao nổi...

*

Kể xong cái tiểu sử dẫm lệ của Nguyễn-Văn-Thung, Huyền ngồi lên buông ra một tiếng thở dài áo-nào :

— Từ đây tôi định-ninh là Nguyễn-Văn-Thung đã chết. Mỗi khi về quê, có dịp ghé qua đây, thấy gia-đình chị Thung sống trong cảnh yên vui, êm ấm và ai nấy vẫn tin-tưởng là hân đã chết sau ngày bị bắt một năm, tôi nghĩ cũng không nên nhắc lại những chuyện cũ làm gì nữa. Nhưng cách đây sáu tháng, đến trọ chung xóm với cụ Nghè Tân, tôi phải kinh-ngạc biết bao khi tôi gặp lại hân trong lão lắc đầu. Bàn tay cụt hai ngón ; cái vết sẹo to tướng ở má bên trái và cặp mắt của lão đã giúp tôi nhận ra Nguyễn-Văn-Thung. Thoạt tiên tôi đã

định tin ngay cho chị Thung biết, nhưng thú thực với anh đã mấy lần về đây rồi, tôi vẫn không có can-dảm đề tiết-lộ một sự thực đau đớn như vậy.

Tôi hỏi.

— Thế lão không nhận ra anh sao ?

Huyền lắc đầu :

— Không. Đáng buồn thương nhất là chỗ đó. Lão không nhận ra tôi mà chùng như lão cũng quên cả lão nữa.

Rồi Huyền lại dốt thuốt hút, nhìn tôi với đôi mắt dò la :

— Còn anh, khi đã về đây lại đã nghe rõ chuyện, anh nghĩ thế nào ?

Tôi chưa kịp đáp đã nghe có tiếng Thạch gọi từ đằng xa :

— Hai cậu đâu rồi ?

Huyền hú lên một tiếng. Thạch theo bờ ruộng chạy về phía chúng tôi.

— Mời hai cậu về ăn khuya.

Huyền cười

— Ăn thứ gì đây ?

— Cháo ong và ong xào. Chúng cháu vừa dốt được một bộng ong đất. Mọi bảo cậu rất thích ong xào.

Tôi lặng-lẽ rào bước theo Huyền và Thanh. Câu chuyện vừa rồi và câu hỏi của Huyền khiến tôi phải nghĩ-ngợi nhiều. Nhưng vừa vào đến sân, cuộc suy-tư gay cấn của tôi vụt tẽn vớ vì những tiếng cười trong trẻo từ phía nhà ngang đưa ra. Tôi nhìn vào nhà. Dưới ánh đèn giữa hai chiếc dũi (1) bằng tre, gác đầy những nong tầm vừa được rắc kín dũi, chị Thung đang trò chuyện với một thiếu-nữ tuổi vừa đôi tám. Thoạt nhìn, tôi đã phải chú ý đến cái tầm vóc nhỏ-nhăn

(1) Cái giá hoặc củi để các nong tầm.

cân-dối và gương mặt sáng sủa, phúc-hậu. Thiếu-nữ không đẹp lắm, nhưng rất có duyên với cặp mắt thông-minh, hiền-dịu và những nụ cười hồn-nhiên trên đôi môi mỏng đỏ thắm son trầu. Thạch từ nhà dưới bùng mâm cháo ra, đặt trên chiếc giường ở giữa sân, vừa liếc chừng Hưng vừa mỉm cười ranh-mạnh. Tôi chưa hiểu chuyện gì thì chị Thung đã bước ra, tiến lại phía Huyền và tôi, thân-mật :

— Mời các cậu ăn cháo ong. Mấy cháu nó vừa đốt được bọ ong đất khá lớn.

Huyền nhìn vào phía nhà ngang.

— Còn ai trong kia, mời ra luôn thề ?

Chị Thung bỗng nhìn Thạch, cười tủm-tím rồi nói nhỏ với Huyền.

— Con gái ông Trưởng Tam. Con Mịch, cậu quên rồi sao. Nó vừa bùng đồ cúng đất qua biếu tôi.

Rồi hạ giọng thấp hơn :

— Tôi định nói cho thằng Hưng đấy. Các cậu xem có được không ?

— Huyền tỏ vẻ ngạc nhiên :

— Mịch mà chóng lớn thế kia ư ? Được lắm, trông cũng xứng đôi rồi đấy.

Rồi anh vui vẻ nói lớn :

— Mời cô Mịch ra ăn cháo. Lâu ngày quá, cô lại chóng nhớn, khác hẳn đi. Tôi khó mà nhìn ra.

Mịch đang đứng bên cửa nhà ngang, nhoẻn miệng cười rồi e lệ cúi mặt xuống.

— Dạ, không dám. Mời bác và mấy cậu, mấy anh. Cháu xin về kéo mẹ cháu trông.

Rồi Mịch chào mọi người, xách chiếc mâm đồng đi vội ra phía cổng. Tôi nhìn heo. Bóng Mịch lướt nhanh qua, nhẹ-

nhàng như một cách bướm, dưới ánh trăng xanh và chỉ giây lát đã khuất hẳn phía sau cổng ngõ. Một làn gió nhẹ thoảng, đưa mùi hoa dạ-lý ở đầu sân vào, như gửi lại hương thơm của một tâm-hồn trinh-bạch.

Huyền bẻ bánh trắng kêu rơm-rốp, cười lên rồi vui vẻ hỏi chị Thung :

— Thề bao giờ chúng tôi mới được uống rượu ?

Câu hỏi làm cho Hưng đỏ mặt, bẽn lẽn mỉm cười ? Thạch thì cười lớn tiếng hơn. Chị Thung cũng cười theo con. Giữa những tiếng cười ròn-rã dưới bóng trăng sáng-rổ, chung quanh mâm cháo, câu hỏi của Huyền lúc này lại trở về ve - vãn tâm trí tôi. Nhất là trong một phút tình-cờ, ngược mắt ngắm nhìn một ngôi sao lấp-lánh ở phía chân trời, tôi như bất gặp trở lại cái lối nhìn hướng-thượng và cặp mắt hay tương-tư sao xa của lão lắc đầu. Hình ảnh một thằng người thất-thếu với đôi nước nặng trĩu trên vai, với cái đầu hay lắc-lư qua lại không ngừng như cố phủ-nhận tất cả mọi ý-nghĩa tốt đẹp của hiện hữu lại vụt hiện ra. Nhưng cũng ngay giữa phút này, tôi thấy cái thằng người ấy xa-xôi quá. Tôi thấy tôi đồng-tình với sự cảm lạnh của Huyền lâu nay. Tôi thấy cái cảnh ảm-cúng, cái hạnh-phúc bình-yên ở đây không phải là của hẳn, lão « lắc đầu ». Hạnh phúc ở đây là của Nguyễn - văn - Thung, của tên bạch - định lương - thiện, chất-phát đã bị các chủ-trương, thủ-đoạn chính-trị phi-nhân, tàn bạo thủ-tiêu mất rồi.

Còn đối với lão lắc đầu, cái cảnh êm-ấm, yên vui ở cuối thôn Trường-xuân này đã trở thành một cái gì rất xa-xôi, viễn-vọng. Xa-xôi như những ngôi sao trên muôn trùng cao thăm mà lão ngược mắt ngắm nhìn đề khát-vọng đêm đêm...

PHAN-DU

GIỚI THIỆU SÁCH MỚI

Bách-Khoa vừa nhận được :

- Do nhà sách Yên-Son xuất-bản và gửi tặng :
- « Toán hóa-học » các lớp đệ nhị Khoa-học và Văn-chương, của Ô. Hà-Văn-Dương biên soạn dày 136 trang, giá 45\$.
- « Địa-lý » lớp đệ Nhất A.B.C. của các ông Bùi-Đình-Tấn và Đàm-Xuân-Thiều soạn, sách dày 198 trang, giá 60\$
- « Công-dân giáo-dục » đệ Nhị A.B.C. in lần thứ hai của ông Phạm-Gia-Hưng soạn, sách dày 186 trang, giá 40\$
- « Địa-lý đại-cương » lớp đệ Tam, của ông Bùi-Đình-Tấn, sách dày 196 trang, giá 55\$

Các nhạc phẩm do nhà xuất bản Tinh-hoa miền Nam số 166c Đường Kỳ-Con Sài Gòn gửi tặng :

Tôi với Anh của Y-Vân.

Chiều viễn-xứ của Lê-Mộng-Bảo

Mưa chiều của Long-Ngọc

Đẹp Bạc-Liên của Anh-Việt-Thu

Hôm nào Anh đi của Lê-Đình

Về mái nhà xưa (come back to Norriento) lời Việt của Lê-Mộng-Bảo

- Tạp san Khoa-học Kỹ-thuật, số đặc-biệt về chương trình trồng ki nấp và gai tại Việt-nam năm 1959 do hội Khoa-học Kỹ-thuật, xuất-bản và gửi tặng, giá 45\$00.
- « Non nước Việt-nam » gồm 12 bài của Giáo-sư Sử-địa Nguyễn-Thiệu-Lâu và do đài Vô-tuyến truyền-thanh Sài Gòn phát-hành.
- ★ Thơ Nôm Phước-Môn của Nguyễn-Hữu-Bài (1863 - 1935), do Nguyễn-Thúc sao lục và chú-thích. Việt-Điền Thái - Văn - Kiềm đề tựa, Nguyễn-Huyền-Anh trình bày, giá 50\$

Bách-Khoa xin trân trọng cảm tạ các nhà xuất-bản Yên-sơn, Tinh-hoa ông Huyền-Anh và xin ân cần giới-thiệu cùng bạn đọc—

Hãng TRƯỜNG

XUẤT-NHẬP-CẢNG

Đại - Lý

Văn-Phòng tại SAIGON :

11, đường Pasteur

Điện-thoại : 20.432

Địa-chỉ Điện-tín: ETRUNIMEX SAIGON: ĐÀ-NẴNG : 52 Bến Bạch-Đằng

: NHA-TRANG :

39, đường Phan-bội-Châu

: QUI-NHƠN : 29, đường Gia-Long

TÀU :

«NHỰT-LỆ» — «TRƯỜNG-SƠN» — «ĐẠI-HẢI» — «THĂNG-LONG»

«TIỀN-PHONG» — «THỐNG-NHỰT» — «PHÚ-QUỐC»

Thường xuyên : SAIGON — NHA-TRANG — QUI-NHƠN — ĐÀ-NẴNG

Chuyên chở cẩn thận và mau chóng

HỘP THƯ BÁCH KHOA

Bách-Khoa đã nhận được :

— Hồn quê — Chuyện đời (Phan-Hiền-Đức) Tìm em, Nhủ em, Cho người bên kia làng tôi — Chàng thi-sĩ áo Lam, Chờ đợi (Trần - Hà - Trung) Trong lòng đô thị, Chiếc bóng, Bút các anh, Áo tình ngàn xưa (Tôn nữ Hoàng-Trân) Đêm chia ly, Chờ, (Linh-Nguyên) Dâng chiều — Rừng bản trắng sao — Nỗi lòng nhớ quê của thi hào Đỗ-Phủ (Thanh-Việt-Thanh) Bài thơ hai mươi (Trúc-Lan) Ly hành — Dạ khúc (Kim-Tuấn) Thơ mở — Cuốn cuộn (của Hoài-Hương)

— Triết-lý tồn tại; Người đàn bà kỳ dị (Huyền - Vi) Ôn nhớ trước ngưỡng xuân (Lê-Văn) Mừng B.K.; Gây hấn làm chi; Nhớ mẹ; Tiền; Xuân lãng-ông; (Võ-Trọng-Thế)

Bạn Thanh-Việt-Thanh *Biên-hòa*. — Bài bạn góp ý về « Tiếng địa phương », đã giao cho bạn Nguyễn-Ngu-Í. Xin cảm ơn bạn và sẽ đăng trong một số tới.

Bạn Trần-Nhân-Giang. — Mong bạn gửi thêm sáng tác mới. Mấy bài thơ của bạn để quá lâu, mong bạn thứ lỗi.

Trân trọng cảm ơn các bạn.

Những bài không đăng :

Chờ thu, Chờ đêm (H.T.P.) Mùa trắng (B.N.) Mưa chiều phố (THN) Lối cũ (T.L.) Hình dung (T.N.C.) Nhìn xa (T.A.) Vào thu, Bản-khoản, Lạc vào mùa thu (T.H.T.) Tóc thu (N.T.T.) Rán lên đi (T.H.H.) Nghẹn ngào. Hôm qua và hôm nay (H.T.P.) Mộng tưởng (H.T.) Đêm dài (T.H. H.) Người em năm cũ — Mỗi tình đầu (K. H.) Đông cảm (H. P. Q.) Thôn thừ (V.A) Hương chiều (TT) Cô đơn (D.N.) Đi mua báo Bách-Khoa (P.N.) Tại sao (X.D.) Một trang nhật ký bỏ dở. (H.L.G.) Mẹ là gì ? (N.P.T.)

Những bài trên đây vì nhiều lý do nên rất tiếc không đăng ngay được. Mong đợi các bạn gửi thêm cho những bài khác nữa.

Ô. Nguyên-Vũ : Xin gửi thêm cho sáng tác đặc-sắc hơn « vào khuya »

Ô. Phong-Võ : Hai đề tài đều cũ quá; người ta nói đi nói lại mãi rồi. Mong đợi những bài khác nữa.

Ô. Nguyễn-Toại : Rất mong ông sẽ gửi đều các bài khảo-luận cho Bách-Khoa.

Ô. Nguyễn - Văn - Dương : Rất tiếc bài « Điềm-sách » chưa được đầy đủ. Mong ông gửi cho các bài khác nữa.

Thư-Quán XUÂN-THU

185/193 đường Tự Do Saigon — Đ. T. : 20.051

đầy đủ :

- Sách, Báo quốc tế
- Dụng cụ văn-phòng

Đồng hồ Mỹ **TIMEX**

Đúng Chắc Đẹp



Bán ở khắp các tiệm đồng hồ và tại
VIỆT - NAM KHUẾCH TRƯƠNG KÝ - NGHỆ
ĐỒNG HỒ CÔNG TY
176, Hai Bà Trưng — Sài Gòn

BÁCH-KHOA ĐÓNG TẬP

đã có tập 5 (48-60)

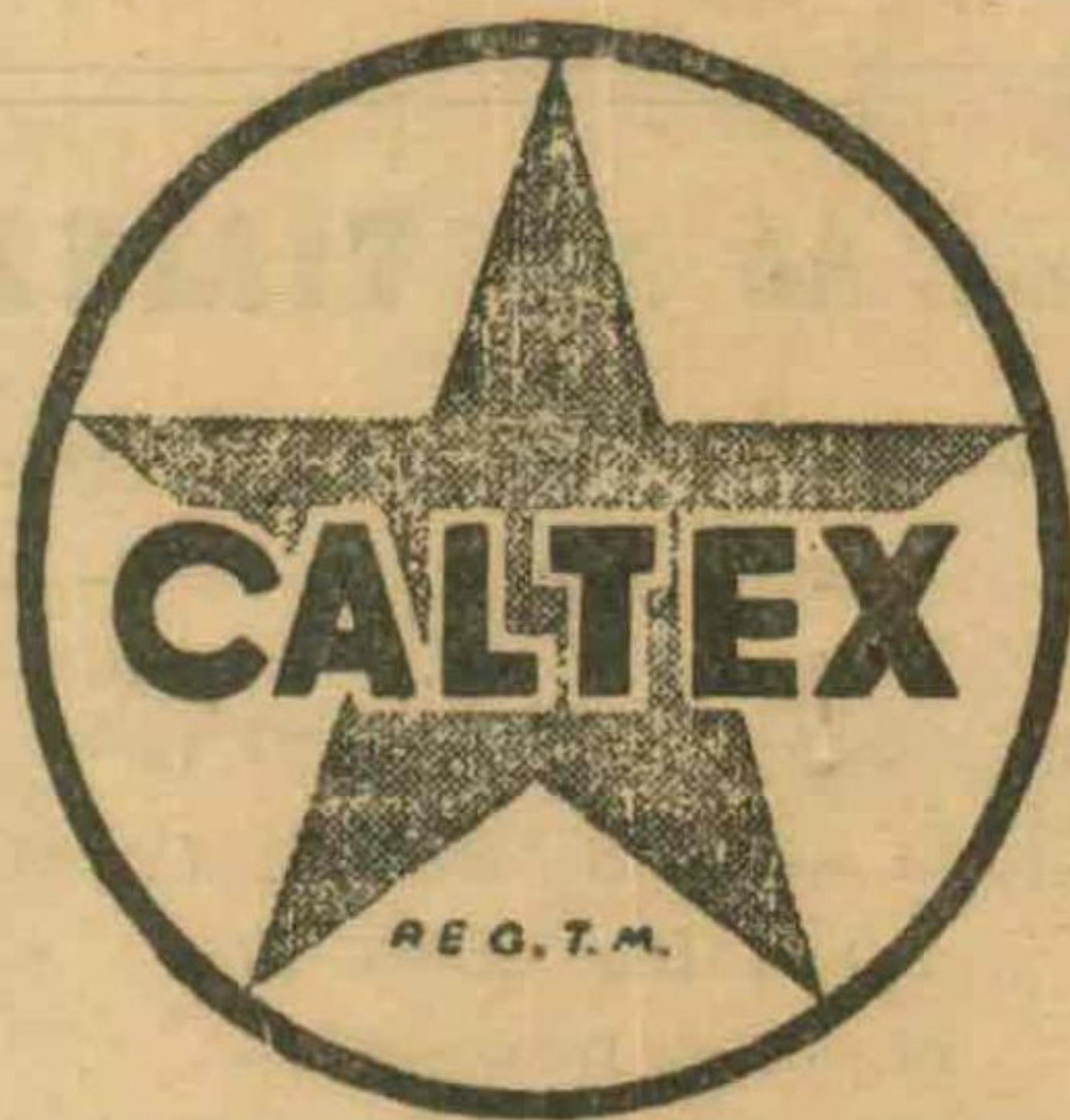
Giá 105 \$ và 110 \$



Có bán tại các hiệu sách và
tại Tòa soạn **BÁCH-KHOA**
160 Phan-dình-Phùng—Saigon

CALTEX (ASIA) LIMITED

*Phát hành ở Việt-Nam
tất cả nguyên liệu có giá trị*



và đặc biệt nhất là dầu

RPM

THE PREMIUM MOTOR OIL

H.D.

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME-ORIENT

(S. O. A. E. O.)



DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tộ (Khánh-hội) — SAIGON

Tél. : 23.741 — 23.742



Fabrication : **Oxygène — Acétylène — Gaz Carbonique.**

Vente : **Hydrogène - Ammoniaque - Cyclopropane
— Protoxyde d'Azote — Argon etc...**

Matériel pour soudure oxy-acétylénique et électrique.

Installations de gazothérapie.

*Notre service technique d'application est à la disposition de la
clientèle pour toutes études et installations.*



Gipsy

một loại xe hai đít mới nhất
và đặc biệt nhất của Hãng

AUSTIN

Nhún rất êm, dầu cho đường hết sức xấu-l Có hai loại máy :

— chạy bằng essence, giá phồng định mỗi chiếc : 136.000\$.

— chạy bằng diesel, » » » » : 156.000\$.

Qui ngài muốn cần biết thêm chi tiết và đặt mua loại xe này,
xin do nơi :

SOCIÉTÉ DES GARAGES CHARNER

131-133, Đại-lộ Nguyễn-Huệ — Saigon

Đ. T. 20.423 — 22.531 — 21.124

Đại-lý độc-quyền tại Việt-Nam.

IMPRIMERIE NOUVELLE D'EXTRÊME - ORIENT (INDIEO)

Adresse Tél. IDEORIENT - SAIGON

Tél : 20.821 — Boite postale : 276

1, Duong Nguyen-Sien — SAIGON

IMPRESSION DE TOUS OUVRAGES REVUES, BROCHURES,
CATALOGUES TOUS IMPRIMÉS DU COMMERCE
REGISTRES, FACTURES, CARNETS EN TÊTE DE LETTRES,
ENVELOPPES ACTIONS, OBLIGATIONS, CHÈQUES
CONDITIONNEMENTS, ÉTIQUETTES PAQUETAGES TOUS
MODÈLES FAIRE PART NAISSANCE, MARIAGE, CARTES
DE VISITE ET D'INVITATION CALENDRIERS DE FIN
D'ANNÉE TOUS TRAVAUX

NOIR ET COULEUR, TYPO — OFFSET

REPRÉSENTANT EXCLUSIF :

MACHINES A ÉCRIRE **"HERMES"**

PAPIER HELIO **"DOREL"**

VIỆT NAM BẢO HIỂM PHÁT BÀ



Công Ty bảo hiểm người Việt

Đầy đủ Uy Tín và Kinh Nghiệm



Bao bọc tất cả hiểm nguy

Trụ sở : 13 Đ. Pasteur Saigon

Đ.T. : 23529



Long Size



Thuốc Thơm *điếu dài*

HƯƠNG-VỊ HOA-KỲ

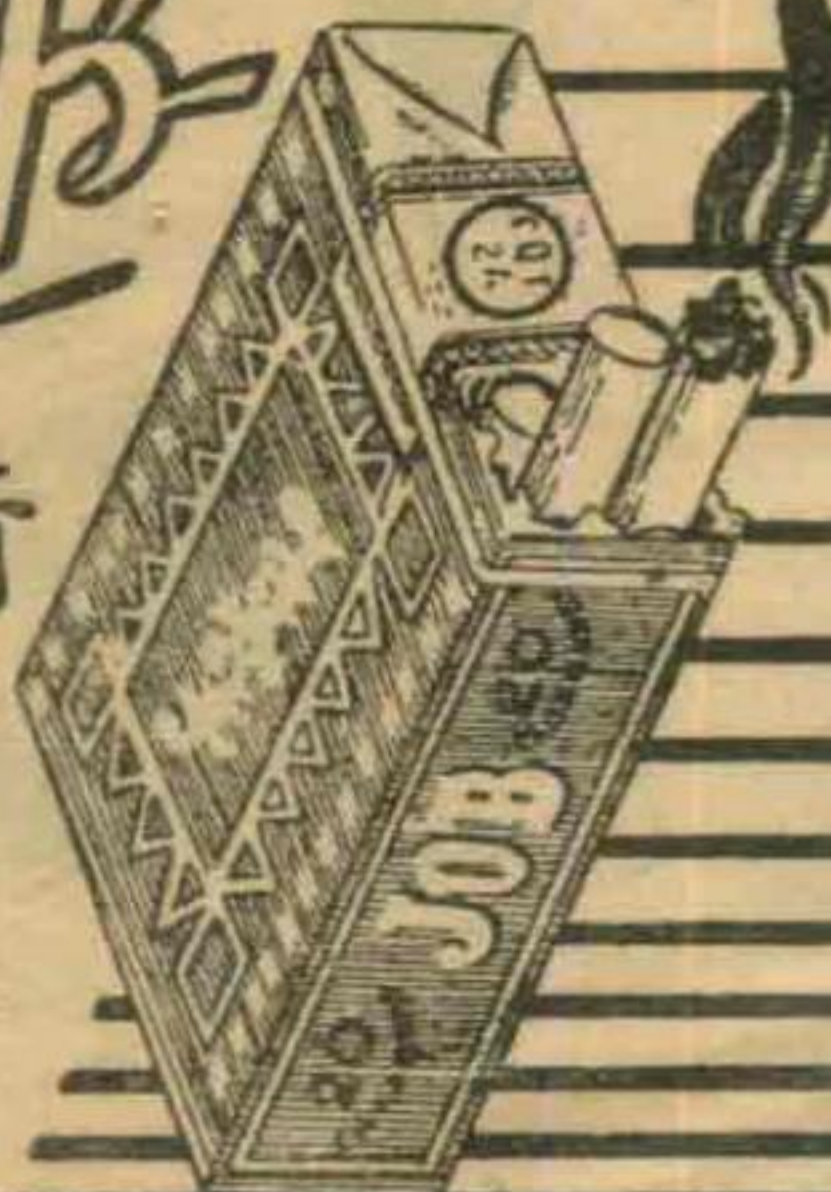
高發烟廠出品

THUỐC LÁ JOB
Mùi êm dịu
Khói thơm say
Hương - vị ngọt ngào
Khắp gần xa nức tiếng.

NÊN HÚT THUỐC LÁ

JOB

請吸
金字烟



**BANQUE COMMERCIALE ET
INDUSTRIELLE DU VIETNAM**

**VIỆT-NAM CÔNG THƯƠNG
NGÂN-HÀNG**

Số vốn : 50.000.000\$ V. N.

TỔNG CUỘC SAIGON :

Địa chỉ : 40-48 đường Ngô-đức-Kể Saigon

Địa chỉ mới kể từ ngày 1-7-59 :

gốc Đại-lộ Hàm-Nghi (93-95)

và đường De Lattre de Tassigny

Điện thoại : 21.558-21.559

Địa chỉ điện tín : Vietnambank

CHI NHÁNH DANANG (Tourane)

Địa chỉ : 59 đường Độc-Lập

Đảm nhiệm tất cả công việc Ngân hàng

Có Đại diện khắp hoàn cầu.

« SỰ AN-NINH CỦA BẠN LÀ TÙY NƠI NGƯỜI BẢO-HIỂM BẠN »

DESCOURS ET CABAUD

Bà o - H i ề m

1-3-5 Bến Chương - Dương — Saigon

Điện - Thoại : 20114 — 20115 — 20116 — 23739

ACCIDENTS — INCENDIE

Tai-nạn

Hỏa-Hoạn

TRANSPORTS — RISQUES DIVERS

Hàng-Hải

Linh-Tinh

ĐẠI - LÝ

của

MUTUELLE GENERALE FRANCAISE ACCIDENTS

L'OCEAN — CENTRALE — HAVRAISE — PROVIDENCE

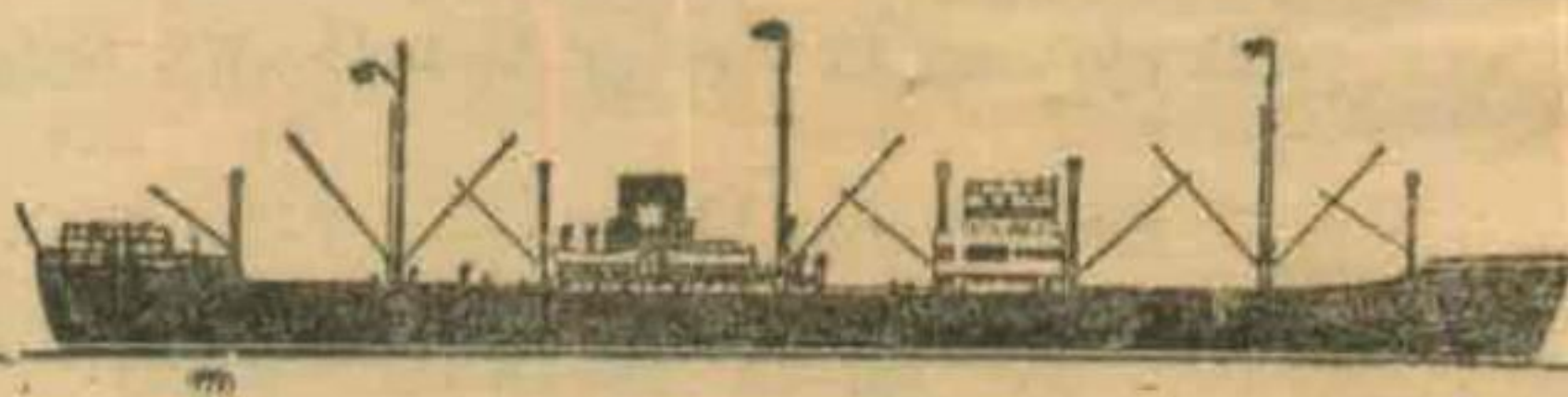
— RHONE MEDITERRANEE — L'INTEROCEANE

LA MUTUELLE DU MANS

Chi Nhánh : PARIS - TOURANE - CHOLON - DALAT - CANTHO - VIENTIANE

HONGKONG TANANARIVE - TAMATAVE ABIDJAN DOUALA

**MAERSK
LINE**



A. P. Moller

8, Kongens Nytorv

COPENHAGEN. K. Denmark

Services réguliers entre Est Canada-Côtes Est et Ouest
des USA avec les principaux Ports d'Extrême-Orient

AGENTS AU VIETNAM

PLANTATIONS DES TERRES ROUGES

236, Duong Cong-Ly — Saigon

Tél. : 20,338 - 39 - 40

BÁCH-KHOA ĐÓNG TẬP

Hiện nay Bách - khoa đóng thành tập
cuốn thứ V (từ số 49 đến số 60) đã
có bán tại các hiệu sách và tại tòa báo
160 Phan - Đình - Phùng Saigon.

Giá mỗi tập 105 đ.

Ở xa xin gửi cước phí bảo đảm
mỗi tập 15 đ.



BÁCH - KHOA ĐÓNG TẬP

Từ 1 - 60 : 5 tập : 525 đ.

Một tặng phẩm giá trị và trang nhã



NƯỚC-NGỌT

HIỆU

CON-CỌP

- VỆ-SINH
- TĨNH-KHIẾT
- BỒ-DƯỠNG



CIGARETTES

MÉLIA



MITAC

ВАСННОАВАСННОАВАСННОАВАСННОА
ВАСННОАВАСННОАВАСННОАВАСННОА
ВАСННОАВАСННОАВАСННОАВАСННОА
ВАСННОАВАСННОАВАСННОАВАСННОА

百科雜誌

Chủ sách PHUC-THANH
58. Đại lộ Lê-Lợi Saigon

Chủ-nhiệm : HUYNH-VĂN-LANG
Quản-nhiệm :

Tòa soạn :

160, Phan-Đình-Phùng — Saigon
Điện thoại : 25.539

Giá Công Sở : 15\$
GIÁ : 10\$

In tại nhà in VĂN-HÓA
412-414, Trần-Hung-Đạo — SAIGON